

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Bùi Hiến

#### Tiểu sử

(Xem Vài hàng về tác giả)

#### Tác phẩm

(Xem Vài hàng về tác giả)



### Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2  
Tiểu sử tác giả - Wikipedia - 3  
Một trận bão cuối năm – 5  
Năm vạ – 8  
Chiều sương - 12  
Ma đậu – 17

#### Phụ đính:

Ác cảm – Cái dọc tẩu – Kẻ hô hoán – Ôm - Bạc – Chiếc đồng hồ  
Chiếc xe thời gian - Hai anh học trò có vợ - Nỗi oan của bác đồ gàn  
Người chồng - Nhà xác - Những nỗi lòng – Thăng Xin – Về làng

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Vài hàng về tác giả



Thật tài tình, Xuân Sách đã “vẽ” Bùi Hiển vừa trào lộng, vừa chính xác, vừa tả thực:

Sinh ra trong gió cát  
Đất Nghệ An khô cằn  
Bao nhiêu năm **Nằm Vạ**  
Trước cửa Hội Nhà Văn

Lý Hồng Nhân  
(trích trong *Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn* với Xuân Sách)

*“...Nhà thơ Xuân Sách vừa qua đời tại Hà Nội nửa đêm 2 tháng 6-2008. Ông họ Ngô, sinh ngày 4-7-1932, tại Thanh Hóa, tác giả 4 tiểu thuyết, 4 tập truyện, 4 tập thơ, nhưng nổi tiếng nhất là tập thơ biếm họa Chân dung nhà văn, xuất bản năm 1992, gồm 99 bài đã được truyền tụng trong văn giới từ vài ba mươi năm về trước. Thêm một chân dung tự họa.*

*Bạn đọc trẻ ngày nay, nhất là người không theo sát thời sự văn nghệ Hà Nội, khó bề tưởng tượng được ảnh hưởng của loạt thơ này trong quần chúng qua nhiều thập niên cuối của thế kỷ trước. Song song với thơ Xuân Sách là thơ hài hước Bút Tre thời đó, vừa đùa với ngôn ngữ, vừa phản ánh thời thế. Thơ Bút Tre giàu chất hài hước, thơ Xuân Sách nặng phần thể sự, qua lăng kính văn học vừa trào lộng, vừa chính xác, vừa tả thực.*

*Đặt thơ Xuân Sách vào thời điểm của tác phẩm, nhất là sau « vụ án » xét lại, mà hủ hồn cho những câu (trong bài 69) :*

*Nhà càng lộng gió, thơ càng nhạt  
Máu ở chiến trường, hoa ở đây.*

*Ám chỉ lãnh đạo Tố Hữu, tác giả các tập thơ Gió Lộng (1955-1961) và nhất là Việt Nam, máu và hoa (1972-1977). Ai cũng biết anh Lành không phải là người hiền lành giữa một thời cuộc không hiền lành....”*

## Tiểu sử tác giả

## Wikipedia

Bùi Hiền (22 tháng 11 năm 1919 - 11 tháng 3 năm 2009) là một nhà văn Việt Nam, từng tham gia cộng tác với nhóm Tự Lực văn đoàn. Ông nổi tiếng trên văn đàn Việt Nam với tác phẩm *Nằm vạ* (1941) khi mới 22 tuổi.



### Tiểu sử

Bùi Hiền sinh tại làng Phú Nghĩa Hạ, nay là xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. Vốn sinh trưởng trong một gia đình khá giả, ông sớm được tiếp xúc với văn hóa Pháp, chịu ảnh hưởng nhiều của nhóm Tự Lực văn đoàn.

Thời trẻ, Bùi Hiền theo học trường quốc học Vinh (nay là trường Huỳnh Thúc Kháng). Ông ở trọ cùng nhà với một người bạn mê đọc văn học Pháp, tên là Hồ Phi Thúc. Ông Hồ Phi Thúc thường thức rất khuya đọc sách. Dần dần Bùi Hiền cũng mê lây thói quen đọc sách văn học của Hồ Phi Thúc. Trong thời gian này, văn học Việt Nam đang cách tân mạnh mẽ và nở rộ với nhiều sắc thái mới mẻ. Bùi Hiền hăm hở tìm đọc Nguyễn Công Hoan, Thạch Lam, Thế Lữ, Khải Hưng, Vũ Trọng Phụng...

Tốt nghiệp trung học, Bùi Hiền đi làm công chức và lúc rảnh rỗi vào buổi tối bắt đầu viết văn. Khởi đầu sự nghiệp văn chương, ông đăng các truyện ngắn trên tạp chí *Hà Nội tân văn* của Vũ Ngọc Phan như *Nằm vạ* (1940), *Mạ đậu* (1940), *Chiều sương* (1 tháng 3 năm 1941), *Thuốc độc* (24 tháng 4 năm 1941)... Truyện *Nằm vạ* đăng trên báo *Ngày nay* tháng 9 năm 1940 là truyện đầu tiên được in của Bùi Hiền, có lời giới thiệu của Thạch Lam.

Trong cuốn hồi ký *Những năm tháng ấy*, Vũ Ngọc Phan viết: "Những cộng tác viên đầu tiên của tờ báo (*Hà Nội tân văn*) là Lưu Trọng Lư, Ngô Tất Tố, Trọng Lang (tức Trần Tấn Cử), Đỗ Đức Thu, Nguyễn Tuân, Hằng Phương, Thiết Can và về sau có thêm Thanh Tịnh, Bùi Hiền, Mạnh Phú Tư, Tô Hoài... Bùi Hiền được bạn đọc chú ý từ những truyện về phong tục, về mê tín dị đoan của người dân quê xứ Nghệ". Năm 1941, Bùi Hiền xuất bản tập truyện ngắn *Nằm vạ* qua nhà xuất bản Đời nay của Khải Hưng ở Hà Nội. Tập truyện ngắn nhanh chóng nổi tiếng, đặc biệt với truyện ngắn cùng tên.

Năm 1944, ông tham gia cách mạng. Theo lời ông kể thì "khoảng cuối năm 1944, qua sự giới thiệu của một anh bạn công chức, tôi gia nhập Thanh niên cứu quốc bí mật (Tô Hoài trong bài nào đó nhớ nhầm là tôi vào Đảng Dân chủ). Một trong những "công tác cách mạng" đầu tiên là sắm một con dao găm. Nhưng cũng chẳng được luyện tập võ nghệ gì. Và cũng không thấy ai đến tuyên truyền huấn luyện về chính trị. Chỉ thỉnh thoảng một cuộc họp ngắn và bí mật, truyền đạt tin tức về khí thế Việt Minh ở các nơi và nhắc nhở việc sẵn sàng "chiến đấu hi sinh cứu nước"<sup>[2]</sup>.

Trong suốt giai đoạn 1945 đến 1960, ông tham gia công tác văn nghệ, giữ chức chủ tịch Hội văn nghệ tỉnh Nghệ An, nhưng ít sáng tác, một phần thời gian dành cho công tác dịch thuật.

Năm 1956, ông giới thiệu tuyển tập truyện ngắn, dịch của Anton Antonov. Năm 1957, ông gia nhập Hội nhà văn và giữ cương vị Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam liên tục các khóa I (1958-1961), II (1962-1972), III (1973-1982).

Năm 1975, ông là trưởng đoàn Hội nhà văn theo chân quân đội miền Bắc Việt Nam vào Huế và Đà Nẵng. Tuy nhiên, khi vào Huế, ông đã chấp thuận giải tán đoàn để các văn nghệ sĩ có thể tự vào sâu hơn.

Sau 1975, ông tiếp tục công tác trong Hội nhà văn Việt Nam và giữ chức chủ tịch Hội đồng văn xuôi Hội Nhà văn Việt Nam khóa IV.

Năm 2001, ông được trao Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật cho các tác phẩm *Bạn bè một thuở*, *Tuyển tập Bùi Hiển*, *Ánh mắt*, *Ngọc ngẩn mùa xuân*.

Ông qua đời lúc 7 giờ ngày 11 tháng 3 năm 2008, thọ 91 tuổi.

#### Một số tác phẩm tiêu biểu

---

- *Nằm vạ* (truyện ngắn, 1940)
- *Mạ đậu* (truyện ngắn, 1940)
- *Chiều sương* (truyện ngắn, 1941)
- *Thuốc độc* (truyện ngắn, 1941)
- *Nằm vạ* (tập truyện ngắn, 1941)
- *Tuyển tập truyện ngắn, Antonov* (dịch, 1956)
- *Ánh mắt* (truyện, 1961)
- *Trong gió cát* (truyện ký, 1965)
- *Đường lớn* (truyện, 1966)
- *Những tiếng hát hậu phương* (truyện, 1970)
- *Hoa và thép* (truyện, 1972)
- *Một cuộc đời* (truyện, 1976)
- *Ý nghĩ ban mai* (truyện, 1980)
- *Tâm tưởng* (truyện, 1985)
- *Ngọc ngẩn mùa xuân* (truyện, nhà xuất bản Đồng Nai, 1995)
- *Hai mươi lăm truyện ngắn 1940 - 1995* (1996)
- *Tuyển tập Bùi Hiển* (tập I, 1987; Tập II, 1997)
- *Hướng về đâu văn học* (tiểu luận, 1996)
- *Những người yêu nữ thần biển, nhiều tác giả* (dịch, 1993)
- *Những truyện ngắn phương Đông, Marguerite Yourcenar* (dịch, 1996)
- *Bản di chúc Pháp, Andrei Makine* (dịch, 1998)
- *Bạn bè một thuở* (chân dung văn học, 1999)

#### Nhận xét

---

Trong *Lược sử văn học Việt Nam*, nhà nghiên cứu Thế Phong đã nhận định về truyện ngắn trước 1945 của Bùi Hiển như sau:

*Truyện ngắn trước tiên chiến của ông có tính cách địa phương, viết rất hình ảnh quê hương nơi ông sinh trưởng, cho nên Vũ Ngọc Phan cho rằng đọc Nằm vạ của Bùi Hiển âm hưởng như Eugène Roy của Pháp, tả người dân quê miền Nantes, những nét đậm đà như Chateaubriand viết La Brière hoặc Joseph de Pesquidoux trong Chez nous sur la glèbe.*

Năm 1958, ông viết truyện ngắn *Ngày công đầu tiên của cu Tí* để cổ vũ cho phong trào hợp tác xã. Truyện ngắn này được sử dụng trong giáo trình văn học phổ thông tại miền Bắc và cả nước Việt Nam trong nhiều năm.

\*\*\*

## Một trận bão cuối năm

Ngày hai mươi nhăm tháng Chạp một năm đã xa, một trận bão khốc liệt và rất đối trái khoáy thất thường tàn phá bờ biển Bắc Trung Kỳ. Mãi tới hăm ba, trời vẫn còn quang đãng. Mùa đông năm ấy dịu ấm, có những ngày nắng hanh vàng rọi. Người ta bảo nhau: mùa sẽ muộn, cái rét muốn dồn sang Giêng hai.

Các ông Táo trở về trên kia chắc bay bằng cánh nhẹ giữa bầu trời xanh lơ như làm bằng khói pháo. Đốt vàng tiền xong, những bác chài trong làng quây rương xuống thuyền đi một chiều lưới tất niên. Vợ họ tươi cười biệt chồng dặn với:

- Nhờ trời đi, mau về cho kịp ăn Tết, chái!

Họ mong sẽ về được rất sớm. Năm ấy được mùa biển, lưới lên căng phình. Sự sống trong làng sung túc hơn, người ta dự định ăn cái Tết khá khá để hưởng một cái vui xưa nay chưa từng được và cũng để tạ ơn Thần Phật tổ tiên đã phù hộ cho.

Nhưng ngay tối hôm ấy, trời đổi tiết. Mây đen lặng lẽ kéo lên rồi vỡ thành trận mưa nhỏ. Đồng thời, gió nổi dậy, như đến từ một nơi nào xa lắm. Nghe tiếng khua động lạo xạo sắc nhọn của những cành lá như làm bằng thép; rồi một cái miệng vĩ đại nào thổi phù từng luồng hơi trong không khí rất dữ dội. Tiếng mưa râm ran bao la. Những giọt tranh nhỏ xuống vũng nước lũng bũng. Không phải kiểu mưa dầm mùa đông, dai dẳng và lặng lẽ. Đây thực là một trận mưa thu đột ngột, lộng những cơn gió mạnh ray rứt. Bầu trời chứa đựng một nỗi tức giận gì đang muốn nổ bật ra.

Quá nửa đêm, gió càng lên mạnh. Ngoài kia bề réo sôi, sự náo động của những sức mạnh phi thường, buổi diễn trong bóng tối dày, càng rợn một sự dọa nạt ghê sợ. Làng đã tỉnh dậy, bỗng rộn hẳn lên. Tiếng người gọi nhau, gió mưa át mang đi. Ngoài sông, một giọng còn ngái ngủ la hét hốt hoảng: có chiếc thuyền nào đã bứt đứt dây neo, trôi đi theo chiều gió. Người ta hỏi hỏi chờ đợi một tiếng va đụng rầm rột... Tiếng cát sạn sào chèo lịch kịch. Thỉnh thoảng, "bùm", một cái neo quăng xuống nước.

Sáng hôm sau trời bệch hẳn mặt ra. Làng xóm bơ phờ, như vì đã phải thức nhiều trong cái đêm náo động.

Qua ngày hăm lăm, khoảng gần sáng, cơn bão tới tột độ mãnh liệt. Gió mạnh, như thu góp tự bao giờ, thổi phù từng trận, bạt ngang trận mưa. Người ta nghe tiếng vắn mình kéo kẹt của những túp lều không chắc chắn. Bỗng một vật gì đen đen bay sột tường rồi rơi sà xuống: đó là một miếng tranh bị bóc từ mái nhà bên cạnh. Biển cả càng vang tiếng rầm rộ âm u. Sóng mạnh đánh vào các hốc đá, không khí bị ép nổ đùng đùng như súng.

Dải sóng vàng khè, như thể đất bùn ở dưới lòng sâu đã bị khoáng lên. Cái làng nhỏ đáng thương nằm giạt, sợ hãi, tê cóng dưới mưa lạnh, có vẻ nhẵn nhụi. Người ta nghĩ đến những thuyền lưới ngoài khơi. Thuyền nào đã gãy cột, văng lái, quay nhào theo sóng rồi đổ ụp? Thuyền nào đã rã tan từng mảnh, đánh văng tóe người ra như những giọt nước? Mẹ và vợ dân chài, hai hôm trước còn tươi cười, nay ngồi ép trong một xó lều, nhìn mưa gió qua những chỗ trống dột, và nghiền ngẫm một niềm bi thống mênh mang.

Mãi tới chiều, mưa gió mới ngớt dần, rồi sáng hôm sau, trời bỗng vàng khè như nghệ. Người

trong làng kéo nhau ra Mũi Trâu, ngóng thuyền về. Sự chờ đợi trong hai ngày đầu bị thất vọng. Nhưng ngày thứ ba, người ta nhận thấy một chấm đen nhỏ về phía bờ biển làng Ngọc Hải. Những cụ già nhắm mạnh đôi mắt nhoèn ướt rồi trượng lên cổ nhìn, hỏi: "Mô? Mô?". Khi đã nhận rõ hình chiếc thuyền, ai nấy cố đoán xem thuyền ai. Một người nói đầu, chỉ sợ ước đoán vu vơ: "Giống thuyền nhà ông Long Nghị".

Trong lúc đó chiếc thuyền tiến rất chậm chạp. Nó đi dọc bờ cát, lủi thủi như một con chó vừa bị đánh chạy nép chân tường. Cột buồm gãy, ngắn cụt, giờ vết thương vàng ệch. Buồm và lưới ngổn ngang. Chắc hẳn chèo đã bị gãy, người trên thuyền phải chống sào.

Mọi người rủ nhau xuống bãi cát. Một bác có bộ ngực tốt hỏi to:

- Thuyền ai đó?

Đằng kia đáp:

- Xin Bình.

Đám người nhón nháo. Ba bốn cụ òa khóc. Đó là những cụ có người nhà đi cho ông Xin Bình. Những cụ khác khóc theo.

Người ta hỏi:

- Ai nằm đó?

- Cố Năm. Liệt đi rồi.

Người ta bảo nhau: "Chẳng trách! Cố già, chịu mô được cái bão ráp như thế ni".

Khi chiếc thuyền quay mũi vào lạch, cố Năm mới lên tiếng. Cố thở dài sườn sượt, rồi nói bằng giọng khàn: "Thôi, chuyển ni về nhà nằm mà chết cho khỏe. Kiếm được con cá nhọc lắm! Nhọc lắm!" Mấy cụ nhà quê càng rống lên.

Những người vừa về không ai biết tin gì về những thuyền khác. Nhờ thuyền chạy hay, riêng họ đã tháo được xuống Cửa Lò.

Về đến nhà, có người bật khóc như con nít: họ kể lại những nỗi gian nguy đã chịu. Khi nghe nhắc đến những ngọn sóng "cao như rú" đâm bổ xuống làm thuyền văng bật ra xa như một cái nút chai, mấy cụ nhà quê nhắm mắt, rùng mình kêu lên: "Ồi chao ôi! Rõ khiếp khủng!".

Cũng trong ngày ấy và ngày hôm sau, thuyền ông Tý Điển, ông Dần Năm, ông Lý Cự, lần lượt về lạch. Còn tám thuyền nữa không tin tức.

Ấy là hôm hăm chín, ngày cuối năm.

Nửa đêm, sau khi nghe trên đèn nổ ba chiếc lói sắt báo giờ giao thừa, làng bỗng dậy ran tiếng pháo. Đám nhà giàu, mà trận bão vừa qua không làm thiệt hại, âm ỉ đón mừng năm mới.

Tiếng huyền náo sục vào những nhà dân chài. Niềm bi thống chợt thức dậy càng bóp lòng những cụ nhà quê. Họ ngờ ngạc lắng nghe tiếng mừng rộn rã của thiên hạ.

Lát sau một đám người tụ họp trước miếu thờ dựng cạnh ngã đường ra cửa lạch. Họ vào miếu si sụp khấn vái và hy vọng. Nhưng khi trở ra, khi tiếp xúc với bóng đêm lạnh và nghe rõ tiếng

bể rền rĩ, ai nấy lại đều tấm tức muốn khóc. Họ đứng tần ngần, không muốn lia nhau. Mỗi lo buồn chung đã ràng buộc họ.

Phía trước mặt, cửa lạch in hình tam giác mờ mờ trắng. Sóng bể u trầm nghe tha thiết. Giữa cái huyền ảo đặc đen và bao la ngoài kia, chồng con họ hiện ở chỗ nào? Trong tiếng sóng, phải chăng có chen lời than vãn của những kẻ đáng thương chết không mồ mả, thân thể bị nước mặn hung hăng nhồi lác, ray rút đến rã rời từng mẩu thịt sũng mềm?

Một mục nói: "Về ta!". Nhưng không ai nhúc nhích. Khoảng trắng mờ tam giác như thu hết linh hồn mọi người: trí não giãn căng, họ như mong đợi một sự xuất phạm. Và họ đã được chứng kiến một cảnh tượng kỳ lạ.

Có phải mọi người đều hoa mắt, vì đã nhìn lâu trong bóng tối? Sự chấn động gây bởi những ngày đợi chờ vô vọng đã đánh loạn thị giác của họ chăng? Nhưng mãi ngày nay, tuy việc đã lùi xa theo thời gian, những người trong cuộc đều đoán chắc đã thấy rõ ràng và kể lại được tách bạch từng tiểu tiết.

Họ thấy giữa khoảng bể đen mờ mọc lên một điểm ánh sáng xanh, tiếp sau đó mọc thêm hai điểm nữa cũng màu biếc xanh y hệt. Trông giống ba vì sao vừa ngoi ở dưới nước lên, giống thẳng hàng như buộc lấy nhau bằng một sợi dây. Những điểm ánh sáng ấy bay tới phía cửa lạch, to dần thành những ngọn đèn le lói chiếu mờ mờ ra chung quanh, làm nổi những bóng đen lớn thon dài. Người ta nhận ra được những hình thuyền. Buồm không thấy căng lên: không nghe chèo khuấy nước. Nhưng ba chiếc thuyền tiến vào rất nhanh. Ba ngọn đèn vuông tỏa ánh xanh mờ bí mật, không soi rõ những bóng người ló nhỏ trên thuyền. Thuyền đi rất êm, như cách lướt trong bóng tối, không chạm mặt nước. Những hình người không động và im lìm. Chợt một bóng người ở thuyền đầu tách ra tiến đến phía mũi và nói bằng một giọng nghe xa xôi: "Được rồi đó. Thôi quay trở lại, anh em!".

Mục Can Túc tưởng nhận ra tiếng chồng, hỏi hộp hỏi ra: "Bố thằng Can đó phải không?". Người kia giờ đèn lên ngang mặt, nhìn vào bờ, hỏi lại: "Tiếng ai như tiếng mẹ thằng Can?". Nhờ ánh đèn, mọi người đều nhận rõ mặt bác Can Túc. Bác cười lặng lẽ, miệng dềch đến mang tai. Hai mắt lóng lánh một vẻ tinh quái, như giấu một sự bí mật gì.

Bác dềch miệng cười rất lâu, rồi nói lớn: "Anh em gửi lời chào bà con cả. Anh em ở xa ghé về thăm nhà một tí, giờ đi đây". Chưa ai kịp đáp gì, cũng chưa ai kịp hiểu những sự vừa xảy ra, thì ba chiếc thuyền đã đồng thời quay mũi. Người ta tưởng thấy những bóng người cử động như đang chèo, nhưng không hề nghe tiếng nước xao động. Ba chiếc thuyền ma lạng lờ quay ra biển, trở về chốn vô cùng.

Mọi người sửng sờ nhìn theo. Đột nhiên ba điểm ánh sáng xanh cùng một lúc vụt chìm xuống đáy biển, như những hy vọng mong manh chẳng còn bao giờ trở lại.

Ngày hôm sau, bốn chiếc thuyền nữa lần về được lạch nhà. Một chiếc thứ năm đã bị giạt xuống ngang cửa Nhật Lệ. Thuyền ụp, nhưng may bạn chài đều sống sót, họ lần lên Đồng Hới, tìm được đến nhà thầy mẹ tôi. Họ xin một bữa rượu, "uống để giải cái rét". Cơm rượu no say, mỗi người được biếu một cái nón, bộ quần áo và một suất tiền xe trở về làng.

Duy ba chiếc thuyền cuối cùng bật tin tức. Bác Can Túc chỉ còn lưu lại trong ký ức mọi người hình ảnh nét cười lặng lẽ dềch đến tận mang tai, cái cười mang một vẻ vừa bí hiểm vừa tinh nghịch, hầu như vui vẻ nữa, cứ như thể bác đã tìm ra được cái bí quyết vượt qua mọi gian nguy khổ cực trên đời và tới được nơi an ổn vĩnh viễn. Mỗi khi nhắc chuyện bác, người ta nói:

"Mồ ma bác Can...".

## Nằm vạ

Chị Đò chột rùng mình nhẹ, vì thấy buồn buồn ở bụng chân. Và, trong cử động nửa ý thức của giấc ngủ bị quấy phá, chị rút chân lại. Cái buồn buồn chị cảm thấy rõ rệt nó chạy trên ống chân rồi tới gót thì biến đi.

Chị cựa mình. Thân thể đau dần khắp cả. Cùi tay mỗi mệт rơi đánh thịch. Mắt vẫn nhắm, chị cố nghĩ, cố nhớ xem mình đang ở đâu. Và chị chột hiểu ra là mình vẫn nằm trên nền đất, trong gian buồng hẹp và mùi ẩm mốc tanh nhạt đọng thành lớp đặc xông lên mũi.

Từ ngoài đưa vào, tiếng xôn xao đã hơi rời rạc đượm buồn của làng mạc về chiều. Sự hoạt động của cuộc sống ngoài kia khiến chị tức bực, và chị muốn chửi lên một câu để nguyên rủa bất kỳ ai. Đã hai ngày hai đêm, chị nằm dài trên đất ẩm của căn buồng hẹp tối. Chị đã tự đẩy đọa như vậy, vì một câu chuyện không đâu. Sáng hôm kia anh Đò mắng chị về tội đi ngủ không đóng cửa chuồng gà. Chị làm bằm cãi lại:

- Quên một bữa cũng chẳng sao! Chào ôi! Chăm sóc đến gà gớm. Để hần để trứng nào là nuốt lóng đi trứng ấy mà!

Anh Đò giận tím mặt dưới làn da đen, lẳng lẳng đi ra. Nhưng chị Đò, với cái nư dai dẳng của đàn bà, vừa quét sân vừa kiểm câu đăm chọc. Chị bảo con em chồng:

- Xin ơi! Rày tao giao cho mi việc đóng cửa chuồng gà đó! Được trứng nào thì đem anh mi ăn rồi anh mi cho cái vỏ.

Anh Đò chẳng nói chẳng rằng, vớt mằng lưới anh đang vá, xông tới túm lấy vợ trong hai bàn tay sắt, lôi xềnh xệch vào buồng; đoạn anh ném vợ xuống đất, như ném một đồng giẻ. Chị Đò đổ nhoài ra, nằm thẳng cẳng như người chết rồi. Anh đập vào mông vợ mấy cái, đoạn bỏ ra. Con Xin phải nấu cơm sáng thay chị. Dọn mâm rồi, nó vào buồng gọi, nhưng chị Đò nằm lỳ. Anh Đò vào lôi chị ra, chị bít chặt lấy chân giường, miệng ngoặc vào chân chồng. Anh đau quá kêu lên: "ái! Đò chó cắn! Được, đã muốn nằm vạ tao cho nằm".

Bà mẹ chồng đang ở chợ bán mẻ cá mà con trai đánh đượm hời đêm, nghe con Xin ra mách, vội chạy về. Với tất cả cái hùng hổ của những mẹ chồng, mụ xăm xăm vào buồng, chống nạnh, bàn tay ngoặt ra sau, và hếch mặt nạt:

- Này con kia, muốn tốt thì ngồi dậy mà lo ăn làm. Chẳng ai hơi đâu nuôi đũa nằm ăn vạ.

Chị Đò nằm im. Mụ cúi định lôi dậy, lại bị ngoặc vào tay; mụ vừa chạy ra, vừa kêu như sắp bị chết chém: "Ua làng nước ôi! A làng nước ôi! Hần cắn đứt tay tôi rồi!".

Thế là câu chuyện thành to và không thể vãn hồi. Chiều đó vài bà con trong họ đến hỏi thăm; có đôi đũa bé tò mò ghé mắt nhìn vào buồng. Anh Đò gắt đuổi ra, đem buộc ở cửa một mằng buồm rách làm rèm che.

Trong bóng tối, chị Đò thấy dễ chịu hơn, và thầm cảm ơn chồng, chị đã có ý muốn thôi nằm vạ.

Nhưng đến đêm, anh Đò vào buồng ngủ, anh chỉ nói một câu cụt lủn:

- Muốn tốt muốn lành thì dậy!

Tự mình ngồi dậy thì sượng mặt, chị Đò nằm chờ. Nhưng anh gắt:

- Muốn đập thêm cho ít cái nữa lắm.

Rồi trèo lên giường ngủ. Chị Đò nằm một đêm dưới đất lạnh buốt xương không sao nhắm mắt được. Sáng hôm sau, chồng ra rồi, chị lồm cồm tới giường, lấy hai manh chiếu, một rải ra đất, một đắp lên mình, đánh một giấc dài khoan khoái. Đó là lần đầu chị được ngủ ngày một cách say sưa, không bị quấy rối; lần đầu chị ném cái thú nhàn hạ của các bà tỉnh thành.

Nhưng đến đêm, anh Đò tàn nhẫn đẩy chị lăn ra, giật lấy chiếu và chị lại nằm một đêm trên đất cứng lạnh.

Tiếng xôn xao ngoài kia nhỏ dần, nhỏ dần... Thực ra, ngày chưa tắt; nhưng thính quan chị đã



yếu đi trong sự mệt nhọc toàn thân, một sự mệt nhọc ròi rã, khiến cho xương mềm, thịt nhão và ngón tay co quắp, sự mệt nhọc gây bởi cơn đói. Chị nhịn ăn đã hai ngày! Đó không phải cái đói giày vò, quần quai, náo động của những miệng ăn hùm hổ. Vốn tính ăn ít, làm nhiều, chị chỉ thấy một cái đói nhẫn nại nó thỉnh thoảng cào xót trong dạ dày. Hình như mồ hôi toát trên trán lạnh, nhưng chị không còn đủ sức đưa tay lên sờ. Chị cựa mình quay nghiêng vì nãy giờ nằm ngửa, da bụng căng ép lên dạ dày trống rỗng, như một hòn đá nặng.

Chị nằm co như con chuột chết, bụng thóp lại. Mắt mở trần trần dán vào một vuông sáng mà có lẽ chị cũng không nhận ra là lỗ thông để đùn rác rưởi quét ở buồng ra.

Chợt mảnh buồm che cửa lay động. Chị không nghe động nhưng thấy một vệt ánh sáng lấp loáng và mảnh vải bị nâng để lộ da trời. Rồi một cái đầu ló trong ánh sáng tam giác ấy, cái đầu tóc bơ phờ khăn quần cầu thả của mẹ chồng chị. Chị đỏ liếc nhìn lên, nhưng không thấy rõ mặt mũi, sắp bóng tối. Tuy vậy, chị tưởng tượng mẹ ta đương dạo đôi mắt lác lác lo ngại trong vòm sâu hoắm; và chị nghĩ thầm: "Mình mà chết thì cũng rầy với mình! Quan khám, lệ hạch, rồi họ cũng đến lo mà chết luôn thôi! ừ, mình cứ nằm đây, không vào buồng dậy mà chớ!". Cái đầu biến đi và khung sáng sụp tối.

Cái cảm giác buồn buồn lại tới ám chị, lần này ở đầu ngón chân cái; chị cũng không buồn rứt chân. Nó chạy dần lên, dừng ở mắt cá, tiến tới đầu gối, chui vào một chút xíu dưới váy chị, rồi chạy trở ra. Đến bụng chân, nó biến đi. Bỗng một bóng đen nhỏ vụt qua lỗ hồng; chị nhận ra một con chuột nhất.

Một lát sau, con chuột lại hiện ra trong khung trắng. Nó quay đầu bên này, bên kia, chạy từng chập ngắn trên chân nhỏ thoăn thoắt, dừng lại, chạy ít bước vội vàng, dừng lướt nữa, rồi chạy trở lại như để dử ai. Nó đứng yên, quay nhìn vào buồng, mắt tròn ngời ánh đỏ hoe như hạt ngọc. Con vật xinh nhỏ có một dáng điệu nửa nghi ngờ, nửa tinh nghịch. Sau cùng, nó chạy vào buồng, xấp tới bàn tay chị Đỏ lê trên đất. Nó vênh tai nhìn rất lâu những ngón tay rung rung, đoạn khôn ngoan chạy về phía vách, lẩn trong bóng tối.

Tiếng bát đĩa lách cách dưới bếp làm nao lên trong lòng chị một niềm giận dữ. Hừ! Họ vẫn ăn đủ bữa và no bụng. Đã không muốn lo, để rồi chị cho mẹ lo. Khi quan về khám án mạng thì những kẻ kia hãy liệu mà bán thuyền bán lưới đi thôi!

Con chuột nhất núp trong tối lâu lắm, rồi lại chạy ra. Lòng vẫn sôi tức bực, chị Đỏ choài tay định bắt. Nó kêu lên một tiếng nhọn hoắt, vút ra lỗ sáng rồi thoát biến, để lại trên đất một vật trắng nhỏ bằng hạt đỗ. Chị Đỏ cảm lấy, nhận ra một mẩu khoai xát khô, bèn bỏ tọt vào miệng. Nước miếng nhoèn nhoẹt đầy trên lưỡi, tằm vị ngọt của khoai.

Một ý nghĩ lóe ra trong trí yếu chị Đỏ. Thu góp sức tàn, chị lê xoay mình về phía vách, giơ tay quờ trong bóng tối. Một cái chổi<sup>1</sup> bị vật ra đất, với một tiếng nặng nề khô khan. Tay chị đưa lần miệng chổi, nắm lấy cái nút lớn làm bằng một nùi rơm bọc lá chuối, cố sức rút. Nút bật tung, và những lát khoai rào rạt tuôn ra trắng đất. Chị Đỏ vội vàng bốc lấy một nắm trong tay run run, vụng về đưa vào miệng. Khoai rơi lả tả xuống. Chị Đỏ nằm ngửa ra, nhai. Chị nhai ngòm ngoàm, hộc tốc, trợn mắt nuốt. Chị cảm thấy rõ sự cọ xát trên da thực quản của những mẩu khoai chưa nghiền kỹ. Khi bụng đã thôi bị sức căng ép, chị quay nằm ngửa, nhai chậm hơn. Mắt nhìn một lỗ hồng trắng trên mái tranh, tay đưa dần từng miếng khoai lên miệng, chị nhai một cách từ tốn quý phái, để nước miếng tiết ra nhiều ngào miếng ăn thành một làn bột mềm, ngọt và thơm mát.

Nhưng một lát sau, một sự khó chịu bỗng chiếm lấy chị. Chị Đỏ thấy tức ách trong bụng quá đầy, tưởng có một hòn đá nặng trong đó, khiến chị không trấn trở mình được. Trên đầu máu tụ, và chị Đỏ nằm thiếp đi trong cơn bội thực, bàn tay mở vẫn đặt trên những lát khoai còn lại ở mặt đất.

Chị Đỏ ren rén ngồi dậy, lê đến cạnh vách, ghé mắt vào một lỗ hồng nhỏ nhìn ra sân. Chị thờ phào một tiếng. Ông Lý sắp đến thực. Mẹ chồng chị đương tằm trà, anh Đỏ xằng xít nhắc

chiếc phản ra sân để "làng" ngồi. Con Xin ngồi xỏm trong một góc, lo đánh bộ chén cộc cạch thện thùng nằm trên cái đĩa Tàu cổ rất đẹp mà anh Đồ đã lấy được trên một chiếc tàu ô trôi lênh đênh vô chủ ngoài bể cả sau một trận cuồng phong nào.

Chị trở lại chỗ cũ, nằm duỗi cẳng, khoan khoái đợi. Cái trò đùa thực đã kéo dài quá thể. Chị nằm vạ bầy ngày trời rồi! Hôm nhờ con chuột nhắt, chị khám phá ra cái kho lương thực bất ngờ ấy, ý nghĩ thứ nhất đến với chị là một ý nghĩ phức thù: chị sẽ nằm dài ra đó, ít ra cho đến lúc còn trơ lại cái chóc không. Cho đáng kiếp!

Nhưng chị chẳng phải dùng nhiều bữa khoai sống mới nhận thấy rằng thức ăn kia cào xót ruột và ứ hơi trong bụng đầy trình trịch. Một đôi khi nước ợ lên đến cổ, vị chua gắt, suýt trào ra ngoài miệng lúc chị nằm nghiêng; chị nhắm mắt nuốt đánh ực, và vị chua khiến chị rùng mình. Cơ sự đã thành nghiêm trọng, chỉ còn chờ "làng" đến mới phân xử được. Mỗi khi thấy cái đầu mẹ chồng ghé mắt nhìn vào, chị thở rốc lên những hồi ghê rợn như người sắp chết, để mẹ lo lắng thêm. Vậy mà những ngày dài chờ đợi vẫn trôi đi, ông Lý vẫn biệt tăm dạng. Đã có lúc chị nghĩ: "Hay là họ cứ để mình nằm thế này cho đến chết đói?" Và giận dữ sôi lên trong lòng, chị lại nghĩ đến chuyện cắn lưỡi.

Thực ra, mẹ chồng chị không vô lo như chị tưởng. Trong bốn tối luôn mẹ ra châu chực nhà ông Lý. Nhưng ông Lý và ông Phó mắc việc quan trên phủ. Tối hôm thứ năm, mẹ cuống cuống lên, đến tận bến đò đợi. Mẹ vừa chạy theo ông Lý về, vừa kể lẽ sự tình. Ông Lý hện:

- Mai đến.

Mẹ mừng cuống, đem đĩa trầu khô vẫn bưng cò kè vào trút lên cơi bà Lý, rồi chạy về báo tin cho con.

Ông Lý bước vào, xúng xính trong áo lương rộng và lẹp kẹp đôi giày da. Khuôn mặt phì nộn tươi nở như một cái hoa, mà nhụy là cái mũi đỏ chóc, to lạ lùng và đậm lỗ chỗ như da trái bưởi. Ông đặt đít ngồi; theo thói quen, ông đập hai bàn chân vào nhau phủi đất, rồi mới đưa lên xếp bằng trên phản. Đoạn hách dịch gọi:

- Con mẹ Đồ đâu rồi?

Một người em họ anh Đồ đã đứng chực sẵn, vào buồng nhắc chị ra; chân chị lê xềnh xệch trên đất. Chị giả cách cố gượng mới ngồi lên được ngưỡng cửa. Tóc chị rối bù, khăn xô xuống che một mắt; chị đã tự soạn một bộ mặt chết đói bầy ngày.

Hàng xóm đến xem, đứng vây thành vòng bán nguyệt. Những đứa con nít nghiêng đầu háp háp nhìn bằng đôi mắt nhèm, hai tay chấp lại trên cu tồng ngồng. Vài cô gái kháo nhau:

- ả Đồ tài nhịn gớm, bay ạ. Bảy tám ngày, mà chẳng gầy đi tí nào.

Chị Đồ sẽ dềch mép cười lặng lẽ.

Ông Lý nhấp trà rồi cất tiếng:

- Sao đó, đã ưng dậy chưa? Chà, vợ chồng người ta ở với nhau năm năm, mười năm, cãi lộn nhau cho hấn đáng; đàng này, đôi vợ chồng son, anh như mâm ngọc, em còn như đôi đũa vàng, ha ha ha... chưa chi đã giận hờn, rồi lẩn ình ra nằm vạ.

Sự khoái hoạt âm ỉ của ông Lý khiến mọi người cười theo; và, đăm nhìn, một cô gái trong bọn đứng xem liềm đùa một câu:

- Ông Lý hát phường giời lắm đó.

Ông Lý liếc nhìn cô một thoáng mau, rồi lập nghiêm ông hỏi:

- Sao? Bây giờ muốn hòa thuận với nhau lại không? Hay là muốn ly dị, thì ta cho đồng tiền chiếc đũa mà về cùng bố mẹ?

Mẹ anh Đồ đứng chấp tay thưa:

- Thưa ông, chứ con ấy tệt lắm. Mắng hấn một tiếng hấn cãi lại hai tiếng, rồi hấn lẳng loàn, hấn gieo mình nằm vạ, hấn cắn đứt tay tôi. Xin làng cứ phép xử thì đợi ơn lắm.

- Thế mẹ muốn hai bên ly dị à?

- Bẩm không! Bẩm không! Là tôi trình để làng biết cho như thế thôi.

Mụ vợ nói thế. Mụ dạy gì mà cho dâu về, đưa dâu mụ vẫn tự hào mát tay mới chọn được. Chị Đò tuy xấu tính thực, nhưng hay làm, đảm đang tất cả việc trong nhà. Vả cưới chị có phải tốn ít đâu; tiền anh Đò dành dụm trong hai năm đi chài, từ khi còn là một chú trai nấu cơm xách nước cho đến khi lên anh bạn lành nghề đều dốc vào đó hết.

Ông Lý gắt:

- Muốn đường nào thì nói rõ ra một đường!

Anh Đò vẫn đứng chấp tay trong góc nhà, nói ra:

- Thừa ông, ông xử cho tôi phận nào, tôi được nhờ phận nấy.

- Ăn nói hàm hồ thế thì ai biết đường nào mà xử! Mẹ Đò! Muốn ở hay muốn về?

- Dạ trăm sự nhờ ông cả, ông cho sao thì được vậy... Trăm sự cũng là nhờ ông.

Chị Đò đáp vậy, giọng kéo dài như mỗi mệ. Ông Lý đét vào đùi, bộ thất vọng:

- Thế thì cha ai mà xử được. Anh nói "nhờ ông", ả nói "nhờ ông", sao mà hai anh ả khéo bảo nhau ghê. Đã đồng ý với nhau thế thì, thôi! Cho đoàn tụ!

Mọi người vẫn im lặng. Thấy lời tuyên án không hiệu quả và câu khôi hài kín đáo không ai thường thức, ông Lý ngồi lặng thình uổng nước.

Anh Đò bước ra rót nước. Bấy giờ chị Đò mới chợt nhận thấy chồng mình mặc áo dài. Cái áo lương tương như sắp bật tung trên thân hình vạm vỡ của anh dân chài. ồng áo chịt vào cổ tay đen, và tà ngắn đập cùn cợn trên đầu gối. Chị Đò vờ cúi mặt, liếc nhìn qua mớ tóc rối trên trán, và mỉm cười ngắm những cử chỉ ngây ngô của chồng. Chị nhớ lại hôm cưới, anh Đò ngượng nghịu trong cái áo lương độ ấy còn mới nguyên, và cái quần cứng đét hồ, thì thụt lạy trước bàn thờ. Chị bất giác cười lên tiếng. Anh Đò quay nhìn, càng ngượng nghịu thêm, thủ hai bàn tay dưới áo, rồi chấp lại, rồi gãi đầu, rồi mân mê khuy áo. Sau cùng anh mỉm cười cho đỡ thẹn. Ông Lý kêu lên:

- ờ, anh ả cười với nhau rồi đó kìa! Cần gì ai phân xử nữa!

Con Hoét mách:

- Mẹ ơi, ả Đò vào buồng.

Mụ Bình chạy vào, thấy chị Đò đứng chải đầu. Mụ hỏi:

- Mi lấy gì đó?

- Lấy gì đâu?

Khi mụ Bình ra rồi, con Hoét, còn nhỏ mà đã ranh vặt, đứng nhìn. Từ ngày chị nó về nhà chồng, nó vẫn quen coi chị như người xa lạ, theo gương mẹ nó. Con gái là con nhà người... Mỗi khi thấy chị về chơi nhà lấy vật gì, nó kêu lên như bị mất cướp. Chị Đò chải đầu xong, thản nhiên đi ra. Con Hoét yên tâm, không ngờ chị nó đã mang một bọc khoai khô trong tà áo nâu dài buộc túm, bọc khoai đã ăn trộm được trong chum mẹ chị.

Về đến nhà chồng, chị len lén nhìn, rồi thẳng tuột vào buồng. Chị mở nút tà áo ra, tuồn khoai vào chöße, vừa vắn đầy như trước. Một hôm trời hửng nắng hanh vàng, mẹ chồng chị đem khoai ra sân phơi. Chị Đò ngồi đan lưới trong nhà, hồi hộp nhìn ra. Mụ đưa bàn tay nổi gân rãi xòa đồng khoai. Chợt mụ lặng yên như đang suy tính gì lung lăm. Mụ cầm một lát khoai, nhìn mãi trong một ngạc nhiên cảm lặng. Mụ di di móng dài ngón tay cái lên trên, cố cạo lớp vỏ xám. Sau cùng, mụ ngoảnh vào, nói với con dâu điều phát kiến mới mẻ của mụ:

- Mẹ Đò này, cái chöße khoai mình nút không chặt để gió vào, thành thử cả lớp khoai trên hấn xạm đen mặt lại.

## Chiều sương

Vào một chiều trung tuần tháng giêng, chàng trai ấy lang thang trong những ngõ hẻm làng. Chàng đi không mục đích, hồn lảng thăm cái êm ả lảng tự vòm trời trắng hơi biêng biếc như giát bạc, cái êm ả của những cuối ngày thôn dã. Chàng đi và nghĩ đến trăm điều vu vơ, những ý nghĩ thoáng qua trong trí rồi vỗ cánh bay đi, như những con bướm đa tình vội hôn đóa hoa này để đến với hoa kia.

Chàng đi lơ đãng, đến nỗi sương tỏa xuống mù trời từ bao giờ mà chàng không biết. Sương bạc đã tỏa rất nhanh, một cách bất ngờ. Thấy ẩm lạnh trên đầu và có hơi nước đọng trên mi, chàng mới ngơ ngác nhìn lên.

Cảnh vật, như dưới một đũa tiên màu nhiệm, đã tan biến trong giây phút. Chỉ còn trơ lại quanh mình những nét thâm thâm của vài nhánh cây khẳng khiu và những vương xám mờ của các túp tranh. Những bụi xương rồng và râm bụi chạy hai bên đường đắm sương, óng ánh, xanh tươi lại. Vài mạng nhện mắc giữa hai cành yếu, trắng toát như dệt bằng những sợi tơ bạc li ti. Trời không lạnh lắm, nhưng hơi sương ngấm vào mình; chàng trai lảng lạng trong tâm hồn buồn, cái buồn tê tái và mang mang, cái buồn ôm trùm, như kết bằng những sần thảm nào mờ hồ và đã xa xôi lắm, tưởng tượng hay là thực, chàng cũng không biết nữa. Hơi ẩm đọng trên mi, chàng tưởng nước mắt rưng rưng.

Chàng đi lang thang, mặc hồn lang thang... Sương bay từng luồng, hạt sương bám khế vào da mặt như một làn phấn bụi.

Những tiếng người trao đổi trong sương, như gần như xa, lảng đãng. Ngoài sông mờ, bóng một chiếc thuyền chài sửa soạn ra khơi: sương mù đã tới báo mùa cá thu. Chàng rẽ vào nhà một ông bạn già. Chàng thấy lão đang ngồi xồm đan lưới, hai chân co trước ngực, mình quàng trong một manh chiếu vuông buộc túm một đầu để khoanh lấy cổ, thứ áo toại và áo rét của dân chài.

Chàng chào, và lão Nhiệm Bình với dáng điệu giản dị của những người chất phác, vỗ vai người bạn nhỏ, bảo ngồi trên phản. Chàng hỏi:

- Cổ (1) không đi biển à?
- Không, chú ạ. Già rồi, không năng đi được nữa.
- Cổ kể chuyện đi chài nghe đi.

Chàng nói thể bằng cái giọng nũng nịu của đứa cháu vùi bà. Chàng thường đến đánh bạn với lão chài, và ông lão, đối với chàng trai mới lớn, có một tình yêu thương che chở, tốt quá mức đến cứng chiều, như tình yêu thương mà tất cả những người già đùm bọc trẻ con. Lão cười đáp:

- Còn chuyện gì mà kể nữa! Chú nghe hết cả chuyện của tôi rồi.
  - Không... Có phải kể đi... à, có kể chuyện ma đi. Cổ đi chài có bao giờ gặp ma không?
- Lão Nhiệm Bình có một nụ cười hồn hậu nhuốm vẻ độ lượng của kẻ không biết từ chối bao giờ.

- Chuyện ma à? Tôi cũng ít khi thấy ma lắm... Có vài lần thuyền neo ngoài khơi, tôi ngồi câu đêm, thấy giăng mành ở câu, vôi kéo lên. á chà, sao nặng khiếp. Mà lạ, chỉ thấy nặng thôi, như có tảng đá trì giữ lại, chứ không thấy giật giật vũng vũng như con cá to. Tôi nghĩ thầm: khéo lại cái nổ ta (2) rồi, hấn muốn trêu mình đây... Quả nhiên! Tôi vừa kéo câu lên khỏi mặt nước, thấy hấn xòa một cái, xanh lè cả nước biển, mình hết hồn. Nhìn lưới câu, con mực mồi vẫn còn nguyên.

Đó, tôi chỉ gặp vài lần như vậy thôi. Đêm khuya lạnh lẽo, vắng vẻ, chắc cụ buồn tình, bày chuyện phá mình tí cho vui.

Có người họ kể, đêm ở ngoài khơi, trời êm biển lặng, mọi người đang neo ngủ, thấy các chú bơi lù lù rồi trèo lên ngồi dằng dằng hai bên mạn thuyền; họ nói: "Thôi mà, anh em mình cả, trêu nhau làm gì?", thế là cả bọn nhảy sùm xuống, bơi đi.

Mồ ma ông cụ Bình khi xưa, dạn khiếp. Nửa đêm ông ta đi lưới về, qua dưới cây đa trước miếu, một bầy hán búa lấy tay. Không thấy người đâu, nhưng nghe tiếng hán léo nhéo xin cá. Ông ta đáp: "Chà, xin với xỏ, được mấy con cá về cho vợ con đây!". Thấy nhẹ trong rổ, sờ vô thì cá đã biến mất. Ông ta nạt: "Đồ quý, cứ nghịch thôi!". Thế là tiếng cười bật lên riu rít, hồi sau lại thấy nặng rổ.

Lão chài kể như vậy, giọng bình thường như nói chuyện người dương gian (3), tay vẫn thoăn thoắt đưa que đan qua mắt lưới. Chàng trai khế rùng mình thích thú. Chàng vốn không tin ma quỷ; chắc chắn đó chỉ là điều huyền tưởng (4), nảy sinh từ một khung cảnh, một tâm trạng nào đó; nhưng có thể nào không tin ở cái giọng kể từ tồn hiền hòa của ông lão! Trong ý nghĩ lão chài, chàng đoán, âm dương không phân ranh giới rõ ràng, cõi sống và cõi chết nương nhau vấn vít. Mấy chú ma, hồn của những người dân chài đã bỏ mình trong bão tố, trở về ngồi lặng lẽ trên mạn thuyền, chắc hẳn chỉ để tìm lại chút hơi ấm cuộc đời, vì cảm thấy lòng biển quá mênh mông, lạnh lẽo. Và tuy đã tìm thấy cái chết trong tai ương (5), bi thảm và dữ dội, không phải bao giờ hồn họ cũng ngậm giữ oán hờn; họ còn biết nghịch ngợm đùa trêu người sống, và chàng trai tưởng nghe, vắng từ sương mù dày đặc, tiếng cười giòn riu rít của những cái bóng vô hình cạnh cây đa già miếu cổ...

- Có bao giờ người ta thấy một cái thuyền ma, hay cả một đoàn thuyền ma không, cố?

Chàng trai lại cất tiếng hỏi.

- Thuyền ma à?... à... có một lần, đã lâu lắm, chính mắt tôi thấy. Hồi ấy tôi còn trẻ lắm, tôi còn đi trai dưới thuyền mồ ma (6) ông Phó Nhụy... ở cũng trời sương mù mịt như thế này, thuyền thì vừa tháo tổ xong, thoát nạn chết này lại đâm liền vô nạn chết khác.

Bữa đó thuyền ra lạch...

Sáng hôm ấy, một buổi sáng thanh quang. Bình minh giát ánh vàng trên những dải mây bông thoáng nhẹ. Các bác chài tay đưa chèo theo nhịp đều đặn, ngược nhìn trời, lòng không ý nghĩ, không lo lắng. Nhưng khi thuyền chạy ngang nhà Thương chính, một chiếc xuồng do hai đứa con nít chèo bỗng lướt ngang trước mũi. Mọi người chửi rủa chúng ầm ĩ; dân chài rất kiêng bị "ngáng đường" như thế, và ông lái hơi nhăn trán lại.

Ra khỏi lạch (7), thuyền kéo buồm bắt cơn gió tây nam chạy thẳng ra khơi. Chiếc thuyền, dáng hơi nặng nề, lừ đừ tiến, hai mắt tròn tròn nhìn về trước. Khi một ngọn sóng kéo đến, nó chồm dậy rồi đâm chúi xuống, làm tung tóe một làn nước bạc xóa. Càng xa bờ, sóng càng bớt mạnh, chỉ còn là những cái lượn, lưng cong và rộng, kéo lừ đừ nhưng hùng cường. Những mảnh nước lớn thốc vào dưới mũi thuyền khiến bọt trắng tóe, rồi tự rẽ đôi chảy rách hai bên mạn. Các bác chài đã gác chèo ngồi bện dây neo, quai chèo hay tán chuyện, có vẻ không biết đến sự nhồi lắc của sóng.

Gió lên lồng lộng, thuyền chạy phẳng phẳng, để lại sau một vạch phẳng lì, vì nước đã bị khối nặng của thuyền dàn ra. Nhưng chẳng bao lâu, những làn sóng lô nhô hai bên mép tiến vào và xóa mất vạch phẳng.

Càng xa bờ, gió càng mạnh, như dậy từ bốn phương của khoảng rộng. Nắng vàng và gay gắt thêm. Khi mặt trời đứng bóng, biển biếc ngả sang màu lục.

Ông Phó Nhụy, nhà nghề và chạy lái, ra lệnh bỏ neo (8). Đoạn người ta tháo dây neo cho thuyền trôi tới gần chỗ đã thả bóng hôm trước. Bóng là một cái lồng tròn lớn và đan thưa, thả lưng chừng nước, trong có lót lá tre làm chỗ êm mát rủ cá lội vào. Cạnh bóng, người ta cột vài ba cây gậy, một loại tre vầu. Cá tìm thấy ở đó một nơi nghỉ ngơi nhóng xung quanh, có khi hàng đàn lớn.

Hai bác chài, lặng lẽ và nhanh nhẹn, ngồi đầu mũi thả lưới, trong khi thuyền, dưới mái chèo, nhẹ tiến tới. Sau một lát chờ đợi, thuyền lùi lại và hai bác, có thêm người trợ lực, kéo dần lưới lên. Những con cá mắc đầu vào mắt lưới, giẫy đành đạch làm lóe những ánh bạc biêng biếc. Vài con cá nhỏ nhảy lanh tanh trong đám rong rêu lẫn những hạt tròn nhớt và trong, mà người ta gọi là trứng nước. Bình hồi ấy còn là một chú trai quèn, túm từng mảng lưới hất mạnh cho cá bật vào rổ rồi đổ dần cá xuống khoang. Từ khoang bốc lên một mùi tanh mặn và man mác,

mùi của biển cả. Những con cá trích, cá đóm, lẩn cá thu, cá hồng, mắt tròn mở trên trên, há miệng méo xệu một cách tuyệt vọng cố hít không khí, trong tiếng lách tách của vây cứng. Thuyền nặng dần, đè ép sức lác nhồi của sóng. Chú Trai đã đi thổi cơm. Xế trưa, thuyền nghỉ để dùng bữa. Trên mâm gỗ, lòn thỏn hai bát cá đầy và một bát muối; cạnh mâm, một rá cơm và một xanh canh cá. Cơm xới trong bát đầy có ngọn, các bác chài và rất nhanh như chèo đua cho chóng xong bữa. Chợt một bác kêu:

- Nhìn kia!

Và chỉ ra phía bên trái, chỗ mặt nước lặn tăn báo có đàn cá đi qua. Mọi người vội vàng bỏ đĩa, kẻ chạy đến chèo, kẻ chạy đến lưới.

Họ mê mãi trong công việc trong khi trời đã ngả về chiều. Mặt trời, lúc còn ba con sào, bỗng khuất sau đám mây. Bác Hoe Trăn nhìn lên và kêu:

- Coi kia! Trời đỏ ráng ngoài.

Mọi người nhìn theo, lo ngại. Ông nhà nghề, hơi rụt đầu trong cổ béo, quay ngo xung quanh, cũng kêu theo:

- Sắp có tố (9) đến nơi!

Họ vừa nhận thấy điềm báo không thể làm lẩn. Trời đã đột ngột đỏ ráng ba phương đỏ rực: ráng ngoài, nơi chân trời, và phía trong bờ, hai ráng Lò (Cửa Lò), ráng Cương (Cương Gián). Mặt các bác chài đỏ cháy lên trong ánh phản chiếu. Ông nhà nghề ra lệnh:

- Kéo lưới lên! Giương buồm!

Chân người chạy trên sạp rầm rập. Các bác chài co chân đu mình trên dây để kéo buồm, miệng "dô hò" lấy nhịp. Một bác hỏi:

- Gió gì?

Người khác đáp:

- Gió trong. Khó tháo kịp.

Gió từ bờ thổi ra, thuyền cố vát (10). Sóng vùng lên, cuốn, réo, đuỗi đồn nhau, va vào nhau tóe bọt, ngụp xuống, trồi lên, đã thấy một sức mạnh hỗn độn và bất ngờ trong gió vừa cuồng lộng (11) thổi. Buồm vát không ăn gió, xương buồm đánh cạch lên cột, có khi cọ vào gỗ rít ghê tai. Hình như thuyền trôi lù ra khơi. Nhìn vào bờ để lấy cữ, ông Phó Nhụy kêu:

- Mưa đến rồi!

Phía bờ đã mờ mịt sau màn mưa trắng bệch, mặt sóng trong kia thâm sẫm lại. Mưa tiến ra khơi rất nhanh phát thành tiếng ào ào, một giây sau, các bác chài, ngồi co mình trong toi chiếu, đã vuốt mặt không kịp.

Một bác bảo:

- Bỏ neo thôi, không lại bạt mãi ra ngoài khơi đông xích để cho mà coi.

Neo buông xuống nước. Trong khi dây neo tụt xuống vùn vụt, thuyền trôi lù về sau, đoạn giạt nẩy mình, chúi hẳn mũi: dây đã tháo hết. Người ta hạ buồm. Nhưng từ đó, thuyền cứ hục hặc với dây neo như một con trâu dữ bị buộc. Sóng đánh té tát, khi mũi thuyền chúi xuống thì vội thừa dịp nhảy chồm, nước tóe trang lang đến tận sau lái. Nhưng rồi chiếc thuyền rá khỏe, lại hếch cái mũi ướt sướt mướt, chờ mảng nước khác. Ông nhà nghề nhảy tới ngồi phục ở mũi thuyền, tay lăm lăm cầm con dao rựa. Những giọt nước lớn ném vào mặt ông như vốc đá cuội, khiến rất bỏng da.

Một lần, thuyền tì lại nặng quá. Nước thốc từng mảng lớn, thuyền dốc đứng tưởng như cứ thế mà đâm thẳng xuống đáy sâu như một cái dùi. Các bác chài, miệng há ngòm ngợp vì bị nước đánh tới tằm mặt mũi, rời chỗ vịn, lặn trên sạp lòn lốc. Ông nhà nghề bị ngụp trong mảng nước. Không tri hoãn được nữa! Một tay bám cọc chèo lấy thế, ông vội giơ cao con dao rựa, phăm phăm bổ xuống. Dây neo đứt phụt. Con thuyền hết ràng buộc quay mình trôi phẳng phẳng. Các bác chài vội nhảy đến đầu mũi giúp sức ông nhà nghề hất xuống nước cái neo sắt còn lại, mà ông này vừa chặt cánh gỗ đi. Không còn cánh, mỏ neo không cắm, nằm bẹt trượt trên nền đáy biển như một hòn sắt nặng. Như thế, thuyền không bị giằng lại, mà cũng chỉ trôi từ từ, kéo cái neo sắt rê trên đáy cát.

Nhưng gió vun vút lên mãi, mưa bay ngang chích vào mặt dày đặc thêm, sóng giận dữ gầm réo, nổi lên như núi. Mặt người nào người nấy tái mét; tuy có toi che, quần áo họ ướt mềm dính vào da, và vải đã bờ sần, khi thấm nước rách toạc nhiều chỗ. Chú Trai, lúc này bị sóng đánh lăn xuống khoang, ở luôn dưới ấy tạt nước, tay lia lịa đưa cái mu sam (12). Hai bác chài tới giúp sức, chuyền cho nhau những thùng nước đầy để trút ra ngoài. Thuyền giảm, ít bị nhồi lắc, nhưng sóng dễ tràn lên; nước trong khoang nhiều đến nỗi cá nổi lên bình. Theo lệnh ông lái, người ta xúc cá đổ bớt ra ngoài; nhưng sóng biển, trong một hần thù mai mỉa, đánh vào thuyền, trả lại. Những con cá đập lên áo các bác chài và nằm trắng ràn rạt trên sạp, chờ một ngọn sóng tràn qua liếm đi và thay bằng lớp khác. Thuyền nhẹ bớt, nổi hơn, nhưng vì thế lại làm mỗi thêm cho gió, trôi phẳng phẳng. Người ta bèn xử buồm (13), buộc dây vào bốn góc, rồi thả xuống biển. Gấp nước, buồm mở tung như một chiếc điều mà đầu lèo (14) đã cột vào mũi thuyền. Nước cản tằm buồm rộng căng, làm cho thuyền bớt trôi.

Đoạn, mọi người lại ngồi im lặng, co ro, cho mưa dội, sóng nhỏ, gió táp. Màn mưa xám càng lúc càng sẫm thêm, rồi bóng tối ăn loang khắp không gian. Ông nhà nghề bảo:

- Anh em ai có đói, bốc nhúm gạo mà nhai.

Nhưng không ai trả lời. Họ ngồi thu mình, run run trong cái lạnh của nước ngấm vào da thịt. Chừng quá nửa đêm - họ chỉ đoán vậy, và không còn một ý niệm nào về thời gian - sóng bớt gầm réo và bớt nhồi lắc, gió hạ dần, nhưng mưa vẫn rơi liên miên. Con thuyền mệt nhọc xang đưa (15) lừ đừ. Và khi một ánh trăng xám ló nơi chân trời, thì biển đã lặng hẳn. Các bác chài, tai còn đầy cái huyền não hồi đêm, nghe trong đó ù ù như điếc. Họ không còn đủ sức để tỏ niềm vui mừng; một cảm giác mỗi mệt và co rút hầu như làm tê liệt các bắp thịt.

Màu trắng sữa liếm dần bóng tối của vòm trời, và mưa đã ngớt hẳn. Nhưng trên mặt biển, ùn ùn từ đâu đến - dân chài bảo từ Thủy phủ (16) đùn lên - một đám sương mù dày đặc, mang vị mặn và hơi lạnh thấm thía. Người ta kéo cái neo sắt lên, đeo cánh mới lắp vào, rồi neo thuyền cho đứng yên. Mỗi người góp một câu để đoán vị trí của thuyền. Họ chắc ở ngang Thanh Hóa, vì trong cơn bão, gió chướng (17) thổi từ phía tây nam. Nhưng còn cách bờ bao xa thì không ai đoán được. Một bác chài đo được hơn năm mươi sải nước và họ biết là đã bị giạt ra ngoài khơi xa lắm.

Đột nhiên, không ai bảo ai, tất cả im lặng: họ vừa ngửi thấy một mùi kì dị, một mùi nhạt và ẩm ướt, tanh lợm như mùi rong rêu. Rồi một bóng đen dài hiện trong sương, phía trước mặt. Một người đoán:

- Chết, mình trôi đến cồn đá. Ra này giờ neo rê.

Một người khác đáp:

- Neo rê thì biết liền chứ. Đó là cái thuyền, nhìn kỹ mà coi.

Quả nhiên trong sương bóng đen rõ dần thành một chiếc thuyền, trên đó lộ nhỏ những bóng người chèo. Họ chèo lặng lẽ dị thường, tưởng như thuyền lướt trên biển dầu. Một bác chài bắt loa miệng hỏi:

- Ai đó?

Thuyền bên kia có người đáp:

- Thuyền Xin Kính đây. Có phải thuyền ông Phó Nhụy bên ấy không?

Ông Phó Nhụy hỏi bạn chài:

- Tiếng ai nhỉ? Nghe giọng lạ gớm. Mà sao họ biết thuyền mình?

Đoạn cất cao tiếng:

- Tôi Phó Nhụy đây. Thuyền bên ấy cũng vừa tháo tổ đó phải không? Có biết đây là đâu không?

Bên kia đáp:

- Ngang Cương Gián. Giờ phải đi xé lên mà vô lạch.

Trên thuyền ông Phó Nhụy, người bàn cãi lao xao. Gió thổi từ phía nam, sao thuyền lại giạt xuống ngang Hà Tĩnh được? Ông Phó Nhụy lại hỏi to:

- Sao mà biết?

Bên kia có một câu trả lời kì quặc và bí mật:

- Sao lại không biết... à kia, nồm vừa thổi đó, ta bắt ngọn gió này mau mà lên lạch. Trong nháy mắt, đã thấy thuyền bên kia giương buồm. Chẳng hiểu sao họ làm nhẹn và lạng lẽ được đến thế. Ông Phó Nhụy, tuy bụng phân vân, sai kéo buồm chạy theo. Trong lúc tâm trạng đang bơ vơ và còn in dấu vết sự hãi hùng vừa qua, người ta không muốn rời bỏ bạn đồng hành đã gặp tình cờ.

Gió quá nhẹ, buồm không ăn gió đập phần phật. Sương tạt từng luồng như một cơn mưa trắng. Thuyền đi trước vẫn chỉ nom thấy dáng mờ mờ ảo ảo như trong giấc mơ, với quãng cách không thay đổi.

Chợt chú Trai kêu:

- Có ai như người trôi kia?

Một bác dùng sào khều cái vật trôi lênh bênh đen thui và nói:

- Người thật.

Họ cúi vớt người kia lên. Tay anh ta co quắp còn cắp chặt trong nách một cái chèo ngắn; mặt anh ta tái nhợt, mắt nhắm nghiền, hai hàm răng cắn khít.

Một người bảo:

- Hà hơi, hà hơi đi, hình như còn thở thoi thóp.

Từ bên kia thuyền Xin Kính, tiếng người hỏi:

- Vớt được ai đó?

Mọi người cúi nhìn tận mắt kẻ bị nạn, nhưng không nhận ra ai. Mặt anh ta co rút nhăn nhúm đến nỗi đã méo dệch hẳn đi. Chú Trai góp ý kiến:

- Giống như anh Hoe Chước.

Ông Phó Nhụy nói to sang thuyền kia:

- Hoe Chước!

Nhưng ông lại chợt nhớ ra. Sao thế được nhỉ? Hoe Chước đi bạn (8) trên thuyền ông Xin Kính kia mà? Ông hỏi to:

- Có Hoe Chước bên ấy không?

Thuyền bên kia có một im lặng kì quặc. Chú Trai, thính tai nhất trong đám, nghe như bên kia đang bàn cãi gì láo nháo. Chú bỗng kêu lên:

- Ô kia, đâu mất rồi?

Thuyền ông Xin Kính vừa biến đi, như vụt chìm xuống đáy biển. Cái bóng cả thuyền lẫn buồm, đen nhờ nhờ, chỉ còn để lại một khoảng trống không trắng toát, khoảng trắng ấy nhòa dần vào màu sương phơn phớt xám. Trên thuyền ông Phó Nhụy, mọi người câm lặng, tim bóp chặt trong một lo âu ghê rợn, mở to mắt nhìn trân trân.

Chú Trai lại kêu:

- Có tiếng gì om om lạ gớm?

Cùng một lúc, tất cả ai nấy đều nhận ra quả có tiếng sóng đánh phòm phốp âm âm như vỗ vào hang hốc. Ngay trước mặt, một khối to đen đồ sộ vụt xuất hiện, chỉ cách thuyền vài chục thước. Tức thời, ông lái nhảy bổ tới, túm lấy leò, giăng riết. Chiếc thuyền quật mũi về bên trái, có một phút do dự rồi tiến theo ngã mới. Các bác chài vội chạy đi tra chèo, ráng sức chèo tới. Cái khối đen mờ dần trong sương, rồi biến đi. Ông Phó Nhụy thở phào: thuyền ông vừa suýt đâm phải núi đá. Khi thuyền ông Phó Nhụy, sau một buổi chạy vờ vật ngoài khơi, lần về tới lạch, thì anh Hoe Chước hơi tỉnh. Anh kể rằng trong cơn bão, thuyền ông Xin Kính bị sóng đánh giạt vào núi đã vỡ tan tành, và có lẽ chỉ mình anh sống sót, vì đã vớ được một cây chèo nhảy trước xuống biển. Những người kia, sau đó, nếu có nhảy khỏi thuyền cũng đã muộn và bị sóng quật vào lên đá (19) đến rã xương.

Vợ họ nay vẫn sống trong góa bụa - có người đã chết. Và cái hy vọng mong manh một ngày trở về của người thân cũng đã tắt trong họ từ lâu.



## Ma đầu



Khi chị Đỗ Câu về tới cổng, con vàng nghe tiếng bước, dò ra sủa. Một lát sau, có tiếng người hỏi từ phía trong:

- Ai đó?

Nhận ra tiếng chồng, chị vờ ho "e hèm", và mắng con chó.

Chồng chị kêu lên: "à, mẹ Đò", rồi kéo then mở cổng. Chị cúi mặt phăm phăm đi vào, nhưng dừng ngay lại. Hai cái roi vọt không khí túi bụi chung quanh mình chị, vun vút, khiến chị ghê lạnh cả người, nhắm mắt co tay lên ngực, đứng lạng.

Một phút sau, tiếng roi im, chị ngừng nhìn. Chồng chị và lão Năm Xười vớt nắm roi dâu, đứng thờ hỏn hển; sân đất trước nhà, ô kìa! Trắng xóa những hình vẽ bằng vôi: ngồn ngang những cung tên, những thẳng quỳ sứ đầu tròn lông lốc, những mặt hổ phù. Chị định đi vào, nhưng anh Đò vội kêu:

- Khoan đã, khoan đã!

Trong khi lão Năm Xười gài kỹ lại then cổng, anh Đò đẩy vợ đến gần một đồng lá khô đang cháy bốc khói ở góc rào và bảo:

- Xong khói lá mỳ ky rồi hẵng vào nhà.

Chị Đò bị chồng ầy lựng, bậm bậm mặt. Tuy vậy chị cũng đến đứng chạng chân bên đồng lá. Anh Đò lừa đòn gánh xới những cành lá cho khói có lối bốc lên. Giả cách lỡ tay, anh thúc đòn gánh vào chân vợ và nói vu vợ:

- Chưng trắng ghê!

Chị Đò "xi" một tiếng, nguây nguẩy bước vào nhà. Anh Đò bá vai lão Năm Xười, đi theo, cười khà khà. Chưa thấy ai cười vô duyên được đến thế. Tiếng cười đã xấu, giọng nói lại khó nghe hơn. Đã hăm mấy tuổi đầu, anh Đò nói hầy còn ngọng líu, chân thì nói "chưng". Mặt anh sần sì những mụn, mụn chưa nặn thì đỏ, mụn nặn rồi thì bầm tím. Lông mày sần róm, rậm và ngắn một cách trơ trẽn; mũi sần sần; răng tróc thuốc nhuộm, vàng luôm luôm: hình thù như thế bảo ai thương được. Cha mẹ chị Đò thực đã độc ác. Chị đã nhất quyết không lấy anh Câu; có lần chị vừa thề độc, vừa bẻ rắc chiếc đĩa ngay trước mặt cha mẹ, vậy mà bố mẹ ham cửa, cố dùng uy quyền độc đoán ép uống chị vào mối tơ duyên chênh lệch ấy.

Chị Đò Câu thấp ngọn đèn dầu lạc, treo bên khung cửa rồi bắt đầu dệt cửi. Dừng tay để nối sợi chỉ bị thoi đứt đứt, chị nghe tiếng chân thành thịch, bèn hé cánh cửa sổ cạnh chỗ ngồi, ghé mắt nhìn. Một bác đàn ông vác một chiếc quan tài nhỏ trên vai, chạy nhanh như một bóng ma trong ngõ hẻm dầm bóng tím hoàng hôn ảm đạm. Đằng sau, cách dăm bước, hai người khiêng một cái đòn, dưới treo lủng lẳng một bó chiếu tròn quá ngắn, để lòi hai bàn chân đen sì của xác chết. Họ bước thất thểu, chân nam quàng chân xiêu. Mùi men rượu bay nồng nặc. Đò này, dăm anh trai trắng trong làng sống phong lưu nhờ nghề đi chôn, mỗi đám họ chỉ xin dăm tiền hay một quan, tùy lòng tang chủ, nhưng thế nào cũng phải có một bữa rượu. Uống rượu cho tiêu sợ mà làm việc, họ bảo thế. Đã một lần, một cậu say túy lúy vác xác chết chạy khắp

mọi ngõ hẻm, không lần ra được đến ngoài đồng; sáng hôm sau, người ta thấy hấn nằm trên đường, đầu gối lên xác chết.

Chị Đỏ vội khép cửa, chị rùng mình và lờm lờm trong miệng, nhưng không dám nhỏ nước bọt: người ta bảo càng nhỏ càng lờm. Đưa mắt nhìn quanh, thấy mình lơ lửng trong gian nhà trống trải, chị Đỏ rờn rợn.

Nhưng lắng tai, chị nghe tiếng lão Năm Xười từ nhà trên đưa xuống. Lão nói to lạ thường, giọng ồm ồm, thỉnh thoảng lại cười ha hả rất dài. Tiếng cười nói ấy khiến chị vững dạ. Từ độ bệnh đậu hoành hành trong làng, nhà chồng chị thuê lão ta canh gác ngày đêm ở đây. Và chị Đỏ nhân đó được đôi ba lúc chuyện gẫu trong gia đình nhà chồng mà chị vẫn giữ thói coi như xa lạ.

Chị Đỏ đương đưa thoi, chợt giật mình nghe tiếng kẹt cửa. Hú vía! Chỉ là lão Năm Xười. Gài then cẩn thận rồi, lão tới ngồi ở chõng, cạnh khung cửi. Lão hỏi:

- Khiếp không? Đến bên nhà rồi đó!

Thấy chị Đỏ ngược mắt hỏi, lão tiếp, giọng thì thầm:

- Ma đậu, chứ ai. Thằng Xòe bị rồi; bởi thế nhà ta bữa nay mới phòng giữ cẩn thận thế đó chứ.

- Giữ cũng chẳng khỏi. Số bắt chết là phải chết.

- Cứ nói thế thôi. Có giữ cũng có hơn. Từ rày đi đâu về phải cẩn thận, đóng cửa gài then cho hấn khỏi lọt vào. Ma đậu khôn lắm kia. Có khi hấn chui cả dưới váy đàn bà mà vào nhà kia đấy. Bởi thế phải xông khói lá mỳ ky cho hấn chết ngạt. Hấn sợ khói lá mỳ ky lắm. Khi hấn bám trên áo, trên đầu, phải lấy roi dâu vụt tứ tung cho hấn sợ, hấn chạy. Có nhà dùng mọp thế này, cũng thông: họ rải nửa khắp sân; hấn có lỏn vào được thì cũng phải bước trên nửa, nửa kêu rạc rạc, thế là người nhà biết, lấy roi ra vụt mãi, cu cậu phải phót qua rào mới thoát thân.

Chị Đỏ đã ngừng hấn tay dệt, trở mắt nghe. Chị hỏi:

- Thấy được hấn phót ra kia à?

- Thấy sao được ma quỷ, nhưng mà nghe lạch xạch đầu ngọn rào là biết liền. Thấy thì chưa thấy, chứ tôi đã nghe ma đậu nói chuyện rồi đó. Độ ấy tôi nằm nghe rõ ràng hai con ma bàn nhau vào bắt tôi. Tôi cầm roi liền, xoay người như chong chóng vụt tứ tung. Thế mà cũng chẳng thoát, hấn tài lắm. Bữa sau tôi lên đậu, cho nên bây giờ mặt mới có hoa thế này đấy chứ.

Lão cười khà khà, sờ đôi má rỗ chẳng chịt.

Chị Đỏ sợ co chân, bảo:

- Cười nho nhỏ ấy.

- Cần gì. Sợ hấn nghe tiếng, hấn vào à? Tôi chẳng cần. Những người lên đậu mà khỏi được, là âm phủ bắt nhầm, những người ấy là không có số chết về bệnh đậu. Nhầm một lần thì thôi, bởi thế có ai lên đậu lần thứ hai đâu.

Chợt có tiếng động ở cửa. Lão Năm Xười đứng vụt dậy, hỏi:

- Ai?

- Tôi.

- à, anh Đỏ, thế mà làm người ta hết hồn.

Lão mở cửa cho anh Đỏ vào. Anh Đỏ tới chống nạnh cạnh vợ, ra ý muốn gọi chuyện. Chị cúi mặt lia lịa đưa thoi. Lão Năm nói:

- Anh Đỏ bữa nay phải coi chừng cẩn thận đó. Tôi phải về qua nhà một tí: con cháu tôi đã ớn sốt. Sáng mai tôi lại đến.

Anh Đỏ tiễn lão ra, gài cổng, rồi trở vào. Biết rằng đứng cầm miệng hén bên cạnh vợ càng thêm lơ lửng, anh bèn đi vào buồng. Chị Đỏ vẫn lia lịa đưa thoi, cũng không thèm nhìn lên.

Chợt chị mỉm cười lắng nghe tiếng con gái hát ngoài đường:

Lạnh lùng tối tối nằm không,

Em muốn lấy chồng ở mụ mới ơi!

Chị biết tiếng hát trong eo éo ấy chỉ là tiếng lão Năm Xười. Lão có tài đổi giọng đặc biệt. Có lần vào nhà chị đã bị một bữa hết hồn khi nghe tiếng chó sủa gâu gâu: chị cuống lên, nhưng không biết con chó ở đâu mà tránh: mãi sau nó mới ló mặt ra một cái mặt người rỗ chẳng.

Người ta lại kể chuyện rằng một đêm hè, lão tới chơi nhà hàng xóm, tắt đèn nằm vắt chân chữ

ngũ trên giường, lấy giọng con gái hát mấy câu đưa tình. Dăm anh trai tráng mắc lừa lần đến, đứng ngoài cổng hát vào. Hai bên ca tụng nhau là nam thanh nữ tú, là mây là rồng, và hỏi nhau sao không cùng kết giải đồng tâm, cho đến khi lão cười phá lên như lệnh vỡ. Nhưng cái im lặng đột ngột tiếp theo tiếng hát của lão Năm gieo sợ hãi vào hồn chị Đò. Hình ảnh ảm đạm những người khiêng xác chạy lạng lẽ lúc ban chiều lại tới ám, và chị lờn vờn nghĩ đến ma đậu. Chị nhớ lại một bức tranh trên chùa, chung quanh đức Phật Bà, loằng quằng những hình thù quái dị, đầu chẻ sừng, người ngòm đỏ lừng hoặc xanh lét, chân tay khẳng khiu tựa vôi mực. Đó là quỷ sứ dưới âm cung, nhưng chị nghĩ hẳn con ma đậu cũng na ná thế. Chị dệt vải thực khuya. Vì nếu đi ngủ tất phải tắt đèn, ma đậu sẽ nhân bóng tối đến hại chị dễ dàng. Bởi từ ngày có chồng, chị vẫn nằm một mình trên chõng tre đặt cạnh khung cửi và để mặc anh Đò lạnh lẽo phòng không. Có lần nhà chồng cất chõng đi, nhưng chị cứng cổ, trải một chiếc chiếu ra đất mà ngủ. Sau cùng họ lại phải đặt chõng vào chỗ cũ.

Chị sống đã được năm tháng trong cảnh khó tin như thế, vẫn làm đủ bổn phận nàng dâu, nhưng không bao giờ bước chân vào buồng chồng. Chị cho đó là một cách trả thù sự chuyên chế của gia đình: chị là con một; cha mẹ chị nóng lòng mong có cháu bông bế, dù chỉ là cháu ngoại. Chị Đò Câu dệt mãi đến khuya, mí mắt đã trĩu nặng, thoi rơi luôn xuống đất. Mỗi khi dừng tay để cuộn vải hay chải go, chị nghe tiếng rên rĩ của thằng Xòe văng vẳng. Ma đậu đã đến cạnh nhà; liệu chị có thoát khỏi những bàn tay ghê gớm ấy không?

Nhưng rồi chị mệt mỏi quá, tay không đưa được thoi nữa, đầu gục dần xuống. Chị bèn thổi phụt đèn, trườn ra khỏi khung cửi rồi ngã lưng trên chõng, hy vọng rằng sẽ ngủ thiếp đi ngay. Nhưng vì luống cuống, chị làm cử động ấy mạnh quá, đầu gối chạm ngay phải thành chõng. Cái va đụng đau đớn khiến chị tỉnh hẳn đi.

Đêm đã thực khuya vắng, tiếng rên rĩ đưa rõ mồn một. Chị co dúm lại như con tôm trong nòi kho, người chỉ chiếm một góc nhỏ của chõng. Chị định với lấy cái áo dài vắt trên khung cửi để đắp cho bớt sợ, nhưng không dám giơ tay.

Bỗng chị lạnh toát người, nằm im thin thít tưởng chừng ngột mất hơi. Cạnh tường gần đó, những tiếng bịch bịch vang lên, những tiếng chân giậm đất mạnh mẽ, rồi bịch bịch... bịch bịch, tiếng chân mau và hỗn độn như có dăm người cùng bước.

Chị Đò ghì mạnh móng tay vào thành chõng, trống ngực đập vang lên thái dương, chị tưởng đầu mình bật phật phật trên cánh tay co làm gối. Chị định thắp đèn lên cho đỡ sợ. Nhưng trong lúc luống cuống, chị quên là mình nằm đè lên bao diêm cất ở túi tay mặt, lại cứ lúng túng tìm ở túi kia mãi.

Bây giờ tiếng chân im hẳn. Nhưng những tiếng khác nổi lên. Tai lũng bùng, chị mơ hồ nghe thấy tiếng cào tường, như có ai muốn bám trèo vào, rồi tiếp theo là những câu vấn đáp sau đây, nói bằng giọng khinh khịt như thốt từ mũi:

- Nhà ai đây?

- Đò Câu.

- Vào không?

- Có, trong giấy Đức Ngài phán bắt con mẹ.

- Thế ta làm liền đi.

Rồi tiếp đến tiếng cười hà hà, rộn một vẻ đắc chí độc dữ.

Rồi im lặng, cái im lặng chứa bao ý nghĩa ghê gớm đè trĩu xuống hồn chị. Chị tưởng như bọn ma đậu đương rón nhẹ bước tìm cách trèo vào nhà. Thế là xong một đời! Diêm vương đã định, ai còn cưỡng được số mệnh. Chị sẽ lên đậu và rồi nhắm mắt, buông tay... Miệng làm bầm khấn vái Trời Phật che chở, chị đã thấy người người nổi sợ. Nhưng rồi lòng chị lại rộn lên, cuống động khi óc gợi lại những khổ hình ghê gớm dưới địa ngục như chị đã thấy trong bức tranh: chỗ này mấy đứa trẻ bị cưa đôi, máu đỏ lênh láng; chỗ kia một mụ đàn bà trần truồng, mặt méo như khi, giầy giữa trong vạc dầu sôi.

Chị Đò nghĩ đến kêu cứu. Nhưng mở miệng chị mới biết không thể thốt ra tiếng qua cổ họng khô tắc. Vả lại, kêu chưa chắc đã ích gì. Nãy giờ tiếng ma đậu huyền não thế kia mà có đánh thức ai trong nhà dậy đâu. Cha mẹ và các em chồng ngủ ở nhà trên, không biết đã đành.

Nhưng anh Đỏ nằm trong buồng ngay cạnh đó, sao cũng không thấy nhúc nhích?  
Thốt nhiên nghĩ đến chồng, chị vùng dậy, chạy lạch bạch vào buồng, đóng cửa đánh rầm, nhảy xổ tới bên cạnh anh Đỏ. Vì không quen cỡ, chị vấp phải thành giường, bổ nhoài. Chị vội trèo lên giường, và khi đầu gối chạm vào bàn chân anh Đỏ, chị bình tĩnh hẳn đi.

- Mẹ Đỏ đó à?

Chị Đỏ giật mình: thì ra anh Đỏ chưa ngủ. Ban đầu chị nghĩ rằng chồng chị đã thức giấc vì tiếng đóng cửa hoặc vì động giường. Nhưng không phải, giọng anh không có vẻ gì là ngại ngủ. Nãy giờ anh vẫn thức ư?

- Mẹ Đỏ đó phải không?

Anh Đỏ lặp lại câu hỏi, và chị nhận thấy trong giọng nói có vẻ mỉa mai chế giễu. Chị nằm im thin thít: chị chợt nhận thấy cử chỉ của mình trở tráo quá. Khéo mà chồng lại nghĩ nhầm. Nghĩ thế chị đã thấy bừng bừng. Nhưng cái sợ át mất tất cả. Chị định bụng đành nằm đấy một lúc, bọn ma đi rồi chị sẽ ra ngay nhà ngoài.

... Nhưng rồi mãi đến sáng bạch chị mới giật mình thức dậy. Chị vừa ngủ một giấc ngắn nhưng rất say.

Và hơn một năm sau người ta thấy chị bồng một đứa bé hồng hào mũm mĩm. Anh chồng đang vót mấy cái ống suốt cho vợ, giờ dao dứ dứ dọa yêu thằng bé, chửi đứa:

- Con mẹ mi!

Lão Năm Xười đi qua trước cổng, thấy cảnh tượng ấy, đứng lại, chónh nạnh nhìn bằng đôi mắt nheo vui sượng và tự đắc.

Lão nói vào:

- Đó là công tôi đó, nhá!

- Anh Đỏ - à không, bây giờ lên anh Cu rồi - anh Cu ngược mắt trông ra rồi nhìn vợ tùm tùm cười. Chị Cu đỏ mặt trách:

- Biết rồi! Nhắc mãi!

Lão Năm cười khà khà:

- Phải nhắc để anh Cu thêm tiền thưởng cho tôi chứ. Tôi đóng trò có hết không?

Đoạn, chàng chân, rụt người xuống, lão vừa giậm bịch bịch vừa bóp mũi nói giọng khinh khật:

- Nhà ai đây?

Đổi sang giọng mũi khác:

- Đỏ Câu. Ta vào bắt con mẹ.

Rồi kết luận:

- Thế là "con mẹ" chạy vô ôm lấy chồng. Khà khà khà!...

\*\*\*

**Phụ đính:**

**Ác cảm**

Một chiếc cầu bắc trên dòng sông hẹp, ngăn thành phố với ngoại ô. Sang khỏi cầu, sự thay đổi đột ngột. Con đường xù xì lên những đá và đất đỏ. Những đứa con nít, phần nhiều có một dải bùa vàng buộc ở cổ áo, giỡn nhau giữa đường, chửi đứa nhau cũng khá thô tục. Một đứa bé tí lem luốc bước trên hai cẳng chân chưa vững và khóc bi bẹ. Vài con chó chạy nhong nhong, cúi ngửi bã mía. Từng khoảng một, hai bên mép đường, mấy đứa con gái ngồi bán mía, em nhỏ đặt ngồi cạnh để trông giữ luôn. Hai dãy nhà lợp xúp nối dài, cửa che bằng phen chống nghiêng nghiêng hoặc bằng mảnh tre rất to nan. Trên giậu râm bụi, vắt phơi trên những quần áo bẩn thỉu, yếm váy vá chằng đụp.

Sông lờ lờ lê dòng hẹp màu vàng đục. Về chiều, nhất là những ngày chủ nhật hay ngày lễ, người trong phố ra ngồi bờ sông câu cá. Có người âu phục, có người ra dáng thợ máy, có

mấy cậu học trò, và không biết tại sao, đôi khi lại có cả một bác lính mũ chào mào Họ ngồi kiên nhẫn đợi thường, chặn đầu cần câu dưới một hòn gạch hoặc đá, đoạn lơ đãng ngắm cảnh vật hoặc nhìn lại những người đứng chơi trên cầu nhìn họ.

Mấy người đàn bà lội xuống vo gạo, rửa rau, chẻ hoặc bèo Họ cũng có ý đứng xa một tí những người đang giặt yếm váy Họ khua tay trên nước mấy cái cho bọt và rác dẫn ra theo vòng sóng, đoạn nhúng rổ xuống.

Đằng xa, một người đàn bà rón rục vung quá đầu chiếc chiếu cuộn dẹt rồi đập lên mặt nước rất mạnh, khiến nổi bật những tiếng như tiếng súng.

Giữa cái xã hội ngoại ô ấy, Mân sống đã mấy tháng nay Anh dạy học ở một trường tư trong tỉnh, sau những buổi dạy, anh trở về túp tranh dựng ngay cạnh cầu, thuê mười đồng một năm. Anh chưa quen thuộc hẳn với cái xã hội mà anh cho là ô hợp ấy Nhất là những lúc nghe hàng xóm chửi bới nhau om sòm, anh không nén được phiền bực.

Túp lều Mân ở tối om om. Mỗi sáng, soạn và chấm bài, anh phải chong ngọn đèn dầu mãi đến bảy giờ. Cái cửa sổ chắn song tre, cạnh đó kê bàn làm việc, nhìn ra con đường nhỏ dẫn xuống bến sông. Người gánh nước qua lại luôn, làm rộn trí anh. Nước đọng vũng, mấy con vịt đến khoáng mô lục sục, hơi bùn tanh nhạt, có khi thổi hoắc, xông lên nặc mũi

Một sự lầm lỡ đã đẩy Mân đến cảnh này Chắc mấy người hàng xóm của Mân chẳng ai ngờ rằng cái ông giáo quèn vừa về sống cạnh họ và có bộ xơ xác, đã có lần quản trị hàng vạn bạc. Trước, Mân chung mở đồn điền với một người cùng huyện tên Bạc Hối ồ, đó không phải một tên Tàu, hay Cao Miên. Nhưng lẽ ra - sau này Mân hối hận và nghĩ lại - với một cái tên như vậy, Mân phải đề phòng hơn mới phải Có những cái tên hình như tiền định. Hẳn hối mất nửa đầu, nên có biệt danh ấy Tên Bạc cũng chẳng hay ho gì, khi nó dùng để ghép những chữ kếp như: bạc ác, bạc béo, bội bạc.

Quả nhiên, Bạc Hối lừa Mân. Hắn nắm được một chỗ hở của Mân, đâm đơn kiện và tranh lấy cả đồn điền. Mân thu vết tiền còn lại để theo kiện, nên bây giờ nghèo xơ xác. Mân có của người kinh doanh cái óc bao quát công việc và cái khiếu đón đầu thời cơ. Nhưng anh đã tin người quá. Bao nhiêu những nhà doanh nghiệp đều có quả tim khô khan và khóe mắt nghi kỵ. Họ ngầm giữ miếng với cả những người tâm phúc. Cũng một đôi khi Mân đã ngờ lòng Bạc Hối, nhưng để rồi tự thẹn với mình, tự thẹn vì đã gán cho kẻ khác những tình ý mà hẳn y không có.

Bây giờ Mân sống đoạn tuyệt với mẫu đời vừa qua Anh nguyên quên hết cả; anh bóp chết trong lòng hình ảnh Bạc Hối cũng như kỷ niệm sâu cay của một cuộc thất bại đau đớn. Nghị lực anh dựng một bức tường cao ngăn hẳn hiện tại với quá khứ. Cửa thời cũ, nếu Mân còn giữ lại cái gì, thì đó là cái kinh nghiệm về lòng người, càng quý báu vì giá mua càng đắt.

Ở được ít lâu nơi ngoại ô, Mân có một bạn láng giềng mới Một chiều đi dạy về, đang đứng thờ thần trước cửa, Mân thấy anh ta chuyển đồ đạc từ xe bò vào túp tranh bên cạnh. Anh không nhìn thẳng vào mắt hắn, nhưng đoán chừng hắn trạc ba bốn mươi Một hồi sau, ăn cơm xong, anh ra vườn thì lại thấy hắn đứng rửa tay Hắn quay nhìn sang phía anh, nhưng cúi đầu nên anh không nhận rõ được mặt hắn. Trong bóng hoàng hôn, anh tò mò ngắm hắn lâu lắm.

Khuôn mặt hắn tròn tròn, đều đặn, anh chỉ biết có thế. Chợt tiếng reo nổi lên ngoài phía sông: hẳn một con cá vừa mắc câu, giữa sự vui mừng huyên náo và hơi trẻ con của những người xem. Hắn chưa quen tiếng ồn ào ấy, ngược nhìn, và Mân được dịp nhận ra một bộ mặt hiền lành, nhũn nhặn. Nhưng cùng một lúc, Mân đột ngột cảm thấy cái gì như một phiền rầy: có lẽ bởi anh bị bất chợt đang nhìn trộm hắn. Anh bèn quay vào

Vú già nói cho anh biết là hắn sắp mở một quán rượu đón những ông Xã bác Nhiêu lên tỉnh: rằng hắn tên là Tạo Đàn bà là những cơ quan thông tấn thực nhạ

Tin báo của vú già khiến lòng Mân nao lên một niềm gì gần như giận dữ. Hàng xóm của anh chưa đủ ầm ĩ hay sao mà hắn còn lo tụ tập lại những ông Lý toét, những bác Nhiêu, chén rượu thịch chó vào rồi hét oang oang như để cho cả trời nghe!

Chiều hôm sau trong lúc ngồi trông nom học trò làm bài, Mân sực nhớ lại giấc mộng hồi đêm. Có nhiều khi hồi ức giấc mộng đã cũ trở lại trí nhớ một cách đột ngột như thế, trong một hoàn cảnh không liên quan gì với chuyện trong mộng cả. Hình như anh đã thấy trong chiêm bao một cảnh gì nao động lắm, có điểm chút kinh hoàng thì phải, nhưng không nhớ rõ chuyện gì. Mà hình như giữa sự hỗn độn của những hình ảnh, có thoáng qua bóng dáng người láng giềng mới của anh.

Sau buổi dạy, trái với thói thường, Mân đi dạo quanh vùng anh ở. Khi qua trước cửa hàng rượu, anh quay nhìn vào một thoáng mau. Không hiểu tại sao anh cứ phải chú ý đến Tào Hấn đang sắp lại mấy phong thuốc lào trên quầy hàng, sực ngừng lên. Hấn đơn đã chào:

- Thừa ông giáo đi chơi ... Ông ghé tạm vào chơi xơi nước ạ.

Mân không bằng lòng với mình vì đã để cho hấn bắt chọt luồng mắt mình. Anh trả lời:

- Cám ơn bác. Để hôm sau

Hấn có dáng nhã thiệp, và một nụ cười nhũn nhặn, dễ thương. Quần áo sạch sẽ, tóc chải gọn. Nhưng những điều ấy, không biết tại sao, chỉ làm Mân ghét thêm hấn. Hình như trong anh có tiếng nhũn thâm: Hãy coi chừng! Hãy coi chừng cái bề ngoài ấy!

Đáp lại lời mời nhã thiệp của hấn, Mân đã lấy một giọng hơi xẵng, hoặc ít ra cũng khô khan. Nhưng mà anh không thấy tự thẹn vì sự thiếu lễ độ kia; trái lại anh có một chút thỏa thuê trong thâm tâm.

Sau đó mấy hôm, vú già lại nói chuyện với Mân về người láng giềng mới. Vú kể rằng lúc sáng, một ông Phó lý ghé vào hàng hấn uống rượu, rồi ra chợ; một lát sau hấn bắt được trên bàn cái túi, mở ra thấy mấy tờ bạc; hấn vội vàng thuê xe ra chợ, rồi chạy sục khắp chợ tìm cho được người khách lơ đãng kia, giao giả cẩn thận.

Câu chuyện ấy khiến Mân càng ác cảm với hấn thêm. Anh nuôi sâu cái định kiến vô lý rằng hấn chỉ có thể là một đứa gian tham. Chà! Nếu một hôm nào đó, người ta bắt chộp được hấn đang pha nước vào rượu, hấn Mân sẽ bằng lòng vô cùng. Anh gắt đuôi vú già xuống bếp. Anh cảm thấy hơi lo ngại, lo ngại cho lòng tự ái, như khi nghe ai đưa lý lẽ để đánh đổ một tin tưởng hồn nhiên nhưng sâu sắc của mình.

Sau cùng, Mân nghĩ rằng Chà, đó chỉ là một tấn kịch dàn mặt. Hấn đã bày ra kế ấy để chiêu khách đến cửa hàng mới của hấn. Ông Phó lý nào đó chỉ là người hấn thuê đóng trò. ý nghĩ đó làm cho Mân hả hê.

Một buổi sáng, Mân vừa ra cửa, một toán con nít đùa nhau xô cả vào anh. Sách vở anh cầm trong tay văng ra đường. Chúng vội bỏ chạy. Vừa lúc ấy, Tào đi ngang qua, ý chừng lên phố. Hấn kêu lên:

- Ngõ nghịch thế thì thôi!

Đoạn cúi xuống nhặt hộ một quyển vở. Mân vội tranh nhặt, nhưng không kịp. Hấn phủ bụi cẩn thận, trao trả Mân và nói:

- Con nít mình không biết dạy dỗ, đứa nào cũng hỗn xược.

Hấn kèm lời nói bằng một nụ cười như để cầu xin tha thứ cho bọn trẻ.

Mân nói: "Cám ơn", đoạn gọi xe lên trường. Anh tự nhằn mình vì đã để phải chịu ơn hấn. Hấn càng đáng ghét.

Bài luận lý dạy hôm ấy, về sự công bằng, hiển dịp cho Mân nghĩ về hấn một cách đúng đắn hơn. Người ta ít khi kiểm soát lòng mình, vì lười biếng, và nhất là vì nhát gan; người ta sợ không biện giải được cho những hành động, những tình cảm của mình. Mân nhận thấy mình vô lý. Anh đã bắt công với Tào Hấn có làm gì anh đâu. Trái lại hấn lịch thiệp và ân cần với anh. Mân tự hỏi duyên cớ cái ác cảm lạ lùng kia. Có lẽ bởi Tào là người chứng kiến một quãng đời suy bại của anh chăng? Nhưng không, ác cảm của anh cũ hơn kia; nó đã dậy lên đột ngột ngay từ cuộc gặp mặt đầu tiên; anh thấy phiền rầy bực bội khi vừa trông thấy hấn. Mấy lâu

nay anh vẫn lánh mặt hẳn - tuy vẫn chú ý ngầm - để tránh cái phiền bức khó hiểu Mân nghĩ rằng cái phiền bức ấy thuộc về vợ chồng trước khi lan sang địa hạt tinh thần; chắc hẳn có một cái cảm hay một cái mũi không ưa mắt anh.

Từ đó Mân để tâm quan sát hẳn. Anh thừa những dịp hiếm hẳn đứng ở vườn sau để ghé mắt qua khe vách nhìn trộm rất lâu Anh không tìm ra sự gì mới Mặt hẳn vẫn có vẻ hồn hậu, trong những nét cân đối, tròn trặn. Sau anh nghĩ ra: lỗi của anh là đã nhìn kỹ quá. Khi mình tò mò ngắm một người thân, bạn mình hay mẹ mình chẳng hạn, khi mình để ý đến từng nét lông mày, từng vành môi, từng nếp mi mắt, thì mình nhận thấy - điều này có vẻ trái ngược nhưng mà quả thực thế - người ấy không giống bạn mình, mẹ mình nữa

Một hôm vú già báo rằng Tào đánh tiếng muốn nhờ Mân thảo hộ cái đơn xin mở thêm cái tiểu bài một nhãn rượu khác. Tin ấy khiến Mân vui thích: bây giờ anh nắm được chứng cứ cái làm ơn của hẳn sáng hôm nọ chỉ là vị lợi Nhưng anh không quên lợi dụng dịp tốt này để tìm hiểu cái điều làm anh thắc mắc từ mấy hôm. Anh bảo với vú già hẹn hẳn đúng tám giờ tối sang nhà anh.

Chiều hôm ấy anh đi mượn một chiếc đèn lớn, đem về treo giữa nhà. Ai hiểu được sự bố trí chu đáo của anh, để đi tới mục đích nhỏ nhất như thế nào, tất phải buồn cười!

Đèn treo thấp sáng choang. Sau bữa cơm, Mân ngồi làm việc ở bàn, nghĩa là quay lưng ra cửa. Khi Tào đến, tiếng guốc trên bậc đá sẽ báo trước. Đợi hẳn vào quá ngưỡng cửa một chút, anh sẽ vụt quay nhìn lại Anh không lóa mắt, vì đã quen với ánh sáng cây đèn trên bàn làm việc. Lúc đó, ngọn đèn lớn sẽ chiếu chênh chếch xuống mặt hẳn, và làm nổi bật những nét lồi lõm.

Cái việc xảy ra y như Mân đã dự đoán. Gần tám giờ tối, Tào bước vào Mân xô ghế rất mạnh, quay nhìn. Một nỗi sửng sờ đột ngột chiếm lấy anh, lẫn với cái cảm giác phiền bức mà anh đã từng biết rõ.

Làm sao lâu nay anh không nhận thấy điều đó? Mặt hẳn phẳng phát giống mặt Bạc Hối.

## Cái dọc tẩu

Mười một người, trong bữa tiệc góp, đã đánh ngã không kém băm hai chai. Nhưng không ai lấy làm hãnh diện cái tửu lượng của mình, bởi họ chỉ vừa uống thứ bia nhạt nhẽo, làm tê lạnh chân răng và thoảng mùi mật mía - loại bia thể phẩm trong thời buổi houblon không còn nhập được. Ấy vậy mà có hai người đã quá chén. Bình chỉ hùng hổ với hai ba cốc đầu; tiệc mới tới nửa bữa, anh đã tái nhợt mặt, chạy ra ngoài hồi lâu, rồi vào ngồi dựa ngửa đầu trên lưng ghế, nhắm mắt. Khải thì trụ lại được cho đến xong bữa, nhưng khi cả bọn bước ra khỏi khách sạn, hơi lạnh đột ngột phả lên mặt mũi, anh liền gặp đôi người nồn thốc nồn tháo. Tịch đến đỡ Khải, thấy cả người bạn rung giật từng nhịp mau và dữ dội.

Người ta bèn gọi chiếc xe tay, vục hai người say lên; cả bọn đi hộ tống. Phó tối bụng: dăm bảy đốm đèn xe tay vàng khè lấm tấm dọc hai vệ đường.

Dưới sự hướng dẫn của Quảng Phệ, đoàn người chênh choáng ngật ngà ngật ngưỡng tiến vào phố X, cái phố nổi tiếng khắp cả thị xã. Trên chiếc xe tay theo sau, hai anh say khướt chụm đầu ôm choàng lấy nhau như hai người bạn thiết; chẳng biết họ còn tỉnh hay đã thiếp đi. Chốc chốc, cả bọn đi qua trước một nhà có ánh đèn len thành vệt dài qua khe cửa: từ trong có tiếng trống chầu lạch tạch đưa ra, lại có tiếng hát eo éo bổng lên một chút rồi chìm đầu mất. Quảng Phệ nói lên một con số nhà. Có ai hỏi, về thông thạo:

- Loạn phải không?

- Loạn và Bích. Vào nhé?

Một thằng nhỏ ra mở cửa. Nghe Quảng hỏi, nó khai: "Bẩm, được ba châu rồi".

Lúc ấy mười hai giờ đêm.

Mình Bích ra đón đám khách mới. Một dáng áo hồng thập thò phía trong, rồi lẫn mất. Nhạc nom thấy, Quảng Phệ gọi "Loan, Loan" vánh cả lên bằng cái giọng ngầy ngậy mỡ của anh, nhưng vô hiệu. Ba bốn anh trong đám liền xông vào, đổ đi tìm. Tịch cò hương cũng đi theo. Họ leo lên gác, sục vào hai buồng. Buồng nào cũng có một nhóm quan viên đang ngồi hát. Bị khuấy động trong cuộc chơi, những người này quay nhìn bọn phá đám, nhưng không tỏ vẻ trái ý. Chắc hẳn họ đã quen những sự thọc ngang đó, hoặc cũng đã từng thọc ngang vào những cuộc chơi của người khác. Sau cùng, Bích nắm tay kéo được Loan từ một góc nào ra. Nhưng Loan đứng nép vào tường, một tay đưa khăn che miệng. Loan khá xinh, da trắng, má đỏ hồng, chẳng rõ vì cuộc giằng co với Bích hay vì màu áo ánh lên. Hai mắt mở to dưới làn lông mày uốn cong thanh mảnh, nhìn đám người lạ vây quanh với vẻ một con thú bị thợ săn dồn đuổi. Cái dáng béo lùn phục phịch của Quảng vừa xông tới, nàng đã vùng bỏ chạy. Bích vào khuyên dỗ mấy cũng không được. Loan sợ đám đông, tuy theo như nhiều người cho biết, nàng đi hát đã khá lâu năm. Quảng Phệ mắng Bích khá nặng lời. Bích lặng lẽ nhìn Quảng, lặng lẽ chấp nhận lời mắng mỏ, hai gò má cao gầy như làm li. Chỉ một thoáng, cái ánh mắt nhẩn nhục phía trên hai gò má cao ấy bỗng dựng xám mờ đi, tựa hồ nàng tủi cái phận mình vô duyên không được khách tìm hỏi sẵn đón như Loan, hơn là thấy tủi nhục vì bị xỉ vả.

Quảng Phệ lại lôi anh em đi. Bị kích thích vì cuộc thất bại vừa rồi, họ đập cửa kéo vào từng nhà một, dạo nhìn vợ vắn một lúc, rồi bỏ ra. Nhà nào cũng chỉ đẹp để được cái mặt ngoài, có xa lông, tủ chè bằng gụ. Đi sâu chút nữa, cảnh nghèo nàn phơi bày: chiếc ghế khập khiễng, cánh cửa sổ sún hai ô kính, tấm chăn bông nâu xỉn vứt đồng bừa bãi trên giường trải chiếu chiếu sồn rách dệch dẹo. Một anh nào trong bọn tò mò và lỗ mãng, thử rút chiếc ngăn kéo bàn. Tịch cò hương cũng tò mò liếc nhìn, thấy trong đó một nút khuy áo tân thời, một cái tai đàn nguyệt, cuộn giấy, bó tằm, vài ba mẫu lược gầy.

Người ta sống chung lộn xen kẻ đến kỳ lạ. Vào một nhà kia, phòng ngoài một đám quan viên đang đùa cợt với mấy cô đào, còn phía buồng trong, thấy cả một gia đình không hiểu sao vẫn đang thức và ngồi lổ nhổ trong đó: người bố, người mẹ, ba đứa con vừa trai vừa gái cỡ trên dưới mười tuổi. Thấy đám khách lạ sổ sàng đẩy cửa sục tìm, họ có vẻ trái ý nhưng nhẩn nhục. Trong một cái nôi, Tịch nhìn qua màn thấy một gương mặt thơ bé xinh xắn, môi hồng chúm cong nũng nịu. Tịch nao người nghĩ đến con mình, vội đẩy tất cả bọn quay lui.

Rốt cuộc, họ quyết định cắm trại tại nhà đào Thúy. Bọn Bình, Khải vẫn chưa hết say; nãy giờ họ vẫn ngồi dựa vào nhau trên xe làm cuộc dạo phố lang thang bất đắc dĩ trong lúc đám bạn sục vào các nhà. Người ta vục họ vào. Cả hai nhướng mắt nhìn quanh một chút nhưng không tỏ vẻ lạ lẫm, rồi lão đào dựa vào nhau ngả xuống một cái ghế xích đu, lại ôm nhau ngủ tiếp.

Thúy và hai bạn khác ra đón khách. Thúy người nở nang tròn trặn, khi cười để lộ hàm răng đều, nhưng phải cái mũi to và tẹt. Hai người kia trái hẳn nhau: một gầy, một béo tròn, cô béo trông mặt như một ông tướng, và mang một tên Tây: Madeleine<sup>1</sup>, cô gầy thấp bé mảnh mai, nhũn nhặn xưng mình tên Mùi.

Tịch cò hương thì phì phèo điếu thuốc lá, thọc hai tay túi quần bước đi lò dò quanh quần khắp nhà, dáng hệt như con cò thật! Tự dưng hôm nay anh không cảm thấy mình gắn bó với cuộc vui chung. Trong anh đang dấy dần lên một niềm bứt rứt không duyên cớ. Đầu đây thoảng mùi thuốc phiện, cái mùi thơm hắc khiến anh càng thêm bứt rứt khó chịu. Không ngăn được, anh lần tới, sổ sàng đẩy cánh cửa buồng, và thấy một hình người ngồi cuộn tròn trong chăn, trước một khay đèn á phiện. Chắc hẳn chủ nhà hát. Hẳn ta có dáng một bác cai thầu về hưu, với khuôn mặt tốp phía dưới và bộ râu rê. Hẳn nhe hàm răng khấp khểnh có hai chỗ bị vàng ra cười, mời anh vào. Trong câu nói tự dưng chen một vài tiếng Pháp, ý chừng hẳn muốn chứng tỏ hẳn không phải là kẻ hoàn toàn vô học, chỉ biết thầu nhà cửa và thầu gái mãi dâm. Tịch giập cửa bước trở ra.

Cuộc phá phách đến độ náo nhiệt. Cô béo tròn có tên Tây và bộ mặt to phè với cặp lông mày rậm là trung tâm điểm của cuộc vui. Cả đám nhao nhao xô đẩy nhau vây quanh, cổ chiếm lĩnh cô như chiếm lĩnh một thành trì, miệng hò hét: "Medeleine! Medeleine!". Cô vung tay, hát đầu,



ây vai để chống cuộc vây hãm, hoặc để kích thích thêm cuộc vây hãm. Cô nghĩ ra cách lôi Thúy vào làm đồng minh nhưng Thúy liền bị Quảng Phệ giằng lại ngay. Riêng cô Mùi gầy bé hoàn toàn bị bỏ quên. Trên ghế xích đu, Bình và Khải bị tiếng ồn đánh thức dậy, mở mắt, lần lượt ngهن đầu thờ ơ nhìn cái đám ồn ào láo nháo rồi lại nhắm mắt ngủ tiếp.

Một lát, một rồi, Madeleine vung hai tay phá được vòng vây, tung chạy ra phía sau. Cả bọn cũng thắm mệt, không đuổi theo, ngồi nghỉ chút. Họ lé mắt nhìn sang phía Quảng Phệ và Thúy. Quảng, với vẻ bảnh chọe của kẻ chi tiền, của một ông chủ, ngồi ôm chặt Thúy trong hai cánh tay béo khỏe. Thúy hình như cũng hơi xấu hổ vì cảm thấy nhiều con mắt đang chiếu về phía mình, đưa tay khẽ ấy cái bụng to bầy nhầy của Quảng ra, tất nhiên là vô hiệu.

Chỉ còn lại có Mùi. Đã xả hơi xong, một vài anh mon men đến gần, tuy chẳng hào hứng lắm, dường như chỉ vì không có việc làm gì khác. Mấy cậu khác cũng bắt chước theo xán lại dần. Lát sau thế là họ túm bu đầy cả chum xung quanh cô gái gầy bé. Mùi bị vây ép chặt, không cựa quậy nổi, kêu oai oái với giọng nghít thở rồi ôm mặt khóc thút thít.

Từ phía góc, Kỳ đứng bật dậy. Anh chàng còn trẻ măng và ngây thơ (Tịch còn biết là anh ta đang bí mật tập làm thơ và viết văn, anh ta có đưa riêng nhờ Tịch đọc thử, tuy Tịch cho rằng mình cũng chẳng hiểu biết gì mấy về văn chương), anh chàng trẻ không ngăn nổi bất bình. Anh lao tới cố gỡ chum người ra, miệng hét bằng tiếng Pháp: "Này, tàn nhẫn vừa chứ! Chết cô ta mất!". Mấy người kia cười: "ồ, nước mắt cá sấu! Không đáng nữa xu!". Kỳ ngượng vì cái hào hiệp vô ích và sự bất lực của mình, ngơ ngác một chút rồi rút lui. Quả nhiên có người chòng được Mùi bật cười thành tiếng.

Đốt thuốc và đi quanh chán rồi, Tịch cò hương không biết làm gì nữa. Anh cũng muốn cho đám kia chấm dứt cái trò đùa nghịch nhạt nhẽo gượng gạo của họ đi. Anh bảo với Thúy là anh muốn nghe hát. Thúy được dịp bứt khỏi vòng tay của Quảng đi ra phía sau. Hầu như trong nháy mắt, bác kếp, chẳng biết đột nhiên chui từ đâu ra, xách đàn tới ngồi trên phản. Mặt bác cũng tóp phía dưới như bác cai thầu chủ nhà hát, hai quai hàm lại cứ như móp móp thế nào; thêm vào đó là bộ râu xe cước. Nét mặt bác nửa muốn mếu nửa muốn cười. Thực ra bác chỉ lãnh đạm: nghề nghiệp đã rèn cho bác cái bộ mặt ấy, rất hợp tình thế. Kể cũng là một nghề khó nhọc, lại bạc bẽo: thức đêm như một kẻ trác táng, và làm lì làm Bụt trong khi người ta vui đùa và tửu và sắc ngay cạnh mình.

Cô đào hát, cũng chẳng rõ chui từ lỗ nào ra, tới ngồi cạnh bác kếp, đó là một cô bé khoảng mười lăm tuổi, nước da bánh mật, không xấu không đẹp. Cô nhịp phách rất giòn, hát giọng lạnh lạnh nhưng không được trong. Không biết cô đi hát từ năm lên mấy. Trông còn non choẹt, chưa có vẻ hiểu biết đời; cô không chia sự vui chung, nhưng cũng không ra buồn cảnh ngộ. Chắc hẳn cô đã nhận đi hát như người ta nhận một cuộc đi dạo chơi hay nhận bất cứ một nghề gì kiếm sống.

Tịch tom tom vài tiếng ròi rạc, rồi vút dùi trống cho một anh khác. Anh đứng lên, thọc tay túi quần, lại đi đi lại lại. Một nỗi bực dọc gậm nhấm anh. Men bia chưa hết còn làm nóng ruột. Đầu anh nhức nhối, tuy không phải đêm đầu anh đi chơi khuya như vậy. Không khí xóm Bình Khang, tối nay, đè nén anh đến tức tối. Trong anh xáo trộn những hình ảnh cực nhọc: bác kếp mặt méo, cô đào tí hon đang ngây thơ hát những câu tình tứ, lão chủ nhà cười nhe hàm răng khấp khểnh, cô đào béo mà cái tên Tây, do các bạn anh thỉnh thoảng gọi to, đâm nhói vào tai; và cuối cùng là chính các bạn anh, thường ngày khá chững chạc lịch sự lúc ngồi bàn giấy hoặc trong giao tiếp, đêm nay tự buông thả, hò hét quậy phá không khác gì một tốp lính tầy. Tịch đưa tiền sai đi mua thức ăn nhẹ. Khi dọn bàn, thấy thiếu Quảng. Bấy giờ mọi người mới nhận ra rằng Quảng và Thúy vắng mặt từ đã lâu. Có ai gợi ý ra sau bếp tìm, thì vừa thấy Quảng Phệ đi lên, mắt hấp háy ánh đèn, quần quên chưa gài cúc. Thúy theo sau, đang vuốt lại tà áo dài. Lại bia nữa. Nhưng không ai uống, lát nữa sẽ dùng súc miệng cũng được. Thúy chao thìa trong liễn cháo, múc cho Quảng một lòng đỏ trứng. Quảng Phệ liếc mắt, mỉm cười: cặp mắt béo ti hí cố làm vẻ tình tứ, nom hài hước. Thúy cũng mỉm cười đáp lại: nụ cười có thể mang nhiều ý nghĩa. Xong bữa, mọi người ngồi ngẩn ngừ nhìn nhau một lát. Có ai chậm rãi cất tiếng: "Còn chi buồn hơn một cuộc vui lúc tàn...". Câu nói đã nhảm: nhưng giọng rề rề chán

nản của anh ta làm nổi rõ sự thực ấy.

Quảng gọi Thúy vào buồng chi tiền, rồi cả bọn kéo nhau ra đi. Bọn Mùi không tham gia bữa ăn, đã đi nằm được một lát. Tịch thấy Mùi nằm cạnh cô bạn béo có tên Tây trên chiếc phản: mệt quá hay sao, cả hai cũng không buồn kéo chăn đắp; họ có vẻ đã ngủ say. Trên ghé mây dài, có ai nằm trùm kín chăn, dáng vóc nhỏ teo: chắc hẳn cô bé hát lúc nãy.

Người ta đánh thức Bình và Khải dậy, diu lên xe tay. Anh chàng Kỳ được dịp biểu lộ tình bạn tận tụy của mình: anh vui vẻ nhận trách nhiệm đưa hai người về tận nhà.

Đồng hồ nhà ai điểm ba tiếng. Mọi người chia tay. Mấy anh còn trẻ trong bọn vừa đi vừa bàn nhau cách thác có nói dối vợ. Tịch nghĩ thầm: "Lạ, ra ngoài đường cũng chẳng thấy dễ chịu hơn chút nào". Không khí u trệ, đặc và nóng. Trời mới giữa Giêng, nắng mới chưa hừng mà sao hơi đêm bứt rứt quá chừng. Anh đi rất chậm, thở từng hơi dài, nhưng không bớt mệt. Anh cho rằng sự tức bực đè nén mình từ đầu hôm là do ở thời tiết.

Vợ Tịch ra mở cửa. Xem nét mặt, anh biết Thư chưa ngủ giấc nào. Thư thay áo cát giày cho chồng, vẻ lặng lẽ hàm một ý trách móc. Tịch vội vàng tắt đèn đi nằm. Anh se sẽ len dưới chăn, sợ kinh động giấc ngủ của con. Không khí trong gian buồng êm mát làm dịu lòng anh. Tịch nghe rõ nổi bực tức lắng xuống dần dần. Anh vuốt ve làn da mịn của thằng bé, mơn tay dọc cẳng tay cẳng chân nó căng bụ nổi gân. Giấc ngủ đến khá nhanh chóng.

Nhưng chợt mắt được một lát, chợt nghe tiếng khóc thút thít. Anh nao người nhận ra người đang khóc chính là vợ mình. Anh phân vân định lựa lời khuyên dỗ, nhìn kỹ hóa ra không phải Thư mà là cô đào Mùi gầy gò bé nhỏ. Cô Loan xinh xắn cũng có đó, hai mắt mở to trừng trừng vừa sợ hãi vừa giận dữ, rồi tự dưng cô bật khóc nức nở. Trong lúc đó Mùi lại phá lên cười giật giọng như điên. Khuôn mặt tốp của lão cai thầu nghiện chủ nhà hát hiện ra. Lão nhe răng cười nhả nhổ rồi chìa chiếc dọc tẩu cho anh, vẻ mời mọc. Anh gạt tay lão ra, lão càng xán vào vừa ấn dọc tẩu lên miệng anh vừa nói gì rất to gần như xỉ vả. Hóa ra lão cho anh là người gây ra tất cả mọi nông nổi này. Tịch uất đến tận cổ, anh run người định xông tới thì vừa tỉnh thức. Trống ngực vẫn còn đập thình thình. Anh len lén nhồm dậy, bước ra khỏi giường. Rồi anh đi rửa mặt, ngồi đốt thuốc lá. Anh đã quyết định thức luôn đến sáng. Thà thức mà suy nghĩ nghiền ngẫm, cho dù là những ý nghĩ day dứt cực nhọc, còn hơn trở lại với những ác mộng.

## Kẻ hô hoán

Hắn bước chậm rãi trong ngõ hẻm. Mùi nước cống thoang thoang, đôi lúc dậy một luồng đậm đặc hơn do hơi đêm, khai khai thum thum, nhưng với lỗ mũi hắn lại là mùi quá quen thuộc gần gũi. Bất đồ chân hắn bị vấp giập ngón cái. Điềm chẳng lành. Hắn liền dừng lại, đứng hồi lâu nghe ngóng. Ghé sát mặt vào cánh cổng hậu một nhà nào đó, hắn nhận ra nét trắng mờ một hình vẽ thằng người thô kệch, đầu tròn lông lốc. Có thêm dòng chữ nguệch ngoạc, cũng bằng phấn, tất nhiên hắn không đọc được, hắn không biết chữ quốc ngữ. Riêng có vài ba chữ Hán nghiêng nghiêng ngả ngả, thì hắn nhận ra, nhất là chữ "đại" vì nó giống hệt dáng thằng người đứng dang hai chân hai tay: chả gì hắn cũng đã từng vẽ vẽ dăm ba chữ thánh hiền với ông thầy đồ trong làng hồi còn để chỏm chữ chơi à.

"Chả nước"! - hắn tự bảo - Nhà mấy thằng học trò trọ học. Hắn không dám tiến xa hơn nữa trong ngõ hẻm: ngón chân cái vẫn còn đau đau. Hắn quay về thôi? Mới đi đã xúi quẩy. Cuối cùng hắn quyết định: cứ liệu, đến đâu hay đến đó.

Dán bàn tay vào tường nhám, hắn dùng tài nghệ riêng ép chặt đầu gối, trườn lên. Tường cảm mảnh chai, nhưng với hắn, mùi mẽ gì cái lối phòng giữ trẻ con ấy. Chỉ cần ba đầu ngón tay búi vào đầu tường, hắn rút người lên như con tôm. Sau đó, dính đầu gối vào mặt tường, hắn dạo dạo bàn tay trên lượt mảnh chai: kiểm được chỗ đặt tay rồi, hắn rút người lên nữa, đặt một tay sang mép bên kia, đu mình ngồi chạng trên đỉnh tường nhồm nhồm, hai cánh tay gân guốc đỡ

sức nặng của thân. Đoạn, cũng cẩn trọng như thế, hấn vắt chân kia vào phía trong và đạp vào gờ cửa, nhẹ nhàng tuột xuống.

Chân chạm đất rồi, công việc thứ nhất của hấn là mở hé cửa chiếc cổng hậu, phòng lúc thoát thân. Nhưng then cửa chặt cứng, cưỡng lại dưới tay hấn. Rờ tay rồi cúi nhìn, hấn kinh ngạc nhận ra cửa không gài. Một ý nghi ngờ thoáng qua. Người ta để hé cửa để đánh bẫy kẻ trộm? Nhưng hấn nhận ngay ước đoán ấy vô lý. "Chà, hấn nghĩ, mấy thằng trẻ nó lo đếnh". Và hấn đứng thẳng dậy. Có gì rơi lá tả trên bàn chân: lần này thì hấn hoảng lên thật sự: một túi áo đã bị móc thủng, chắc hấn do mảnh chai cắm tường, gạo trong túi rớt xuống, nhúm gạo mà các chú ăn sương dùng gieo nhẹ vào bóng tối để nghe tiếng gieo mà phát hiện các thứ đồ đạc trong nhà. Lại một điềm không may nữa! Hấn gãi trán râm rập mồ hôi, nhớ đến đài âm dương hấn xin hồi nãy trước lúc xuất hành. Hai đồng tiền rớt xuống đĩa nầy căng căng, đoạn nằm phôi hai mặt vôi trắng xóa. Hấn xuýt xoa khấn khứa, kẻo nài, gieo lần thứ hai, lần thứ ba, lại lần nữa. Chẳng ăn thua. Vẫn lúc thì hai mặt sấp, lúc hai mặt ngửa tênh hênh. Li lợm, hấn khất xin một quẻ thử năm, miệng khấn lảm rảm mà trong bụng đã muốn nổi tức, cứ như sấp bật lên tiếng rủa. Rốt cuộc quỷ thần đành miễn cưỡng chiều theo ý hấn.

"Cứ làm tới thì được", hấn tự nhủ để trấn an. Tuy vậy, khi lần vào nhà bếp, hấn bước lò dò, chậm rãi, thận trọng hơn mọi lần. Bếp không có cửa. Nhìn vào, hấn nhận ra mờ mờ một hình người nằm trên chiếc chõng kê phía trong, chắc hấn thằng đứa ở. Nhưng sao tiếng ngáy nghe mệt nhọc nặng nề. Hấn hươ hươ tay lần vào. Tay hấn vừa vô tình va nhẹ vào một vật gì đó bằng gỗ khiến nó bị xô dịch chút đỉnh, tiếng ngáy liền im bật, rồi có tiếng nẩy lách tách của nan chõng: thằng ở trở mình. Hấn nghĩ thầm: "Chắc hấn một lão già; ừ phải, thằng nhỏ thôi ở đã hơn một tháng, nghe nói tụi học trò phải tự thổi cơm lấy". Hấn quen phân biệt hai tiếng ngáy; của người già, lập bập lập bập như xe bình bịch nổ máy, tiếng hơi thổi kéo qua đờm chặn cổ họng mũi, có tí động là im liền; còn của người ít tuổi, kéo dài rờn rờn, say sưa, sấm nổ bên tai cũng kệ.

Hấn áp mình vào tường một lát: không nghe động tĩnh gì nữa, hấn mới thử lần lên nhà trên. May làm sao, cửa thông lên nhà trên mở toang hoác. Trời nóng bức, chắc bọn học trò để mở thế cho đỡ ngột ngạt. Hấn tự tin cứ lững lững bước qua. Vào được dăm bước, chợt ông già dưới bếp cất tiếng ho khùng khục khùng khục một tràng dài. Vừa quay lại, thằng kẻ trộm bỗng có cảm giác thấy một bóng người chạy vụt vào.

Hấn lạnh cả gáy, mở to mắt cố chọc thủng bóng tối dăm dăm nhìn về phía cánh cửa, chỗ hấn nghi cái bóng vừa vào nắp đặng sau: đoạn nín thở, hấn lao nhanh tới góc tường thủ thế. Một lát khá lâu, yên tĩnh hoàn toàn. Có chiếc ô tô hàng chạy ngoài đường phố, tiếng máy rầm rầm, không biết tại sao, càng khiến hấn thêm yên lòng. Chắc hấn hồi nãy hấn hoảng mất đấy thôi. Thằng kẻ trộm già ngạc nhiên tự hỏi sao hôm nay lại có cái sợ trẻ con, hão huyền của thời tập việc làm vậy. Đã quen nghề, hấn chỉ thường thấy một cảm giác rờn rợn hay hay khi lọt vào nhà lạ, cái cảm giác chỉ kích thích thêm chứ không hề làm tê liệt. Hấn thường khoái chí nhớ lại những cái kỳ tích một đêm kia hấn đứng chạng chạng chân trên một người đàn ông nằm ngủ để với lấy chiếc đồng hồ quýt treo trên tường: hấn đã hành động vô cùng lẹ làng, cái dáng điệu đầy nguy hiểm làm rợn hai bắp chân mà hấn cứ tưởng tượng sắp bị hai bàn tay người ngủ chồm lên ghì chặt lấy, đã đem lại một khí lực không ngờ cho sự can đảm táo tợn của hấn. Màn im lặng khép lại trên tiếng ô tô xa dần rồi tắt hẳn. Vẫn nép mình trong góc tường, hấn đảo mắt quan sát chung quanh.

Nhà lặng phắc; cạnh hai khung cửa sổ mờ mờ ánh sao, bóng vài ba anh học trò nằm ngủ, chân gác lên chân song. "Vờ ngủ à?". Hấn tự hỏi, rồi lại tự bực tức với mình tại sao hôm nay lại dăm ra nghi hoặc đến thế. Tuy vậy, vẫn không ngăn được thử đưa luồng mắt về phía cánh

cửa thông xuống bếp. Chợt hắn đồng tai: hắn lại vừa tưởng nghe tiếng động nhẹ phía bên ấy, như có ai trở mình! Rồi cũng từ bên ấy đưa sang một tiếng thờ ra, tiếng thờ hắt, ngắn mà mạnh, như thốt từ ngực bị đè nén. Lần này thì hắn chỉ còn một ý nghĩ: chạy trốn. Quả là có kẻ đang rình để chộp hắn. Khéo tiếng ho lão già lúc nãy chính là để đánh động. Trống ngực hắn đập thành thạch. Liếm môi khô đét, hắn tìm kế thoát thân. Giờ mà thoát ra cửa, hắn kẻ kia đón đường kịp hoặc phang vào sau lưng hắn. Phải nghĩ cách đánh lạc hướng đối thủ. Chà, thằng này, cái thằng đang nấp rình này có vẻ cũng gan lì lắm đây. Có thể nó chính là một thằng học trò nữa trong nhà. Thằng nhóc chưa chắc đã khỏe hơn mình, nhưng nó trẻ, nó nhanh, nó lại đang ở thế rình tấn công.

Bất đồ lại có tiếng động lộc cộc, vẫn từ phía bên kia sau cánh cửa. Thằng kẻ trộm lạnh toát người. Nhưng hắn còn kịp nghĩ: Có lẽ cái đứa rình cũng sợ, không dám khởi thế tấn công trước, mà khéo thằng ấy cũng đang cứng cả lưỡi, không cất được tiếng tri hô lên. Với một ý nghĩ khiêu khích táo bạo ghê gớm, hắn cố ý cụng đầu đánh cộp vào tường. Tức thì, đằng kia, một tiếng động đáp lại, tiếng quần áo lạt xạt của người đang ngồi bỗng chồm dậy. Nhưng rồi một im lặng kỳ quái lại tiếp liền theo. Khéo cái thằng kia vẫn gan lì chờ để quật thẳng vào mặt mình, hắn đoán. Chần chừ nữa càng nguy! Trật chiếc khăn đen bịt đầu, thằng kẻ trộm nắm lòng thông, ra sức ném mạnh về phía một ô cửa sổ, đoạn lao mình vút qua khung cửa thông xuống nhà bếp. Nhưng trái với dự đoán của hắn, kẻ kia không bị lừa vì cái hình nhân giả hắn vừa bắn ra, xô cửa chạy theo hắn. Hai cái bóng chạy thành thạch qua gian bếp. Thằng kẻ trộm thấy kẻ đuổi chạy ngang tầm rồi sắp sửa vượt lên. Một cái bóng thấp lùn. Hắn đoán kẻ kia muốn chặn đường. Hắn toan quay tìm ngả khác thoát thân, chợt vấp phải cái gì đó hoặc chỉ do quá đà, ngã dúm xuống. Trong lúc sợ hãi, hắn vẫn giữ tinh trí, quờ rộng hai cánh tay. Bóng đuổi va phải khuỷu tay hắn, ngã theo. Mẹo nhỏ ấy khiến hắn lợi thì giờ, thằng kẻ trộm lồm cồm trở dậy, vút ra hướng cửa sau. Bóng kia chồm dậy, lại lao theo hắn. Tiếng ngã ì oạch đánh thức lão đầy tớ già. Trí còn hoang mang, giấc ngủ chưa tỉnh hẳn, lão bước thấp bước cao đuổi theo hai cái bóng, vừa hô bằng một giọng khàn khàn: "Kẻ trộm! Kẻ trộm! Ôi làng nước ôi, kẻ trộm!".

Giật tung cánh cổng hậu, thằng kẻ trộm thoát ra chạy miết dọc ngõ hẻm. Bóng đen thấp vẫn bám sát theo. Tới đầu ngõ hẻm, thằng kẻ trộm không do dự, rẽ ngoặt tay trái. Hắn đã nhiều lần dò xét địa thế: nếu rẽ sang phải, tắt ra tới đường cái, có đông người ngủ mát ở vỉa hè, lại sáng ánh điện: còn con đường hắn vừa quăng mình vào, vắng, hẹp và tối, là đường dẫn ra ngoại ô. Nhưng hắn kinh hoàng biết bao, nhắc thấy giữa lòng đường trước mắt, chỗ đầu xóm, một đám người tùm tùm thành bóng đen lớn lố nhố như sẵn sàng đón đợi hắn! Hắn cảm đầu đâm nhào tới. Quay lại cũng chết kia mà! Hắn đã bỏ lại lão đầy tớ một quãng khá xa, nhưng tiếng hô hoán của lão còn vắng tới, khiến đám người kia đâm bổ đuổi theo hắn.

Bây giờ, thằng kẻ trộm đang co cẳng phóng trên đường đá gồ ghề tối om của xóm ngoại ô. Phía sau không xa, là tiếng chân chạy huỳnh huých của cả chục người chứ không ít. Hắn chợt nghĩ tới cái mẹo, cũng chỉ mẹo vặt thôi, biết từ thuở vào nghề nhưng chưa bao giờ phải dùng tới. Hắn vừa chạy chậm bước lại, vừa cất tiếng kêu la inh ỏi như bọn đuổi theo: "ôi làng nước! Bắt lấy thằng kẻ trộm! Nó chạy đằng kia!".

Xảy ra một sự lạ; vừa cất tiếng la lối, bỗng dưng hắn thấy cả lồng ngực, cả tim phổi hắn như giãn nở ra, bao nhiêu sợ hãi mệt mỏi bay đâu mất! Đầu óc thoáng đặng hẳn. "Kẻ trộm! Bắt lấy thằng kẻ trộm!". Hắn la to hơn nữa, gần như khoái chí. "Bắt lấy thằng kẻ trộm, đằng kia, đằng kia!". Hắn vẫn chạy dẫn đầu, khuơ khuơ tay ra phía trước. Giọng hắn hò hét dường như át trùm lên giọng tất cả đám người. Da mặt hắn phùng phùng, càng cảm rõ cái mát lạnh của hơi đêm lướt nhanh qua trán, má. Thoạt đầu chỉ là một mưu kế để thoát thân, lúc này hắn thấy cái trò ấy hay hay, hắn cứ vừa la vừa chạy, vừa chạy vừa la hăng hái lên thật sự, cứ như thể

trong phút chốc, con người hắn, nhân cách hắn đã đột nhiên biến đổi, hắn gia nhập một cách tự nhiên vào cái xã hội những người lương thiện đang xua đuổi lòng bất một tên gian manh nào, một phần tử xấu xa tội lỗi chẳng hề có liên quan gì với hắn cả.

Nói vậy, chứ hắn cũng đủ tinh táo để chấm dứt trò chơi đúng lúc. Mồm vẫn không ngớt la hét hô hoán, hắn dần dà tụt lại sau, kiểu như người thắm mệt vì đã quá hăng, và khi đã cách xa đám đuổi khoảng dăm thước, hắn tạt ngang, nép vào sau bình phong một cái miếu con. Hắn cười một cái cười rộng hoác nhìn theo toán người, một cụm đen lố nha lố nhố, đang hò hét nhau âm ỉ nên chạy theo hướng nào. Chợt hắn thấy, từ toán người kia, tách tụt lại một hình thù thấp lùn mà hắn đoán ngay là cái bóng vừa quần nhau với hắn trong nhà hồi nãy. Một ý nghĩ lóe trong trí thằng kẻ trộm: đích rồi, hắn vừa chạm trán một thằng đồng bọn trong cái nhà kia. "Mẹ kiếp, thì ra nó cũng tưởng mình rình nó. Hai thằng sợ lẫn nhau! Mà hình như mới rồi nó cũng bắt chước mình hô hoán âm lên hay sao ấy". Hắn rửa thắm một tiếng thật thô tục cho hả cái giận đã bị một cơn kinh hoàng không đâu và đã hy sinh vô ích một cái khăn bịt đầu, vốn cũng dùng làm túi đựng đồ thó được. Hắn lại cố đoán xem tại sao có toán người đứng đón chặn hắn kia. Chắc rằng cái thằng cha mặt méo chân thọt mà đầu hôm hắn bắt gặp đi mò trong xóm này đã vụng về để "xọp cấu" - tiếng lóng trong nghề có nghĩa: bị người đuổi bắt. Bọn người kia bắt trộm không được, đang túm tụm bàn tán thì được dịp bỏ ngay lên đầu hắn. "Mấy cái thằng. Đồ mặt hạng! Đồ ăn hại!". Hắn gộp trong lời rửa đây khinh miệt cả thằng thọt chân mặt méo lẫn thằng lùn tịt.

Trong lúc đoán già đoán non và nghĩ linh tinh lang tang, thằng kẻ trộm già vẫn không rời mắt theo dõi cái bóng thấp lùn đang nép theo hàng rào cây bên kia đường lần đi. Hắn thử dặng háng, cái bóng liền lẩn vào một bụi cây bên vỉa hè. Một ý trả thù tinh quái liêu lĩnh vụt đến trong óc thằng kẻ trộm già, hắn quơ nhặt một hòn đá, nhảy xổ ra đường quăng tới rất mạnh, miệng hô hoán: "Nó nấp trong bụi này! Bắt! Bắt thằng kẻ trộm!". Tức thì từ bụi cây một bóng đen văng ra, bay nhanh về góc đường và biến mất.

## Ôm

Thức dậy từ nửa giờ, Bình vẫn nằm thẳng trên giường, hai tay vòng trên ngực, mắt lặng lẽ dán lên trần. Tiếng xao xác của ngoại ô dậy sớm, len qua khe vách buồng, chỉ còn là một tiếng rên rời rạc. Đầu trống rỗng ý nghĩ, Bình đắm trong một lười biếng uể oải.

Tám vách cạnh giường từ màu xám ngả sang màu trắng, rồi một vệt nắng dài vàng nhạt in dọc trên đó. Anh ngồi dậy, gượng nhẹ để khỏi kinh động giấc ngủ của vợ nằm cạnh. Khi mắt nhìn xuống chỗ tấm chăn mỏng nhô tròn trên bụng vợ mang thai, anh có một nụ cười bằng lòng lặng lẽ.

Bình xuống giường, vận mình bên này, bên kia, ngúc ngắc cổ, đoạn bước ra. Bà mẹ anh đang khom mình quét nhà sèn sệt. Thằng Nuôi, em nuôi Bình, cũng vừa dậy đi xuống bếp, mắt hấp háy. Anh bảo câu thường lệ:

- Xuống nhóm lửa thổi cơm; nhớ ghé siêu nước cạnh bếp pha chè mẹ uống.

Bình ra mở cửa, rồi nhấc từng tấm cửa tới dựng cạnh tường. Đoạn anh dọn hàng. Anh lần lượt bày trên tấm phản mỏng đã một các ô tạp hóa. Ô gương lược, để phía trái; ô kim chỉ và sáp bôi nê, để bên cạnh; ô khay áo chỗ này; ô bút chì, bút mực, chỗ kia. Cách... cách... cách... cách... những ô hàng đặt xuống cạnh nhau trong một thứ tự quen thuộc đến chán nản, khế

kêu lên những tiếng khô khan và đều đặn.

Bà cụ ghéch chỏi, ngồi xuống ghé và bảo:

- Độ này đã chớm rét rồi nhỉ.

Bình vừa mắc máy chiếc áo trẻ con lên dây thép, vừa đáp:

- Vâng trời sắp sang rét.

Anh chợt có cảm tưởng đã nói câu ấy một lần rồi. Hôm qua hay là hôm kia, hay đã lâu rồi? Dĩ vãng trôi đi, theo dòng lặng lẽ, và những ngày qua gần đây nhất cũng đã lìm chìm trong dòng thời gian ấy. Bình thấy lòng vẫn lên một nỗi buồn nao nao không rõ rệt, trong khi tay chậm chạp mắc trên dây những chùm khăn mặt xanh đỏ, những áo vệ sinh đã bợt màu sau những năm trường âm ỉ trong cái ẩm thấp của căn nhà hẹp bé mà tường lúc nào cũng như toát mồ hôi dưới làn rêu xám.

Thằng nuôi bưng nước lên pha chè. Bà cụ hỏi:

- Chị may đâu, chưa dậy à? Độ này đồ đốn ra thế!

Bình sợ mẹ giận vợ rồi mắng lây sang cả mình như đã thường xảy, vội nói:

- Thưa mẹ, hồi đêm nó kêu chóng mặt, mãi khuya mới ngủ được. Để con vào đánh thức.

Anh vào buồng se sẽ gọi:

- Mợ! Mợ! Dậy không mẹ chửi chết.

Hường vươn vai ngồi dậy, mặt ngái ngủ phị ra.

Bình lấy Hương là do ý mẹ. Độ còn học năm thứ hai ban Thành chung, để đi theo phong trào, Bình có một tình yêu. Anh bắt tình một cách nhanh chóng với một cô khâu đầm hơn tuổi ở cùng phố mà anh làm tưởng ngây thơ như mình. Anh mẫn nguyện trong mối tình dễ dãi ấy, cũng có những buổi gặp gỡ trong đêm, những buổi trốn nhà đi chơi núi, tay cầm tay. Tiếng đồn đến tai bà mẹ, bà vội buộc anh vào cuộc hôn nhân mà bà dự định từ lâu. Bà ép anh lấy Hương, con một bà khách hàng quen. Bình cũng có những cơn thất vọng, những buổi nhịn cơm, cũng khóc lóc, cũng dọa tự tử nếu không lấy được người yêu. Nhưng rồi anh cũng cưới Hương, và, chung đụng gây dần niềm thân ái, anh quên rất mau người tình cũ. Bấy giờ anh mới nhận thấy trước đây mình chỉ giả dối với mình, đã thêu dệt vào nỗi đau đớn của mình để bắt chước những mối tình lãng mạn trong tiểu thuyết.

Sau cuộc hôn nhân, Bình thôi học. Anh không quyền luyện nhà trường mà anh không giữ một kỷ niệm gì dù tốt đẹp hay chua xót. Anh không có bạn học thân, không có thầy quý mến. Bài học nào anh cũng khá thuộc, bài làm đầy đủ nhưng tầm thường. Một vài ông giáo không nhớ tên Bình, chỉ tay và gọi: 'Ê, trò kia, ở bàn cuối!'

... Hương đưa tay quào gỡ mái tóc rối búi thành cục lớn lỏng lẻo sau đầu. Nàng không còn cái vẻ diêm dúa của thời mới cưới nữa. Nàng tưởng sự thân thuộc cho phép chênh mảng, nhất là khi ông chồng cũng đã nhiễm thói để tóc rối bù và thôi đánh răng.

Nàng bước xuống giường, quần áo xô lệch, dẫn dúm. Bình sửa lại gối. Hường xếp chăn. Liếc nhìn bụng vợ, Bình bỗng có một cử chỉ âu yếm; anh xáp đến sau lưng Hường, nắm lấy hai cánh tay vợ và định ghé hôn má nàng. Nhưng Hường hất tay chồng và hơi gắt: 'Làm trò gì thế? Yên xem nào!'

Bình ngượng bỏ ra, vợ vẫn huyết sáo. Trong đời sống nhỏ nhoi rời rạc, những tình cảm cũng lỏng lẻo đi.

Một hồi sau, cơm dọn lên. Vẫn những món ăn hàng ngày: dưa chua, cà, một đĩa trứng muối, một bát canh cá. Mọi người ngồi vào mâm. Một đứa bé tới trước hàng:

- Bán cho tôi ba xu miến.

Bình hơi mê tín cầu rầu:

- Sáng ngày bán mở hàng đã may mắn chưa!

Anh đừng dậy gói miến cho đứa bé. Nó kêu:

- Sao ít thế này?

Anh thêm vào hai cây miến ngắn và mĩa mai:

- Được rồi đấy. Có ba xu miến lại muốn làm đủ mâm cỗ kia à?

Giữa bữa ăn, bỗng bà cụ bảo:

- à, hôm qua bà Hàn Thái có nói chuyện, trên phủ Bái cần một ông giáo dạy trường tổng.

Bình ngừng nhai, ngược nhìn lo ngại.

- Bà ấy bảo anh có thuận dạy, thì bà ấy nói hộ với quan Phủ.

Bình cười 'hì' một tiếng nhỏ trong họng, óc chưa có một ý định gì rõ rệt. Anh hỏi một câu vô ích:

- Dạy trường tổng à?

- Trường tổng Quan Hóa, cũng gần, chủ nhật có thể về chơi nhà. Bà Hàn bảo người ta chỉ cần Rime thôi; nhưng mình đã học tới đệ nhị niên, hẳn người ta phải giả thêm lương.

Lòng Bình bỗng xốn xang lên, như khi phải tìm một quyết định quan hệ. Anh đưa mắt sang vợ, hỏi ý kiến. Hường, ý muốn gây đời sống độc lập - bởi không nàng đâu nào ưa sống cạnh mẹ chồng - bàn:

- Cậu cứ dạy một chuyến thử xem.

Bình vẫn hy vọng vợ giữ mình lại, hơi nổi gắt:

- Dạy gì lại có dạy thử! Dạy là dạy, không là không.

Bà cụ hỏi:

- Hàng nhà mình ngày càng ế; mấy hiệu tạp hóa mới mở họ cướp hết khách. Trước thì cơm cháo thế nào xong thôi; nhưng vợ Cả sắp ở cũ, anh nên đi làm kiếm ít đồng, phòng khi vợ con đau yếu.

Bình vội vin lấy cớ mà lời mẹ đã gọi cho anh:

- Nhà con ở cũ con so, mà người không được khỏe sẵn, sợ có điều khó khăn chẳng. Đi xa con thực không đành.

- Việc gì đã có tôi. Anh ở nhà thì cũng chẳng lợi gì. Đàn ông chỉ thêm vướng chân.

Bình im lặng. Anh ăn không thấy ngon nữa, cố gắng nhai miếng cơm nhạt nhẽo.

\*\*\*

Chiều hôm đó, bà cụ lại nhắc đến chuyện:

- Anh nghĩ thế nào? Người ta chỉ chờ người thay để mời thầy cũ đi. Minh chậm chân thì hỏng.

- Con phân vân lắm. Vẫn biết là một dịp tốt kiếm ăn, nhưng mẹ đã già yếu, thằng Nuôi thì chả biết gì, nhà con lại sắp ở cũ, con đi xa, ai chăm sóc mẹ.

Đó là cái lý anh đã nghĩ được từ sau bữa cơm sáng. Bà cụ đáp:

- Tôi vẫn còn mạnh. Anh không phải bận bịu về điều ấy. Vả tôi đã bảo tổng Quan Hóa cũng gần, anh có thể về thăm nhà luôn luôn, một ngày nghỉ là đủ đi về.

Lý bị đổ, Bình lặng im; một hồi sau, làm kể hoãn binh, anh chậm rãi nói:

- Vâng, mẹ để con nghĩ.

- Anh còn nghĩ gì nữa. Đã sắp có con có cái, anh phải lo lấy một đường sinh sống chứ. Chẳng lẽ bắt tôi nuôi mãi vợ chồng anh, lại cả con anh.

Điều đó không phải Bình chưa nghĩ đến. Nhưng ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua, bởi hay sợ nghĩ ngợi, anh chỉ tự bảo: 'Chậc! Đến đâu hay đó'. Vốn mang một tính vô tư lự gần như ngu dại, Bình không dám nhìn thẳng sự khó khăn, ngờ mặt đi với cái hy vọng sự khó khăn sẽ mất, nhờ một cơ này hay cơ khác, hão huyền hay thần bí. Nghe mẹ nói, anh nghĩ thầm: 'Không lẽ thêm một đứa con nít thì cả nhà chết đói à?'.

Bà cụ lại tiếp:

- Anh xem bây giờ trong nhà túng bán thế này. Đầy tớ không đủ tiền nuôi. Tôi không thể nào đương nổi nữa; chả lẽ bắt tôi cứ khó nhọc mãi.

Lời nói dai dẳng khiến Bình khó chịu. Tuy không dám nói ra, trong thâm tâm, anh cho mẹ mình ích kỷ. Những lời trách móc ép buộc khiến anh có cảm tưởng bị hiếp đáp; anh gần như tủi thân và thấy nước mắt rưng rưng. Anh nghĩ dỗi: 'Thế ra xưa nay mình vẫn ăn không ngồi rồi đấy! Không có mình thì lấy ai giúp đỡ việc nhà, việc buôn bán?'.



Tối hôm ấy, Bình không sao ngủ được. Lờn bàn của mẹ, ngay từ đầu anh đã có ác cảm, bởi anh biết sẽ bị làm phiền rầy. Nhưng xem chừng khó kiếm có ở lại nhà, anh thử làm quen với ý nghĩ sống xa gia đình. Nhưng nỗi sợ xa lạ, sợ bất ngờ, trước chỉ mơ hồ, bây giờ có thêm rõ rệt trong ý nghĩ. Anh tưởng tượng một sáng kia, anh xách va li tới một chốn đồng ruộng chưa hề đặt chân, bỏ ngõ hỏi thăm nhà; rồi anh sẽ chung đụng với một ông Lý Toét hay vén quần gãi sồn sột, nốc rượu với thịt chó, và cười nói oang oang đến làm cho khiếp đảm; rồi ngày ngày anh tới lớp để cho bọn học trò mũi thò lò sứt sứt, quần áo bẩn thỉu ăn hiếp, làm âm ỉ át cả tiếng nhỏ bé của anh. Tất cả lòng hiếu tính của Bình náo động lên, trong niềm lo âu, công phần.

Bình nằm nghiêng, má áp trên vai nóng hổi của vợ, và cảm giác êm ả ấy càng làm tăng nỗi rợn sợ cảnh cô độc mà anh có lẽ sắp phải sống. Anh chọt ghì tay vợ, như để cầu cứu, và khẽ kêu lên: 'Không, làm sao mà đi cho được!'.

Hường thức giấc mơ màng hỏi:

- Gì vậy, cậu?

Bình im lặng, nhưng Hướng tiếp:

- Cậu chưa ngủ à? Này cậu ạ, sao tôi cứ quận đau trong bụng.

Bình chồm hẳn dậy, nhìn vợ:

- Thế à mình? Nó đập đấy.

Ngay sớm hôm sau, Bình báo điều ấy với mẹ. Cổ lầy về quan trọng và lo ngại, anh tiếp:

- Con chắc chỉ vài hôm nữa nó sinh.

Bà cụ quần quýt về ý nghĩ đứa cháu sắp lọt lòng bận sắm tã, sắm áo, không nhắc đến chuyện dạy học nữa.

Mười hôm sau, Hướng đẻ. Bình chạy lăng xăng lái xái, tuy chẳng được việc gì, lòng hơi sợ hãi trước cái bí mật của sinh nở. Bà Hàn Thái tới thăm, và nhân dịp nhắc:

- Thế nào, cậu Cả có đi không? Trên ấy người ta nhấn cần thầy gấp, chả lẽ để người ta chờ mãi.

Bình nhăn mặt; có ý phân trần với mẹ luôn, anh giả làm vẻ lo phiền đáp:

- Thưa bà, như lúc này bà bảo cháu làm sao yên lòng mà đi được. Con bé yếu lắm, bà đỡ bảo nó không đủ cân; mà từ khi sinh đến giờ chưa tiểu tiện lần nào.

Mấy hôm sau, mẹ Bình lại nhắc:

- Bà Hàn bảo nếu hết tháng này mà không lên, thì trên tổng họ mời thầy khác. Người ta có lòng tốt kiếm việc cho, mình lại cứ trì hoãn mãi. Con bé để tôi trông nom là đủ, anh cứ yên lòng mà đi.

Bình không biết kiếm có gì để trì hoãn nữa, 'vâng' một tiếng buồn thiu. Anh qua một đêm lo

láng không ngủ được, anh tưởng mình lên cơn, và nhờ thế, nghĩ ngay ra kế thác bệnh. Hôm sau, trời đã sáng bạch, anh vẫn nằm đắp chăn trùm hụp trên giường. Thằng Nuôi vào gọi, anh lấy giọng rờ rạc đáp:

- Tao mệt, đầu nó đau váng lên.

Thế rồi anh nằm liệt giường từ đó, không ăn cơm được, mỗi bữa cố gắng lắm mới ăn hết ba bát cháo hoa. Anh khoan khoái nằm duỗi thẳng, chần đấp lút đầu, trí não lười biếng quấy trong những ý nghĩ băng quơ. Bà cụ vào thăm, len tay dưới chăn sờ trán con, thấy nóng hừng hực. Bà bảo để cất thuốc, nhưng Bình vội kêu: 'Con chả uống đâu, mệt xoàng thôi, xoa dầu sẽ khỏi'.

Thỉnh thoảng, nằm buồn, Bình gọi, giọng yếu ớt:

- Mẹ ơi, bé con vào đây chơi một lúc.

Hoặc anh tần mẩn tính xem mấy hôm nữa thì hết tháng.

Một hôm bà mẹ vào buồng báo sau một tiếng thờ dài nhẩn nhục:

- Thế là hết: họ chờ mình mãi không được, đã mời một ông giáo khác rồi.

Bình ngồi nhồm dậy:

- Thực à, mẹ?

Nhưng sực nhớ, anh vội để ngã vật mình xuống giường, than thở:

- Hể cố ngồi dậy là đầu nó cứ choáng váng quay cuồng lên. Thân ốm là cái thân tội!

## Bạc

Trên con đường quan gồ ghề đá trắng, người đi chợ phủ làm từng đám nhộn nhịp. Những bác nhà quê, cổ phanh rám đỏ, bước dài, hơi hắt đầu gối. Những người đàn bà gánh hàng chạy chạy từng bước nhỏ, một tay vung vẩy như làm dáng; họ không vội vàng, nhưng sao có vẻ tất tả.

Một cái xe tay lạch cạch vượt lên. Ba bốn người ngồi trên, có người phải vắt bộ giò đen, gầy và gân guốc lên cái chần bùn. Bác xe cầm cổ kéo: vậy mà còn nghĩ chuyện chơi khoảnh, đợi gần sát một đám người bác bỗng quát lên; mấy chị con gái đang mãi chuyện vội nhảy ngang một cái sang lề đường, điệu bộ rất xấu. Qua cơn hốt hoảng, họ títt mắt cười với nhau; vài chị lên tiếng trách mắng, nhưng lại trở lại ngay câu chuyện bỏ dở. Khách xe văng lại sau chuỗi cười ha hả, dài và khoái trá.

Lúc xe tới chỗ ngã ba gần chợ phủ, một người đàn ông trong bọn nhảy xuống. Điềm đủ ô và quạt trong tay rồi, ông ta bước vào hàng quán cạnh đó.

Mụ hàng đơn đá:

- Mời ông Phó vô đây. Bữa ni có thịt cây béo lắm.

Đó là một cụ già, giọng nói vạm vỡ hơi rè. Ông Phó ngồi trên chõng rồi, cụ không đợi bảo, rót đầy một cốc rượu trắng, nút sơ bằng nhúm lá chuối khô, đem tới đặt trên bàn, trước mặt người khách hàng quen. Mùi men tỏa thơm trong quán hẹp: cụ hít hít mà nói:

- Tôi có pha thêm "nó ta" vô đó.

"Nó ta" tức là cái khoản rượu lậu.

Cụ lại bung tới một đĩa thịt cây, trông đen đen hơi bần; mùi riềng the gắt xộc vào mũi. Cụ nói:

- Ông Phó nhắm đi. Con chó béo ngậy, tôi mua chẵn mùi quan đó, ông nhắm đi, uống rượu cho tỉnh người rồi mua bán cho tỉnh. à ông đi chợ làm chi đó?

- Tôi đi tậu con bò cụ ạ.

Cụ già hoạt bát, đưa đây câu chuyện. Cụ khen ông Phó giỏi làm ăn, tậu thêm được nhiều ruộng, đến đổi năm con vừa bò vừa trâu làm không xuể. Vừa nói cụ vừa nhìn ông Phó, dõi theo từng gập và từng tợp rượu, vẻ như chia sẻ sự ngon lành của khách.

Mặt béo ông Phó đỏ dần, khiến đôi môi càng tái đi. Ông nói:

- Ắm bụng lạ. Rượu vô rồi thấy người mình như nở ra, như to thêm. Cụ cho tôi cốc nữa.

Chợ ông nhìn ra đường mà kêu:

- Bác Xã! Bác Xã! Vô đây làm vài chén đã.

Người bị gọi như vậy, đang cầm đầu đi vội về phía chợ, đứng giật lại, rồi bước vô quán. Cụ hàng lanh lẹ lấy thêm rượu, đặt thêm một đôi đĩa và một cái chén mà cụ đã thò ngón tay ngoáy cho bớt bần.

Bác Xã xoa hai tay vào nhau, nhìn chén rượu trắng lờ lờ và đĩa thịt chó, vẻ nắc nỏm. Ông Phó giờ tay:

- Mời bác. Ta!

Chén thù chén tạc, hai người chuyện nở như ngô rang. Họ ngồi trong dáng điệu quen, một chân co lên trên chõng cho đầu gối gần ngang cổ. Họ nhai cách chậm rãi, sau vài ba hớp rượu thì dừng lại, hút điếu thuốc lào hoặc xỉa răng và mút chúp chíp. Bác Xã càng uống càng tái mặt, lại càng điềm đạm hơn, trong khi ông Phó, say mềm, nói bậy bạ huyền thuyên, công kích người này người khác.

Trong não bị kích thích, ông hồi tưởng lại một mối hiềm cũ giữa ông và bác Xã. Câu chuyện xảy ra đã lâu lắm rồi, giữa hai chén rượu, nhân sự cạnh tranh về ngôi thứ sao đó, và mối hiềm đã kết thúc cũng giữa hai chén rượu, thứ nước cay kỳ dị có phép hun nóng những cuộc xung đột mà cũng làm nguội dịu những sự hằn thù.

Vốn tính xung động, ông Phó thấy cái hồi ức trở dậy cách gay gắt; bụng ông cháy bùng, vì rượu, nhưng ông lầm tưởng đó là sự tức giận. Ông nghiền ngẫm lại mối thù hằn, những thiệt

hại đã chịu. Ông bắt đầu nói bóng gió đến chuyện cũ.

Bác Xã thấy khó chịu. Bác đáp lại bằng những lời đo đẵn, nhưng đích đáng.

Cuộc trao lời gay gắt dần. Ông Phó to tiếng và thô tục hơn, bác Xã cay độc hơn. Ông Phó vừa nói vừa nhồm nhồm như cách muốn xông tới.

Mụ quán bắt đầu lo ngại. Mụ nghĩ: "Rồi ai trả mình tiền rượu đây?". Một thằng bé hàng xóm khoảng năm sáu tuổi nhưng không mặc quần thớ thần vào đứng xem, tay chấp sau lưng làm cái bụng thêm ồng. Vài ba người đi chợ, nghe tiếng cãi cọ, ghé nhìn rồi bỏ đi.

Thốt nhiên ông Phó đứng dậy, nắm cái cút lia mạnh vào mặt kẻ địch. Bác Xã nghiêng mình tránh kịp. Cái cút đập vào cột tre, vỡ toang. Sau tiếng vỡ, tiếp theo một giây im lặng ghê gớm. Mụ quán đứng run, không nói được nên lời. Mụ áp úng kêu: "Ua trời là trời!".

Bác Xã vụt hất tung cái bàn: ông Phó bị bàn thúc tới ngã ngửa ra, cái chõng theo đà trượt về sau. Ông gượng dậy rất nhanh. Hai người búa lầy nhau. Bác Xã nắm được cổ ông Phó vít xuống ghì chặt giữa hai bắp đùi, nắm tay lại tha hồ đấm: bác đấm như mưa vào hông, vào bụng, vào chân đối thủ; ông Phó hục hặc đầu rất mạnh cố gỡ. Chợt từ mình ông Phó một vật văng ra, nảy trên đất rồi trượt trượt tới nấp dưới chân tủ rượu. Cuộc đấu vẫn mê mải. Bác Xã vẫn thắng thế, giáng nắm tay túi bụi lên mình ông Phó.

Ông này gỡ được đầu ra, vừa định đứng thẳng người dậy, thì lại bị một quả đấm vào hông, chỗ mạng mỡ. Ông "ức" một tiếng, lảo đảo, hơi há miệng. Mắt ông mờ đi, rồi mềm như bún, ông sụp đổ xuống đất, nằm quy im lặng.

Bác Xã dừng lại, hai bàn tay còn nắm. Bác đá hất mình ông Phó cho bật ngửa ra, thân hình ông này giật nảy rồi từ từ đổ xuống. Ông không thở nữa, hai mắt trương trắng dã, mép sùi chút bọt. Thằng bé đứng coi kêu lên: "Chết rồi! Chết rồi!" và chạy đi loan báo tin án mạng.

Tiếng kêu của nó đánh thức sát nhân. Bác Xã nhìn cái xác một lần cuối cùng, nhìn xung quanh một thoáng nhanh rồi như cách không việc gì đã xảy ra, không có vẻ đi trốn chút nào, bác thủng thẳng bước ra, vừa đi vừa nói: "Tôi ra chợ đây, tôi ra chợ". Mụ hàng vội nắm lấy áo bác, kêu âm: "Không được, không được, ông định đổ vạ cho tôi à?". Bác Xã hất tay mụ, khiến áo bác rách soạc một đường dài; đoạn bác bỏ đi.

Bị hất ngã, mụ quán ngồi bệt luôn trên đất. Mụ nhìn quanh về ngò ngạc, không biết làm thế nào. Mụ lô la: "Ua làng xóm ơi, đến mà coi, ông Xã đập chết ông Phó rồi!". Rồi mụ nói nhỏ một mình, giọng mệt nhọc vì kinh khủng: "Ua trời ơi là trời! Có ai ngờ ri không!".

Mắt mụ chợt để ý đến vật nằm cạnh chân tủ. Mụ bò lết sệt trên đất, cầm lấy xem. Đó là một cái ví đã cũ bụng dày cộm. Vì bị đánh văng, ví nằm há miệng để lộ sống lưng của một tệp giấy dày; mụ rút tệp giấy ra xem. Do những hình vẽ màu và mùi thơm đặc biệt, cái mùi thơm "Tây", mụ nhận ra giấy bạc. Trong một cử chỉ gần như vô thức, mụ giắt xấp bạc vào thắt lưng, vứt cái ví vào chỗ cũ.

Người hàng xóm và người đi đường dần dần kéo đến, xúm quanh cái xác. Mụ nói như cần phải tự biện bạch ngay: "ông Xã Đều đó, bà con ạ, ông Xã Đều đập mà nên nông nổi rứa đó!".

Nhưng bây giờ, mối lo ngại của mụ không phải là cái xác đang nằm sóng sượt giữa quán mụ

nữa. Mụ chỉ nghĩ đến xấp bạc. Vì lật đật, mụ giắt không được kỹ. Mụ ngờ nó còn lòi ra ngoài thắt lưng, nhưng không dám nhìn xuống: mụ bèn giữ ép vạt áo nâu trên bụng.

Người ta đứng nhìn xác chết, tò mò, không ai nghĩ đến chuyện cứu sống hay đi báo quan. Tiếng rầm rì nổi lên: người nào thấy xác rồi thì kêu một tiếng sẽ hoặc chặc lưỡi, bỏ ra ngoài cho người khác len vào. Họ hỏi nhau: "Ai chết đó?".

Vừa lo lắng nghĩ đến tập bạc, mụ hàng vừa nói vắn vớ: "Rứa đó làng xóm nà, nông nổi rứa đó". Bứt rứt, không thể ngồi yên được, mụ đứng dậy đi lại, nhặt những mảnh vỡ, rồi nhân dịp đó đi ra sau. Vứt xong những mảnh vỡ vào đồng rác, mụ ghé vào buồng, rút tập giấy bạc để cất vào rương tiền.

Ngoài kia, có tiếng đàn ông nói:

- Phải đi mời quan Phủ chứ, để mãi rì à?

Nghe tiếng "quan", mụ đâm luống cuống, mụ hí hoáy mãi không sao tra chìa khoá vào ổ được. Mụ bứt vứt giấy bạc vào đồng quần áo tấp cạnh rương. Nhưng vì tay run quá, mụ vứt trật ra ngoài. Tập bạc đập vào vách, rơi xuống lăn cạnh chân mụ. Mụ toát mồ hôi: tiếng động vừa rồi, mụ nghe vang lên, tưởng chừng ngoài kia họ đều nghe rõ. Mụ đứng tần ngần một giây, rồi như thể chịu phục tùng số mệnh, như biết rằng mình sẽ không nuốt trôi được của gian kia, mụ cúi nhặt bạc, lặn lội vào trong mình, đi ra. Mụ đã quyết định: Mụ sẽ trả lại số bạc. Mụ khom khom vờ nhặt những mảnh chai vụn, dạo bàn tay dưới gầm tủ rượu, lấy cái ví giắt nhanh tập bạc vào, rồi giơ ví trước mọi người mà kêu lên: "Nì, của ông Phó văng ra đó, bà con coi nì! Tôi tìm thấy dưới tủ, dưới nì đây!". Cẩn thận, như cách để cho người ta tin hơn, mụ chỉ vào chân tủ rượu.

Đoạn mụ tới đặt cái ví trên bụng xác chết. Có ai nói: "Chắc nhiều bạc trong nó"; không hiểu tại sao, mụ quán thấy vui sướng nở ruột nở gan, gần như kiêu hãnh. Mụ nhìn mọi người, như muốn nói: "Tôi có biết, rứa mà tôi không lấy".

Bây giờ, chuyện đã kết liễu. Mụ quán có bị đòi lên nha hai lần; quan Phủ hỏi mụ cặn kẽ, vặn điều này, bẻ lời kia. Mụ cuống lên, trả lời bậy, rồi lại phản cung. Thầy Đền gắt om. Người ta chép, người ta đọc lại cho mụ nghe biên bản lời khai, người ta bắt mụ điếm chỉ; mụ để mặc cho làm, lòng sợ hãi trước tất cả những nghi thức rắc rối, kỳ cục kia. Và mụ mừng rằng mình đã khôn ngoan trả lại tập bạc. Mụ nghĩ: "May! Thật là trời phật phù hộ, xui mình không cất được tiền vô rương".

án đã xử xong ở tòa sơ cấp. Bác Xã chờ ngày giải tỉnh để người ta thẩm lại án. Mụ quán lại được yên ổn làm ăn như cũ.

Một đôi khi ngồi buồn không có khách hoặc nằm chưa ngủ được, mụ quán nghĩ đến tập giấy bạc. Mụ ước lượng giá trị của nó: "ít ra cũng dăm chục, tập bạc dày lắm; và ông Phó hôm ấy định đi mua bò".

Năm chục! Cả một gia tài! Mụ tưởng nghe lại mùi giấy bạc thơm thơm. Chao ôi! Đã một lần mụ mang năm chục trong thắt lưng! Vậy mà trời phật không độ, tiền đến với mụ rồi tiền lại đi, giống như chuyện những người kém phúc kia, bắt được thoi vàng thì vàng hóa ngay thành đất. Mụ buồn rầu nhưng đành chịu.

Nhưng mối tiếc tham nung nấu dần lòng mụ. Mụ bắt đầu tự trách mình ngu dại, tiền đến trong tay lại nhè xua ra. Sự lo sợ của mụ thực đã quàng xiên: nào có ai chứng kiến việc mụ lấy bạc?

Thằng bé hình như cũng không thấy cái ví vắng ra, nếu thấy nó đã mách lại cho người ta nghe rồi. Ai có thể biết được ông Phó mang bạc trong mình? Có bà Phó, nhưng bà có dám đoán chắc rằng bạc mất tại quán rượu không? Mụ cứ việc giấu kỹ tiền, chôn xuống đất nếu cần, rồi ít lâu sau, khi việc đã nguội, lấy ra mà tiêu phí. Với năm chục, mụ có thể mua một chức Nhiêu cho đứa em trai, mở to thêm quán rượu, và nhất là cất lại mả chồng, điều dự định xưa cũ mà vì đồng tiền eo hẹp mụ chưa thực hiện được.

Mụ nghiền ngẫm ngàn ấy ý nghĩ, lâu dần thành một ám ảnh. Mỗi tiếc của khiến mụ lúc đầu buồn rầu, rồi đau xót, rồi gần như phẫn nộ, như thể mụ đã bị ai làm thiệt hại. Việc buôn bán của mụ kém sút đi.

Sau cùng, không ngăn được nữa, một hôm mụ lên quan! Mụ lên đòi lại số tiền.

Thầy Đề, người kinh đô, thấy mụ bèn hỏi:

- Chi đó nữa, mạ?

Mụ chào lễ phép rồi nói duyên cớ cuộc đi của mình. Các thầy cười ồm cả lên. Thầy Đề vặn:

- Rửa đó là tiền của mạ?

Mụ đáp rất cứng cỏi:

- Tiền của tôi.

- Chứng có ở mô?

A, điều đó mụ chưa bao giờ nghĩ đến. Hình như trong bụng, mụ cho, cách rất tự nhiên, rằng không ai chối cãi được quyền sở hữu của mụ trên số bạc mà mụ đã cầm, đã ngửi thấy mùi thơm, đã lặn trong thất lưng, đã định bỏ vào rương, chung lộn với tiền mình. Không phải mụ ngu ngốc, nhưng lòng tham bừng cháy và nỗi tiếc day dứt đã làm loạn trí nghĩ của mụ. Mụ bèn đáp.

- Không, tiền của tôi thật mà.

Người ta đòi cho được chứng cớ: mụ quán, kém lý nhưng cứng cổ, chỉ đáp một mạch, giọng chậm rãi và tin tưởng:

- Tiền của tôi... tiền của tôi...

Thấy cái trò đùa kéo dài, người ta đuổi mụ ra; mụ không chịu. Một bác lính lệ nắm tay mụ kéo, mụ cưỡng lại, ngồi sụp, cho chân trượt sệt sệt trên nền gạch hoa. Lôi đến đầu hè, thấy chung quanh không có ai, bác lệ mới ghé tai nói nhỏ:

- Mụ mần chi rửa cho mất công. Quan với các thầy chia nhau lúm hết từ đời mô rồi.

- Lúm cái chi - Mụ lơ ngơ hỏi lại.

- Cái khoản tiền mụ đòi đó.

Bác lính cười khề khề, nhe hàng răng vầu vàng ệch.

Mụ nhìn bác với đôi mắt ngơ ngơ ngác ngác, như không hiểu hoặc không muốn hiểu. Chán quá bác lính bỏ đi.

Tan buổi hầu, mụ mới chịu ra về. Hôm sau mụ lại đến, rồi những hôm sau nữa, đều đặn y như người làm việc bàn giấy. Mụ đem dùng cái khí giới độc nhất của đám dân thôn quê hèn yếu: sự dai dẳng. Mụ ngồi bệt trên nền gạch, đầu nghiêng, một tay tì má, trông như cách lo nghĩ. Thỉnh thoảng, mụ nhắm mạnh mắt, làm cho một tí nước mắt kẻ già tiết ra ở khóe mi màu đỏ đỏ. Theo tật quen, da gò má bên phải của mụ đôi khi giật giật, khiến những nếp nhăn hình cánh quạt giãn ra, co lại.

Ngồi buồn, mụ chuôi người nhặt một cái kim găm, dùng đầu ngón tay vuốt cho sạch rồi gài lên khăn chít. Hoặc mụ lê tới gần sọt giấy, lấy ra từng mảnh giấy một, căng thẳng ra như cách muốn đọc chữ trong ấy, đoạn lại vứt vào sọt.

Người ta quát mắng, mụ ngồi thu mình lại như để vững thế thủ hơn. Càng bị xua đuổi, mụ càng bám dai, càng tin tưởng rằng mình đã chịu thiệt hại.

Thế rồi quan phủ nổi nóng. Dọa sông không được, ông sai đem giam mụ. Mụ bị giam hai ngày; thằng em lên xin tha cho mụ, phải dùng sức mới đưa được mụ về nhà.

Từ đó, mụ thành buồn bã, câm lặng; tập bạc ám ảnh mụ như một bóng ma. Mụ có thêm một cơ để chua xót vì đời, cái đời độc dữ và cướp bóc.

## Chiếc đồng hồ

Anh ta là một viên chức họa đồ sở đạc điền. Ngày ngày, cúi đầu trên vuông giấy dày mà một ngọn đèn chiếu sáng từ phía dưới xuyên qua tấm kính, anh dò những nét cong khúc khuỷu, những dải sông xanh, những con đường đỏ và tím, những trảng chữ thập phân địa giới. Anh họa, anh họa, cử động một cách gần như máy móc, im lặng, lưng gù, trí nghĩ vờ vẩn. Cuối tháng lĩnh được đâu vài chục bạc lương, anh bỏ tiền vào một cái phong bì đem về nộp vợ nguyên vẹn. Xong bữa cơm trưa, chị vợ mút mút bút chì loay hoay dự tính trên một trang sổ nhỏ sự chi tiêu trong ba mươi ngày sắp đến. Chị tính căn kê từ tiền gạo củi đến tiền xà phòng, bớt một hào ở khoản này đập vào khoản kia. Rồi chị nói lên, bằng một giọng hơi chớm ý phàn nàn:

- Đấy còn thừa không đầy năm hào tiêu vặt.

Chồng đáp một câu không thay đổi:

- Thì lương mình chỉ có thế.

Nhưng mà một lần, một nhà điền chủ, bạn ông xếp, cần mấy bản họa đồ điền của mình. Anh nhận làm công việc phụ kia, càng cảm cúi hơn trên bàn họa, và được hưởng món tiền thưởng bốn đồng. Trong bữa cơm chiều hôm ấy, cả nhà nhao nhao lên, phân vân về cách dùng số tiền không mong mà có. Chị vợ thềm ước từ lâu một cái áo dài nâu non. Nhưng thực là lạ kỳ: khi không có tiền, chị ao ước cái áo một cách thiết tha; vậy mà nay cái áo đã vừa tầm túi mình, thì cái thiết tha của chị rơi đi, và tất cả lòng chị bối rối, không còn biết mua gì nữa? Sắm gì nữa? Hai đứa con làm nũng cơm; chúng nghe bàn bạc những mua cùng sắm, thì cũng vòi mua cái ô

tô chạy được và con búp bê nó kêu chút chút ấy. Nhưng anh ta đã có ý định sẵn; cuối cùng anh mới nói:

- Để ta sắm cái đồng hồ chơi.

Rồi anh giảng rằng vừa tìm thấy một dịp tốt để mua đồng hồ bằng giá cực rẻ. Hôm họ, ông xếp nhận được một tờ quảng cáo của một hiệu đồng hồ ngoài Hà Nội; hiệu kia, sau mấy lời mào đầu bá cáo rằng muốn bán tống cửa hàng để nghỉ buôn, trình bày tất cả những mẫu đồng hồ còn lại, với một giá 'khó tin'. Anh ta đọc trộm tờ quảng cáo và để ý nhất đến một chiếc đồng hồ bàn giấy, mặt vuông, xinh nhỏ như một đồ chơi; cạnh hình vẽ, con số chữ mỗi 3đ, viết bằng chữ lớn thay cho số 6đ phía dưới bị xóa bằng hai nét gạch thập.

Anh đã nhiều lần điêu đứng vì thiếu đồng hồ. Khi phỏng chừng sắp đến giờ làm việc, thì hai vợ chồng đều vắng tai nghe ngóng cái đồng hồ quả lắc của nhà ông Tham bên cạnh. Nhiều hôm anh đến sờ chậm và phải lén leo qua cửa sổ để khỏi bị cự. Thằng con đầu được việc lắm: mỗi khi cha nó lồm cồm dậy sau giấc ngủ quá trưa, thì nó rút đầu vào cổ, lạch bạch diu xe đạp cha ra đợi ở cổng: anh ta vội vàng khoác cái áo lương rồi chạy ra nhảy lên chiếc xe tăng mà phóng, mặc cho cốt bánh gi rít lên cốt két đến ghê tai.

Thế rồi ngay hôm sau, anh gửi thư kèm măng đa ra Hà Nội. Cả nhà sống trong mong đợi bồn chồn, nhắc luôn miệng đến cái đồng hồ. Anh chồng dự định đặt nó trên chiếc bàn nhỏ cạnh giường, và vợ đã lo trước nhớ hai thằng con lén nghịch phá hỏng mất thì tiền đâu mà chữa. Hai đứa bé thì luôn mồm hỏi, không biết lần thứ mấy mươi:

- Ba ơi, bao giờ thì đồng hồ về? Hà Nội chắc xa lắm nhỉ?

Một sáng, có người nhà Bưu điện bước vào sờ anh, một cái hộp dưới tay, và hỏi:

- Tôi muốn hỏi đây có ai tên là Hoàng Đình Quân?

Anh hỏi hộp đáp: 'Chính tôi', và ký nhận hàng. Đó là một cái hộp giấy uốn lượn sóng, màu vàng tẻ, nắp nắp to bằng khuôn khổ cuốn vở học trò. Anh vừa cắt dây vừa nghĩ: 'Nó gói cẩn thận thực. Cái đồng hồ nhỏ xíu mà chịu phí một cái hộp kéch xù'. Bọn đồng nghiệp tới xúm quanh; anh đã khoe từ mấy hôm trước rằng anh sắp nhận được một món quà 'đặc biệt Hà Nội'. Anh làm chậm rãi, tay run run, cảm thấy một thú kích thích khi cố kéo dài cái phút nóng biết vật mới mua.

Cái nắp bật lên, mỗi người giúp một tay thái lớp rơm phủ. Cái đồng hồ hiện ra và anh ta kêu một tiếng ngạc nhiên: nó chiếm cả bề rộng của hộp, không nhỏ nhắn như anh vẫn tưởng. Một người nâng lên, và thấy theo ra cả một cục đồng tròn xù xì sơn đen mốc ở đầu một sợi dây xúc xích đồng nói không hết cái dài! Có mặt các bạn đồng sự, anh ta cố giấu thất vọng. Mọi người ngấm nghĩa đồng hồ. Cái mặt làm bằng mảnh sắt tây vuông, bốn bề trang trí bằng những ô vuông nhỏ xanh và trắng xen kẽ, các cạnh đều bị giập móp trong cuộc viễn hành vừa rồi. Đằng sau là một cái hộp bằng gỗ, nhưng mà gỗ gì, thứ gỗ mềm ả của những thùng rượu, cạnh xước lờm nhờm. Cái hộp hồng mặt dưới, giấu trong lòng một bộ máy không có gì phiền phức, chỉ gồm ba bốn cái bánh xe răng cưa. Có ai lục lọi trong đống rơm lót đáy hộp và lôi ra một quả lắc suýt bị bỏ quên. Quả lắc là một miếng sắt tròn sơn xanh mỏng mảnh và thô sơ như 'nắp phèng' của con nít dùng đánh đáo, vành đục hai lỗ để cho xuyên qua một sợi dây thép thẳng dài chừng một gang.

Viên xếp phòng họa đặc giảng rằng đó là thứ đồng hồ treo nhà bếp. Cả bọn cười nhao, nhắc lại lời khoe món hàng 'đặc biệt Hà Nội'.



Một người hí hoáy treo chiếc đồng hồ lên tường. Rồi cả bọn xúm xít, người lắp quả lắc, người móc cục đồng vào sợi dây xích. Quả lắc bắt đầu xang, và tiếng tích tắc đều đều vang dội trong tim anh sung sướng. Anh dùng ngón tay đẩy chiếc kim sơn trắng để lấy giờ, và nói:

- Để xem nó chạy có đúng với đồng hồ sở không.

Nhưng chạy được một phút, quả lắc như hết hơi không kêu tích tắc nữa rồi xang nhẹ dần. Một người nói:

- Chỗ này thoáng quá, gió thổi bay quả lắc, đồng hồ chạy không được.

Một người khác pha trò:

- Thôi hãy để cho nó nghỉ vài hôm đã, vừa đi tàu về mệt mà!

Anh ta đã bắt đầu nghi ngờ sự mẫn cán của chiếc đồng hồ có cái dáng khổ khổ lòi thòi lốc thốc. Anh nói: 'Ông chủ mà về bây giờ thì chết cả bọn. Thôi!' Đoạn hạ máy xuống, cất lại vào hộp, phủ rơm cẩn thận.

Trưa, lúc về đến nhà, để ngựa trước sự thất vọng của vợ, anh ta vừa đặt hộp xuống bàn vừa khen rồi rít:

- Cái đồng hồ về rồi đây, xinh lắm mình ạ. Nó to chứ không phải chỉ bằng nắm tay như mình nghĩ đâu, nhưng người ta bảo đồng hồ càng to chạy càng khỏe. Cũng không phải đồng hồ bàn giấy; đây là thứ đồng hồ có quả nặng, chạy đều hơn đồng hồ lò xo nhiều.

Anh lại bịa:

- Có người bạn trên sở bảo năm ngoái có mua một cái y hệt như thế mà giá những tám đồng.

Chị vợ ngắm nghía cái đồng hồ, xem chừng không được hài lòng, nhưng không nói gì. Hai thằng con nằm trườn trên bàn, đưa đưa ngón tay trên mặt đồng hồ và kêu:

- Nhấn nhì! Mà có nhiều chấm xanh, đẹp quá! Ba treo lên đi.

Cổ hoãn cái lúc thử máy đáng lo ngại, anh bảo:

- Thôi ăn cơm đã. Đói bụng rồi.

Xong bữa cơm, anh khép tất cả các cửa để ngăn gió, đoạn đóng đinh vào một góc tường kín gió nhất, anh móc đồng hồ lên kê đi dịch lại mãi cho thực ngay ngắn, đẩy kim lấy theo giờ vừa đánh bên nhà ông Tham; rồi tay run run, anh đưa quả lắc. Cả nhà đứng nghiêm trang thành vòng, nhìn. Mắt chăm chăm theo dõi cái xang đưa uể oải của quả lắc mảnh khảnh, anh lo lắng tự bảo thầm: 'Này này... nó sắp đứng... nó sắp đứng...'. Nhưng may, lần này cái đồng hồ chịu làm việc hơn. Nửa giờ sau, anh hớn hờ xoa tay đi ngủ. Hai thằng con ngược cổ ngắm vật mới; thằng đầu hện:

- Hai giờ kém mười, con sẽ đánh thức ba dậy, nhé!

Rồi nó đứng rình giờ.

Chiều hôm ấy thằng bé đón anh ở cửa và báo: 'Ba ạ, nó dừng từ lúc bốn rưỡi rồi'. Anh lại loay hoay chữa, kê dịch đồng hồ, áp đầu vào tường nheo mắt ngắm lên xem đã thực thẳng quả dọi

chưa, tụt mặt quả lắc xuống một chút. Vợ đứng im lặng nhìn; anh nói, như để tự bào chữa:

- Nó cũng như người, cho chạy vài ngày mới quen. Đi tàu bị lắc mạnh, máy móc hẳn cũng có suy suyển.

Chiếc đồng hồ, dường như cảm động vì từng ấy chăm chút của chủ, lại bắt đầu chạy. Đêm nằm, anh lắng tai nghe. Có lúc hình như cái máy im lặng hẳn. Nhưng cố sức chăm chú, anh lại nghe tiếng tích tắc đều đều. Rồi hễ anh nhãng ý một chút, tiếng máy lại chìm đi. Anh bèn lặng lẽ ngồi dậy, rón rén đi ra. Dưới ánh đèn con anh thấy quả lắc đứng lặng như tờ. Chiếc kim ngắn chỉ một giờ. Đồng hồ ông Tham vừa đánh bốn tiếng; thì ra tiếng tích tắc này giờ chỉ là do trí tưởng tượng của anh tạo nên. Anh lại hý hoáy sửa chữa, nâng mặt quả lắc lên, nắm cục đồng sẽ kéo. Rồi anh ngồi phịch xuống ghế, da toát mồ hôi lạnh, tim bóp chặt trong niêm bi thống.

Sáng hôm sau, khi đi làm, anh không quên giắt trong mình một cái lọ con; xin được tí dầu máy anh đem về tra vào những cốt bánh xe, thò giẻ quần đầu cây tăm lau chùi. Thấy vợ đứng nhìn, anh xấu hổ làm sao ấy và cố tỏ vẻ tin chắc ở kết quả việc mình làm; anh nói:

- Máy cũng như mình; nó cần dầu như mình cần cơm, có thì mới làm việc được.

Quả thực lần này cái đồng hồ chạy thông. Có điều nó chạy hơi chậm, mỗi buổi tụt lại mất năm phút. Anh ngoắc vào cục đồng hồ, cho nặng thêm, một cái đinh ốc chẳng biết nhặt được ở đâu. Máy vẫn chưa chạy đúng, anh lần lượt thử buộc vào dây xúc xích một con dao nhíp, máy hòn bi rạn; cho đến khi anh thử treo một cục quặng xin của thợ rèn, thì chiếc đồng hồ không chịu nổi, chệch đi và quả lắc đứng dần.

Anh không biết làm thế nào nữa. Chị vợ đã chớm lời trách móc:

- Đã bảo của rẻ là của ôi mà.

Anh đáp:

- Cứ để nó chạy cho quen máy. Để xem vài hôm nữa nó chạy có đúng hơn đồng hồ ga không!

Và từ đó, anh bắt đầu gian lận. Sau giờ bữa trưa anh ở nán lại sờ năm phút, rồi thong thả đạp xe về, để kêu lên: 'Đấy, tính xem, tôi đi mất mười phút, thế là bây giờ vừa mười hai giờ mười'. Rồi trưa đó, thừa lúc không ai để ý, anh đẩy kim tới thêm năm phút. Buổi chiều anh cũng dùng mưu như thế. Anh ta cứ lấp đi lấp lại, bộ hả hê: 'Gọi là cứ đúng ngăn ngắt! Đúng ngăn ngắt'.

Chị vợ nghi ngờ, hỏi:

- Thế sao vẫn cứ chậm hơn đồng hồ nhà ông Tham?

- Bì sao được! Người ta ông này ông nọ, đến sờ chậm nửa giờ cũng chẳng sao, nên cứ mặc đồng hồ chạy phăng tề. Đồng hồ bên ấy chả đúng!

Mỗi đêm, trước khi đi ngủ, anh lại lén lút đẩy kim tới thêm mười phút; được trừ hao vậy rồi, giờ sáng mai sẽ đúng.

Lâu dần, anh quen với công việc gian lận ấy, mà anh làm trọn không một lần sao nhãng, như một nghi lễ tôn giáo.

Rồi anh thuộc lòng cả tính nét của cái đồng hồ. Nó có một tật xấu: dễ cảm. Mỗi khi trời muốn trở

mưa, hơi ẩm lượn từ mặt dưới tổng hồng của hộp gỗ, làm rít bánh xe, và anh nghĩ: 'Hừ hừ, mày lại định làm biếng đây. Thế thì tối nay tao phải vận thêm đến mười lăm phút'. Trái lại khi trời hanh ráo, quả lắc xang đưa lệ làng, anh biết chỉ cần ăn gian mỗi buổi từ hai đến ba phút là đủ lắm.

Và chiếc đồng hồ sống sung sướng trong gia đình nhỏ ấy, được ông chủ ân cần săn sóc như cha, đúng hơn, như mẹ, như một người mẹ càng thương yêu con vì đã cứu nó qua nhiều bệnh hoạn, đã cướp nó khỏi tay thần chết, đã cho nó sự sống hơn một lần. Cái máy không ngừng chạy nữa, chỉ ông ẹo một đôi khi trở trời, như đứa con cứng mới hơi vầng đầu sổ mũi đã làm nũng mẹ.

## Chuyến xe thời gian

Le bonheur n' est jamais grandiose  
(Hạnh phúc chẳng bao giờ huy hoàng)  
Aragon

Một mùi lạ tạt qua mũi, anh tỉnh cơn gà gật. Mùi thơm son phấn. Nói đúng hơn, một thứ mùi son phấn ngày ngày, nồng nàn, tựa hồ trộn lẫn chút mùi mồ hôi mỡ màng beo béo hay sao ấy? Đầu vẫn gục trên cổ, anh như ong mi, đảo nhìn qua phía trái chỗ mình ngồi. Một cặp đùi đồ sộ căng bóng dưới làn xoa ngoại màu cánh trả, hầu như đen thẫm, xếp bên nhau song song như hai quả dưa hấu đập vào luồng mắt còn lơ mơ ngái ngủ. Anh khẽ cựa mình vì thấy một bên vai bị lấn ép. Vai anh liền được giải toả khi người ngồi cạnh vừa hơi xoay mình, duỗi cánh tay, rồi một bàn tay nung núc với những ngón chũn móng tô nhũ bạc óng ánh hơi xoè ra úp chụp lên một bên đùi, chiếc đùi béo nục với chiếc cầu gối cũng u lên tròn vo, càng nom càng giống hệt quả dưa hấu cỡ bự. Hai chiếc nhẫn vàng, mặt ngọc xanh ngọc đỏ cũng to bự, tôn thêm ở bà ta vẻ giàu sang phú quý.

Đầu vẫn cúi, gà gật, anh cưỡng lại ý muốn liếc ngang sang, chỉ cố đoán già đoán non bà mệnh phụ mà sự tình cờ đã đặt ngồi kề cạnh mình, tuổi phải ngót nghét năm mươi. Mu bàn tay đã sần sùi lên thế kia, phấn đóng thành vẩy trắng, nhìn kỹ mà xem. Bà ta lên xe từ lúc nào ấy nhỉ, chà chà, mình vừa chộp một giấc say quá thế.

Trong anh gợn lên một chút hổ thẹn với chính mình. 'Phối bò!'. Hoá ra cái não nức ban đầu của mình cũng chỉ là phối bò, một cái gì vẫn như hời hợt giả tạo. Chiếc xe ca sơn xanh da trời với những vạch vàng vạch đỏ chạy dài, hầu như mới, trông đom đống, khá sang trọng, khác hẳn cái dáng cũ kỹ bệ rạc của những chiếc xe miền Bắc từng trải qua bom đạn, sau chặng nghĩ ăn tối ở Đà Nẵng, đã khấn trương lên đường lại, lúc ấy khoảng mười giờ đêm. Bon bon lướt trên con đường nhựa huyết mạch của chiến tranh được bảo dưỡng khá tốt, nó tiến nhanh với tốc độ đều đều về phía Nam. Dường như nó cũng muốn đáp ứng cái hào hứng của anh, người cán bộ 'Bắc Việt'. Muốn được sớm tận mắt thấy một nửa miền đất nước mà chỉ dăm ba tháng trước đây, đối với anh cũng như đồng bào miền Bắc, còn là nơi đất cấm không thể nào mơ ước đặt chân lên. Lúc bình minh vừa rạng, nhìn ra trước, chênh chếch về phía trái, một dải lụa mờ trắng lơ xô tiến ập về phía chiếc xe. Chao ôi! Biển! biển! Những làn sóng bạc đầu kéo dài như dải lụa ấy, cung với cảnh hừng đông, càng lúc càng sáng trắng lên lấp lánh, sôi trào đồng thời, màu nước biển ngoài kia chuyển nhanh từ tím thẫm sang màu tím ngát rồi làm tím. Lần đầu tiên anh thấy con đường quốc lộ 1 đi sát gần biển Đông đến thế. Chao ôi, giá lúc này có nhảy ra khỏi xe, thở căng lồng ngực mà lao ra chạy như một lực sĩ điền kinh giữa khoảng trời thênh thang phóng khoáng! Hít thở cái bầu trời Nam vừa thoát trở lại thanh bình! Nuốt tràn tim tràn phổi cái màu biển tím làm ngan ngát! Nhìn cho no mắt những rặng dừa, vườn dừa

rừng dừa ken sát, những dòng sông xanh leo lẻo miền Nam Trung Bộ, những dáng thá Chàm ẩn hiện như trong mơ! Thế rồi, một nhòai vì bao cảm giác, ấn tượng dồn dập anh gục đầu thiếp đi lúc nào không biết.

Xe đã dừng đỗ khách ở chỗ nào ấy nhỉ, anh tự hỏi. Ngồi cạnh anh lúc sáng sớm ở phía trái là một ông già cơ, ừ đúng, một ông già âu phục màu ghi là thằng tập diêm dứa, cùng đi với vợ, bà ngồi cạnh cửa sổ xe. Lúc này ngồi thay vào chỗ của ông là bà mệnh phụ to béo đồ sộ này. Phía bên trái bà ta, cạnh cửa sổ, cũng là một người khác mới, một phụ nữ, chắc hẳn trẻ hơn, anh đoán thế, căn cứ vào chiếc tà áo dài bằng crep mịn màu thiên thanh. Trên tà áo dài ấy, anh thấy một chiếc làn đan bằng thứ sợi gì trắng ngà mềm óng (Sau này mới biết người ta gọi là lá buông). Nắm nhẹ nhàng lên quai làn là hao bàn tay nhỏ nhắn, các đầu ngón hồng hồng đan chớm lên nhau. Anh chú ý thấy móng tay để tự nhiên, không tô nhuộm. Chủ nhân hai bàn tay này - anh trở lại với cái thói quen hay xét đoán - phải là người trên dưới ba mươi tuổi, cầu cho cô ta không quá ba một ba hai! Cổ tay không tròn mọng nữa, nhưng da dẻ vẫn còn mịn màng. Và cái tư thế hai bàn tay khẽ áp lên trước làn vẫn còn đượm một dáng vẻ yêu kiều gần như quý phái.

Anh khẽ cựa mình lần nữa bả vai của bà mệnh phụ lại lăm le lấn chiếm. Bà kia né vai, hơi quay mặt nhìn anh có cảm giác trong ánh mắt liếc nhìn ấy có một cái nguýt ngang. Xin lỗi, xin lỗi. anh trả lời thầm, tôi không hề có ý ganh tị hoặc bực bội với sự phì nộn, trời cho của bà. Lỗi tại chiếc ghế quá chật. Nhưng tại sao từ đầu bà không giành lấy chỗ ngồi cạnh cửa sổ, vất cánh tay lên thành xe, có phải thoải mái hơn không. Bà là thế nào với cô ta, mà lại phải chen vào giữa, cách li cô ta với tôi. Một bảo vệ hoàn toàn không cần thiết, cam đoan với bà thế.

Lúc này xe lại đi qua một quãng đường giáp biển. Trời, cái màu biển quê hương dưới một bầu trời Nam nhiệt đới sao mà biếc xanh da diết. Anh chợt nẩy ao ước, giá như xe lúc này tạm dừng, hoặc chết máy cũng được, cho mình xuống ngắm nhìn chốc lát. Hoặc giả như mình đổi chỗ cho người phụ nữ trẻ kia, ló cổ ra ngoài thành xe, hít thở khí lành. Cái mùi thơm nồng nàn mặn mà toả từ bà mệnh phụ ngồi cạnh quả là ngọt ngào. Đã thế, anh không dám quay đầu, cựa mình lần thứ ba, sợ gây phản ứng. Cổ anh cứng ngắc.

Một lúc nào đó, đến lượt hai quả dưa hấu cụ cựa cụ cựa dưới làn xoa căng bóng bọc ngoài. Rồi chủ nhân của nó nặng nề, cẩn trọng cúi hẳn người quờ sửa cái gì đó nơi sàn xe, có lẽ bà ta nói bốt quai dép để giải phóng bàn chân ngồi lâu sưng thủng. Cơ hội ngàn năm có một! Anh ưỡn ngực, vươn người, quay lác vai bên này bên kia. Cũng thừa dịp may hiếm có này, anh ném cái liếc nhìn về phía người phụ nữ trẻ mặc áo dài màu thiên thanh và có dáng điệu thanh cao quý phái. Thốt nhiên trán anh thoáng một luống lạnh toát. 'Hiền!'

Có đúng là lúc bấy giờ miệng anh đã cất lên tiếng gọi hâu như thảng thốt? Giờ đây, mười mấy năm sau, anh vẫn còn băn khoăn vật vã với câu hỏi ấy. Giây phút ấy sống lại trong anh như một cơn mơ. Trong mơ, ta nói chuyện với người khác, có lúc to tiếng tranh cãi nữa, mà vẫn cảm giác như không hề mở miệng. Cả người đối thoại với mình nữa, ta nghe họ tranh cãi với những lời nói rành rọt, những giọng điệu bổng trầm biểu hiện tình cảm hết sức rõ ràng mà thật ra không hề thấy người kia máy môi lấy một chút.

Còn người phụ nữ trẻ kia, có đúng là Hiền. Trang Hiền của anh chăng? Có đúng là cô ta đã lặng lẽ đáp lại tiếng kêu thảng thốt của anh bằng một tiếng 'chào anh' bình thản, thản nhiên không nhỉ?

Giây phút ấy thoáng qua rất nhanh. Một ánh chớp. Một cơn mơ. Trầm lặng và khắc nghiệt. Và mệnh phụ đã trở về với từ thế cũ, ngồi ngay ngắn, đồ sộ, tạo một bức thành cách ngăn vững chắc giữa quá khứ và hiện tại.

Hiền, Trang Hiền, anh kêu thằm trong đầu óc nóng bừng dưới làn da trán lạnh băng, có phải chính em là Nguyễn Thị Trang Hiền đó chẳng. Em ngồi bên tôi, cách nhau trong gang tấc mà biệt xa với vợ, như bị phân cách bởi cả một đại dương. Có phải chính Trang Hiền, người từng biết cho tôi những dòng tha thiết: 'Em yêu anh mãi mãi, không bao giờ thay đổi', những dòng thư mà tôi đã thả trôi trên một dòng sông xanh, với bao ý nghĩ buồn vui nào đấy không rõ rệt?

'Chào anh'. Phải chăng Hiền đã đáp lời anh như vậy. Đó là tiếng chào gặp mặt hay tiếng chào già biệt.

Thản nhiên, không âm sắc, không vui không buồn. Thà như Hiền lạnh lùng, hoặc giận dữ, uất hận, hoặc thậm chí căm ghét tôi đi. Mà có phải chính Hiền ngồi đó không đã. Hay tôi trông nhầm, một ảo ảnh. Hay tôi nghe nhầm một khuyết tật của thính quan, chung quy cũng chỉ là ảo giác.

Hai bên già biệt nhau từ lúc nào ấy nhỉ. Và già biệt cách thế nào, nhiều năm tháng rồi, anh hầu như không còn nhớ. Dường như tình yêu cứ phai nhạt dần, thời gian như một chất nước không màu sắc không mùi vị, pha cho những tình cảm mê say nhất cũng loãng dần, loãng dần. những cuộc gặp gỡ, thù từ qua lại ngày càng thưa thớt, rồi một lúc nào đó ngừng hẳn, lưa nào, anh cũng chẳng để ý. Mà chắc phía Hiền cũng vậy. Một thứ thoả thuận ngầm, một quy ước không thành văn.

Cửa quậ. Lần này thì chính bà mệnh phụ cửa quậ vai trước, cứ như bị người đàn ông gầy gò ngồi cạnh là anh xâm lấn. Anh ngồi thẳng lên, hơi cứng người lại, coi như mình có lỗi. Mặc dù vậy, vẫn không ngăn được cái quay đầu khế. Để tránh gây ấn tượng mình quay nhìn, để tỏ ý khó chịu và như thế là không lịch sự, anh đưa luồng mắt ra phía cửa sổ xe, làm như đang ngắm cảnh. Anh thấy một cánh tay thon thả trong ống màu thiên thanh chuôi ra vắt ngang lên thành sổ xe. ý chừng Hiền cũng đang bị chèn ép như mình. Bà ta là gì với Hiền ấy nhỉ. Mẹ đẻ hoặc chị, chắc không phải rồi. Chẳng cần nhìn thẳng mặt, anh hình dung bà béo ị có một khuôn bán diện rất thô, mũi cà chua, cằm bạnh nục nặc. Vậy thì mẹ chồng chẳng? Hay chỉ là bạn đường ngẫu nhiên, cùng lên một chuyến xe?

Mu bàn tay Hiền đã thoáng nổi gân xanh, anh nhận xét. Có thể nào khác được. Mười mấy năm rồi. Thời gian và cả những thăng trầm cuộc sống. Có mỏng đi chút ít, nhưng cổ tay hiền vẫn trắng trẻo mượt mà, móng không tô nhuộm gọi một vẻ đẹp tinh khiết. Giá mình được nắm lại bàn tay ấy, dù là một lần cuối, đặt nhẹ môi lên những ngón tay thân thuộc yêu thương chứa đầy kỷ niệm.

Hồi bấy giờ Hiền còn là một nữ sinh học trường miền Nam, mười bảy tuổi. Hay nói hay cười. Có vẻ thích bàn cãi để làm ra vẻ người lớn. Chuyện xảy ra tại căn phòng nhỏ gia đình dành cho tôi, trước là phòng học, nay là phòng làm việc tại nhà (tôi viết bài cho một chuyên san). Hiền đến chơi, trả sách, lao vào một cuộc tranh luận. Về nội dung cuốn truyện tính cách nhân vật, hay, to tát hơn, về ý nghĩa và triết lý cuộc đời? Không còn nhớ nữa. Tôi ngồi yên lặng nghe, thỉnh thoảng chêm câu bình luận thoáng ý châm biếm hoặc phản bác, với tư thế một người anh lớn tuổi - mình hơn Hiền mười tuổi chứ ít à, ấy là chưa kể đã từng trải nghiệm tình yêu, từng biết một người phụ nữ - chỉ cốt kích thích thêm cuộc bàn cãi. Tôi thích nghe giọng nói của Trang Hiền, trẻ trung trầm bổng, đượm màu xanh biếc của biển Nha Trang quê Hiền như trong trí tôi tưởng tượng.

Cái chân lý được tuổi mười bảy hết lòng bảo vệ, chẳng hiểu nó chính xác vững vàng được đến mức nào, chỉ biết là đầy tự tin, hào hứng. Càng nói, Hiền càng có vẻ tin chắc ở lý lẽ của

mình, gò má càng ửng lên, mặt lóng lánh, có lúc Hiền khua cả hai tay làm điệu bộ để thêm sức mạnh cho lời nói. Một lúc nào đó, thấy Hiền vừa đặt tay lên bàn, tôi liền ép bàn tay cô gái. Cô muốn hiểu thế nào thì hiểu! Phải, có lẽ tôi chỉ muốn làm dịu cái hăng tranh cãi của cô thôi. Cô nói nhiều rồi, hãy cho phép tôi có ý kiến lại chứ. Đang đà nói, Hiền không dừng lại. Tôi ép mạnh tay hơn. Và kìa, chẳng biết tại sao, giọng nói cô gái tự dưng bỗng xiêu. Cứ như thế, những lý lẽ của cô, đang vững vàng là thế, bỗng nhiên bị hẫng mất chân đứng, đổ nghiêng dần. Giọng Hiền yếu ớt hẳn đi, rồi im bật. Tôi lặng lẽ nhìn thẳng vào mặt Hiền. Dưới làn mi cong cô gái, tôi nhận thấy một ánh phân vân lưỡng lự. Tôi cầm nâng tay Hiền lên, dùng cả bàn tay kia của mình ép chặt. Khoé miệng Hiền chợt nhếch khẽ rung rung như cười, mắt mở tròn ngó thẳng vào mặt tôi. ý nói: Anh làm cái gì kỳ vậy. Cho anh thiệt là táo tợn.

Những đường phố Hà nội rợp bóng cây hoặc ủ bóng đêm trở thành những con đường thân thuộc đi về của tình yêu. Tình yêu với mọi miền hạnh phúc và mọi nỗi băn khoăn dằn vặt của nó, thổ lộ ra hay phong kín...

Đường Lý Thường Kiệt. Giêng hai năm ấy, tôi còn nhớ, rét nhiều. Mùa xuân còn chần chừ, chỉ mới đăng ký trên tờ lịch. Tiếng động thành phố trầm hẳn, như bịt bùng trong chăn. Lá cành run rẩy. Tôi và Hiền lặng lẽ sóng bước. Hiền cất tiếng:

'Anh coi, cây hai bên đường cũng chụm vào nhau để đỡ rét'.  
'Ồ nhỉ'.

Hiền đứng dừng, ngắm một chút, rồi bằng cái giọng Nha Trang nhẹ nhàng trầm bổng:  
'Nó lại nghiêng mình nữa, anh thử nhìn coi'.

Náo nức như vừa phát kiến điều gì mới, Hiền kéo tôi ra mép vỉa hè. Quả thật, hai dãy cây hai bên đầu ngã chênh ra phía đường chút ít, vươn cành lá mịt mùng giao trộm vào nhau. Tôi ngạc nhiên: mình qua đường phố hàng trăm lần, chưa bao giờ để ý hiện tượng đó.

'Để thường người ta dụng ý trồng nghiêng ra một tý. Để lấy bóng mát cho mặt đường'.  
'Nếu vậy, phải cho nghiêng vào trong này mới phải chứ. Người đi đường cần bóng mát hơn xe cộ'.

'Hiền nói đúng'. Tôi bật cười. Giọng tôi ẩn ý trêu chọc: 'Hiền bảo anh mắc cái thói tật trí tuệ, hay suy nghĩ lật ngược vấn đề. Chính em cũng hay 'lật ngược'. Nhưng lần này em hoàn toàn có lý'.

Hiền quay sang, hai má đỏ ửng. Mắt Hiền nhìn tôi tha thiết:  
'Em muốn thấy anh cười như vậy. Em, muốn giữ hình ảnh anh vui, khi anh ở xa em... anh có thấy gốc sấu to bụi đằng kia không? Tán lá xùm xoè gục xuống, như cái đầu nặng trĩu, mấy cành to tự như cánh tay nâng đầu, mệt nhọc dữ!'.

Mắt ánh tia ranh mãnh, Hiền tiếp luôn:

'Nghĩ ngợi là hại người lắm đấy! Em nói vậy có đúng không? Em thấy anh hay buồn. Anh đang nghĩ gì vậy? Chắc anh lại sắp nói ra câu hỏi: Vì sao em yêu anh? Chán chết đi được ấy!'.  
'Hứa với em, từ rày anh sẽ không bao giờ lật lại câu hỏi 'chán chết' ấy nữa. Tôi ôm một bên vai Hiền, kéo vào mình, khế thì thảo. Miệng tôi ghé sát tai Hiền, tôi nghe hơi ấm của làn má hây hây đỏ, cảm thấy lớp lông tơ mượt mà trên bầu má ấy mơn man da mặt mình.

Bao nhiêu mùa xuân đã qua đi. Còn chẳng lớp lông tơ óng mượt trên đôi má. Hồi nấy, trong con mơ thoáng gặp, anh có ấn tượng nước da Hiền, nếu đúng đó là Hiền, chưa hề có dấu

hiệu gì khô ráp. Giá mình đặt lại được một cái hôn nhẹ, dù chỉ bằng tưởng tượng, trên bầu má vẫn còn vẻ mịn màng tươi tắn ấy. Anh rướn người ra trước thêm tí chút, làm như muốn nhìn rõ hơn phong cảnh bên ngoài. Bà béo bên cạnh bắt thần cựa quậy, cũng rướn người ra, cái đầu tóc to sù uốn quăn của bà che lấp hẳn khuôn mặt thiếu phụ trẻ. Cái bà này, bà là ai mà kỳ cục. Con đáng mặt mệnh phụ không, hay chỉ là loại dân phê buồn bán tầm thường. Sao bà vô lý vậy. Mẹ chồng hay chị chồng mà nở bảo vệ cô ta kỹ càng đến thế.

Thốt nhiên, toàn bộ cái khối thịt của bà ta hung tợn xô ngang vào anh, mạnh không thể tưởng tượng được. bị đẩy bật, anh suýt ngã ngời ra sàn xe, chỗ lồi đi. Đến lượt anh ta lại xô mạnh vào khối thịt bà ta. Trong xe, mọi người nhón nháo. Lát sau mới hoàn hồn. Chiếc xe khách muốn tránh vật cản gì đó, hình như một chiếc xe ngựa đột nhiên dờ chừng, đã lái ngoạch qua ngoạch lại như điên. Suýt nữa xảy ra tai nạn. Bình tĩnh lại, một ông hành khách nào đó, giọng Quảng Ngãi nặng chịch, oang oang kể chuyện có chuyện xe khách muốn tránh một con trâu vọt ngang đường đã đâm thẳng vào một cặp vợ chồng trẻ đèo nhau bằng xe máy. Cả xe bàn tán lao xao.

Một đêm tôi đi cùng Hiền trên đường phố vắng. Lúc tạt qua một ngã ba, bất thành linh có chiếc xe con lao tới. Tôi chỉ kịp lúi Hiên trở lại. Hú vía! vành chắn bùn phía sau gạt ngang qua hai người, cái gì đó móc rách toạc túi áo Hiên. Hiên chỉ cho tôi xem, vẻ như thú vị, ghé tai tôi thì thầm: 'Có chết thì chúng mình cùng chết cả hai'.

Lúc bây giờ, tôi còn nhớ như in, đầu tôi choáng vàng. Một kỷ niệm xót xa, chưa cũ gì lắm, vút xuyên qua cái dùi nung cháy bỏng. Từng có lần nào đó, một người con gái khác, trong một tình huống tương tự, đã nói với tôi y hệt như những lời nói ấy. 'Có chết thì cũng chết cả hai'. Chỉ khác, giọng cô ta réo rất hơn, như còn run rẩy vì xúc động và sợ hãi. Đó là mối tình đầu của tôi. Tôi nghĩ rằng với cô ta cũng vậy. Bất ngờ, một thời gian sau, tôi nhận được bức thư chia tay của cô ta. Lời lẽ hết sức điềm tĩnh, tỉnh táo. 'Em đã suy nghĩ kỹ. Xét thấy rằng chúng ta không hợp nhau. Thôi vĩnh biệt'. Một tháng sau, cô ta lấy chồng. Hiểu rồi, hiểu rồi, cô em bé nhỏ của tôi ạ, đối với cô, tôi chỉ là vật đối chứng trong một trò thí nghiệm tình cảm lạnh lùng.

Cuộc trò chuyện lao xao trên xe vẫn chưa dứt. Có lẽ mọi người đã bị cái lắc xe đột ngột làm tỉnh táo hẳn lên. Bà mệnh phụ sửa lại chỗ ngồi, có cảm tưởng bà cố dán chặt người thêm vào lưng ghế và đệm ghế. Phía bên kia, Trang Hiên của anh cũng đã ép chiếc làn trắng ngà vào bụng mình, hai bàn tay ôm lấy nó. 'Có chết chúng mình cũng chết cả hai'. Trong đầu anh chợt nảy một giả thiết vui vui. ừ, giá như lúc nãy đã xảy ra tai nạn thực, xe đổ nhào xuống ruộng hoặc đâm sầm vào gốc cây, câu nói của Hiên mười mấy năm về trước, một ước vọng, một lời nguyện, bỗng dựng thành sự thực, thì sao nhỉ. Mình sẽ vui hay buồn. Hiên sẽ buồn hay vui. Ôi, ngớ ngẩn. Chết cả hai rồi, còn gì nữa mà nói chuyện vui buồn!

Giây phút này Hiên đang nghĩ gì. Hiên có sự nhớ đến cái lời nguyện đó không, nếu người ngồi đó đích thực là Trang Hiên của anh. Lúc nãy Hiên có hồi hộp sợ hãi lắm không ấy nhỉ. Dù sao cơn nguy hiểm cũng đã qua rồi. Hai bàn tay Hiên lúc này đan nhau bình thản, đoan trang, mấy ngón còn tròn mọng trắng hồng bên cạnh màu ngà chiếc làn và màu thiên thanh tà áo.

Cái đêm đầu thu không thể nào quên ấy, tôi ngồi cạnh Hiên bên hồ nước, ánh sáng rọi xuống khiến làn nước đêm xanh thẫm càng lung linh. Thốt nhiên tôi cảm thấy Hiên khẽ rung mình.

'Em lạnh hay sao?' Tôi ân cần hỏi.

'Không'. Hiên đáp. 'Nhưng từ nhỏ em đã có tật vậy. Mỗi khi chợt thấy một vệt sao băng, em đâm bồi hộp. Cứ nghĩ cái chấm sáng nhỏ nhoi ấy rớt vào giữa mung lung bầu trời, em hơi sờ sợ, cảm thấy cô đơn, như là ớn lạnh nữa ấy'.

'Cả giờ nữa, lúc có anh bên cạnh?' Tôi hỏi, hơi có tí trêu chọc.

'Em chẳng hiểu làm sao nữa. Biết đâu chẳng càng ớn lạnh hơn ấy chứ'. Hiền đáp, đùa trêu lại. 'Vì có ai thăm dò được hết cái mung lung tình cảm con người!'

Tôi lặng im. Hiền liền có một cử chỉ làm lạnh.

'Anh coi, trống ngực em còn đập đây nè'.

Hiền cầm tay tôi đặt lên phía tim mình. Dưới làn áo lụa, ngực cô gái căng vòng. Tim tôi hồi hộp. Từ lúc nào không biết, Hiền để nhẹ nhàng cởi cúc áo của mình, hơi thót người lại, tôi cảm thấy tay mình tiếp xúc với làn da mát rượi trên mồm đời xuân mơn mớn. Nghe rõ cả tim mình đập mạnh, thỉnh thoảng, trong trái tim cô gái. Hồ nước bỗng chao nghiêng, nghiêng ngả.

Bà mệnh phụ. Lại bà mệnh phụ. Nhưng lúc này tôi thông cảm. Bà chẳng hề có ý định phá ngang dòng mơ tưởng loãng quãng rồi rắm của tôi, chắc thế. Chẳng qua phần ghé quá chật đối với cái khối lượng quá cỡ của bà. Tôi đã tự nguyện dịch gần một nửa người của tôi ra khỏi chiếc ghế của tôi rồi đấy. Mong bà đừng quá lấn ép người ngồi cạnh, phía bên kia, tội nghiệp.

Tôi và Hiền ngồi trên vệ cỏ lẳng lặng ngắm mặt hồ như vậy có lẽ rất lâu. Mắt Hiền đen huyền, dường như cũng có ánh sao lung linh trong ấy. Dưới bàn tay áp ôm mơn trớn, tấm ngực trẻ thanh tân càng nhô cao, căng nhọn, tựa hai hòn núi đá thuở hoang sơ. Trống ngực tôi phập phồng. Tôi nảy ý liệu lĩnh táo tợn, lần tìm đến những miền hoang dã thâm u khuất vắng hơn.

'Đừng, đừng anh, em sợ'.

Nghe Hiền thì thào, giọng đứt quãng. Vai Hiền khẽ rung lên như hồi nãy. Bỗng khắp người cô gái nổi cơn run rẩy dữ dội, khi tôi cố đẩy tới cuộc phiêu lưu mạo hiểm, Tôi đâm hốt hoảng, có cảm giác như Hiền có thể sắp choáng ngất vì sợ hãi. Vội đưa cả hai cánh tay giữ ghì lấy thân hình cô gái. Cơn run rẩy dịu dần. Trán tôi từ lúc nào cũng toát mồ hôi lạnh.

'Ta về thôi, em nhé. Sương xuống nhiều rồi'. Tôi nghe mình nói, giọng lúng búng chen xấu hổ và hối hận. Hiền vịn vào vai tôi yếu ớt đứng dậy. Trưa hôm sau, ở cơ quan về, tôi tìm thấy mẩu giấy nhỏ lườn qua khe cửa. Tôi hồi hộp mở xem. Nét chữ của Hiền. Vẫn thoáng, đẹp, nhưng dường như có in vết run rẩy, tôi hình dung thế. Hiền nói Hiền viết cho tôi mấy chữ này lúc bốn giờ rưỡi sáng, sau một đêm không hề chợp mắt. Hiền muốn tôi thông cảm và tha thứ (Ồi, chính tôi phải ngàn lần xin Hiền tha thứ cho tôi mới phải). 'Đêm nay anh hãy đến với em, anh nhé'. Đêm hôm ấy tôi không đến. Vì lý do gì, cũng chẳng còn nhớ thật rõ. Sau này hai ba lần Hiền vặn hỏi, hai ba lần tôi đáp là mình tự dưng nổi một cơn đau đầu dữ dội. Điều đó nếu không hẳn là sự thực, ít ra cũng là sự thực do tôi mường tượng sau nhiều lần nhắc đi nhắc lại.

Tôi không còn giữ một bức thư nào của Hiền. Tất cả đều đã được thả trôi theo dòng nước. Vì sao vậy, chính tôi cũng không hiểu nổi. Hiền viết cho tôi khá nhiều thư, khi chỉ mấy dòng ngắn, khi ba bốn trang liền. Hiền khoe học tốt, trái với điều tôi lo lắng là Hiền có thể sao nhãng việc học tập. 'Em cảm thấy như dạo này trí óc mình ngày càng minh mẫn lảnh hơn. Toán giải khá nhanh. Cô giáo vẫn còn khen em làm bài hết sức tình cảm'. Hiền kể một vài kỷ niệm chạy giặc hồi thơ ấu ở quê hương, chuyến đi tàu biển ra Bắc tập kết cùng ông chú. 'Em muốn anh thuộc lòng từng chi tiết cuộc đời em. Anh đừng cười là nó còn quá ngắn, chẳng có gì đáng kể. Em vui thích mà nghĩ rằng tâm hồn anh'. Hiền đòi tôi cũng phải 'trả nợ', kể cho Hiền nghe quá khứ của mình, những buồn vui, những cuộc tình duyên cũ 'nếu có', mà chắc là phải có. Hứa với



anh, em không ghen đâu, chỉ muốn anh kể để vơi bớt nỗi buồn mà em đoán nguồn gốc sâu xa là ở đó'. Tiếp đến những bức thư nồng nàn táo bạo hơn 'Em từng nói em muốn anh thuộc rõ cả cuộc đời em. Em muốn anh cũng thuộc toàn bộ thân thể em, vì tất cả em là của anh, của riêng anh tất cả'. 'Ôi, cái ngày sinh nhật kỳ diệu! Em đã bước sang tuổi mười tám với một kỷ niệm không bao giờ quên. Đêm qua chúng mình đã có được cả một đêm cho nhau trọn vẹn. Suốt ngày hôm nay em lười biếng nằm dài, ngửa mặt lên trần suy nghĩ, nhớ lại và ước mơ. Lúc này ước gì có một đứa con của anh nằm gọn trong bụng mình. Một đứa con trai giống hệt anh. Nó sẽ là cái cầu nối, một lời thề nguyện gắn cả cuộc đời và linh hồn hai chúng ta mãi mãi, một trăm năm, một nghìn năm, một triệu năm ánh sáng'.

Những lá thư dài ngắn ấy, tôi đọc đi đọc lại hầu như thuộc, với niềm xúc động khi êm ái, khi bùng bùng mãnh liệt. Tôi áp mảnh thư vào ngực, nhắm mắt thầm nhớ lại những giây phút êm đềm. Nhưng khi xúc cảm trào lên quá mạnh, khiến hai thái dương đập phập phồng, tôi cảm thấy bất chợt xen vào một nỗi lo âu buồn bã, thậm chí bàng hoàng, một phản ứng tâm lý mà tôi không thể giải thích nổi, lại càng không thể nào nén nổi. Một buổi sáng xuân đẹp trời, nhân đi công tác bằng ca nô trên sông Bạch Đằng, tôi đã thả tập thư của Hiền từng tờ từng tờ một cho bay theo gió rồi rơi xuống nước. Dòng nước mùa xuân này xanh trong leo lẻo, đẹp quá chừng, hy vọng nó sẽ đưa những lời thư ấy ra biển rồi ra tận đại dương. Tôi dõi nhìn những vuông giấy trắng trao nghiêng như cánh chim bập bênh trôi nhanh ra phía sau lái với một tâm trạng hầu như thanh thoát, tuy vương chút bùi ngùi. Cái gì diễn ra trong tôi vậy. Dường như tôi đã e sợ và muốn ngăn ngừa trước một sự ràng buộc hoặc trách nhiệm nào đó, hoặc một sự dang dở; chia lìa, thậm chí cơn vỡ mộng mà cái tạng, cái khí chất của tôi sẽ không thể nào chịu đựng nổi. Yêu tôi nồng nhiệt, biết đâu Hiền chẳng có thể cắt đứt phũ phàng. Nói gì một triệu năm hoặc một trăm năm. Mọi sự ở đời cái gì chẳng qua đi như ngày đêm dưới cầu nước chảy, mọi điều tất phải biến đổi, nhàm chán, nhạt phai. Hiền yêu tôi thật sự hay chỉ là yêu tình yêu, yêu chính mình qua một mối tình. Tôi đã có gì đặc biệt, có gì xứng đáng. Những lời lẽ bông bột say sưa ấy Hiền viết cho tôi hay viết để say sưa với chính mình. Tôi chẳng qua chỉ là cái cớ.

Lại bà mệnh phụ. Lần này thì cái bà béo ị ấy không còn làm sao chịu đựng được nữa rồi. Bà xoay người, thúc cả cùi tay vào hông anh, đột ngột đứng dậy. Bà nhòai người nhìn ra phía cửa sổ, bỗng quay lại hét toáng về phía người lái xe: 'xuống! xuống! Cho tôi xuống đây! Dừng lại! Cho tôi xuống!' Giằng cái hông đồ sộ lên đùi anh, bà cúi quơ cái túi giả da to kèn màu hồng khá đẹp dưới chân ghé, rồi chẳng cần xin lỗi, lăm le định len ra. Anh vội nhồm dậy, đứng tránh ở lối đi. Bà ta vừa lách khỏi, thốt nhiên anh thấy mình đứng đối mặt với thiếu phụ áo thiên thanh. Hiền! Trời ơi, Hiền cũng xuống đây sao? Cái thị trấn này là đâu vậy? Quê chồng hay chính quê Hiền? Thoáng giây hồi hộp, Hình như hơi thở của anh, nóng hổi, phả cả vào cổ và gáy người thiếu phụ, mấy sợi tóc dài khẽ phơ phất trên làn da trắng mịn. 'Có phải đúng Trang Hiền của anh đấy không?'. Tiếng kêu ấy vang vang trong đầu óc anh, tuy anh không hề mở miệng. Hiền cũng đã nghe thấy chăng? Người thiếu phụ khẽ quay đầu, nhìn thẳng vào anh. Đôi mắt mở to, vẻ bỡ ngỡ, y như mắt Hiền ngày nào khi anh làm cái việc táo bạo ép bàn tay mình lên bàn tay cô gái. Nhưng lúc này ánh mắt ấy dường như thoáng buồn, thoáng nghiêm lạnh. Đôi môi, vẫn còn hồng mọng, nhưng mím mím, lặng yên, hoàn toàn xa lạ. 'Nếu đúng là Hiền, sao Hiền không nói ví tôi một lời nhỉ. Hiền hãy trách cứ tôi đi, nói thẳng sự thật vào mặt tôi đi. Tôi đã quá tính toán chẳng, đã hèn yếu đến mức độ trở nên hèn nhất vị kỷ chẳng. Sao Hiền vẫn cứ câm lạng lạnh lùng như vậy?'

Đầu anh choáng váng. Tiếng đập thành thành vào thành xe của người lái phụ ngồi phía sau giục đi, anh tưởng như tiếng đập của trống ngực mình dội lên tận óc. Chiếc xe ca lại khởi động, anh lặng người, vội bám hai tay vào thành ghế hai bên lối đi. Tuy nhiên vẫn cố ngoái nhìn ra phía sau, qua khung kính ở lưng xe, cố tìm lại hình bóng chiếc áo màu thiên thanh. Lúc đầu không thấy gì. Sau đó hiện ra trong khung kính dáng thanh mảnh nhỏ nhắn của người

thiếu phụ, toàn một màu tím sẫm, nó nhỏ đi nhanh rồi mất hút.

Cho đến bây giờ, thêm mười mấy năm nữa, anh vẫn chưa nhớ được cái màu tím sẫm lạ lùng ấy là do ánh mắt mình đã mờ đi, thối lại hay đó là do màu tấm kính.

## Hai anh học trò có vợ

Hai anh cùng trọ một nhà hàng ngoại ô, cùng học năm thứ nhất ban Thành chung trong một trường tư thực. Cuộc bắt bạn thực đã nhanh chóng, ngộ nghĩnh nữa. Cách thế này:

Vịnh vào trường chậm mắt một tháng, bởi mắc chăm sóc đứa con lên sỏi. Hôm anh xin vào học, thầy giáo đã để ý ngay tới cái dáng lênh khênh và vẻ già dặn tuy hiền lành ngây ngô của anh ta. Thầy hỏi đùa:

- Anh có vợ rồi chứ?

Và Vịnh đã giả lời, giọng hoa mỹ kiểu xưa:

- Bẩm thầy, con yên bề gia thất từ lâu.

Học trò cười ồm lên, khiến Vịnh ngỡ ngác. Thầy lại đùa:

- Thế được mấy con rồi?

Mắt anh học trò mới bỗng sáng lên, trong cái kiêu hãnh người cha. Anh ta nói một hơi lưu loát cái câu khoe con mà hẳn anh đã có nhiều dịp nhắc đi nhắc lại:

- Cám ơn thầy, con mới được một cháu. Nó còn bé lắm ạ; đẻ tháng chạp năm ngoái, thế là đi mười tháng, tính đến Tết này là cháu chịu ba tuổi.

Cả lớp lại phá lên cười. Sở ông hiệu trưởng nghe tiếng ồn thầy giáo bảo:

- Anh lại ngồi cuối lớp kia, cạnh anh Cần.

Thầy dẫn anh ta tới ghế cuối cùng, chỉ có một anh học trò lớn chiếm cứ. Vịnh len vào, ngồi xuống, vòng tay. Ý muốn gây trò cười làm cho độc ác, thầy giáo bảo:

- Hai anh đứng lên.

Hai anh cùng đứng dậy, cùng đứng ngất ngưỡng. Cần lại còn cao hơn Vịnh nửa cái đầu, nhẹ xang mình bên này bên kia, như để bớt dáng cao. Anh ta cúi mặt mân mê cuộn tờ giấy thấm cho đỡ ngưỡng, nhưng tai vẫn đổ lửng lên, vì anh em bạn đều quay lại nhìn mà khúc khích cười, cho đến khi thầy giáo cho hai anh ngồi và lại bắt đầu giảng bài.

Giờ ra chơi, Vịnh đứng thui thủi góc sân, hai tay thủ dưới tà áo. Vài cậu học trò nhỏ đã đột nhiên có một ác cảm mơ hồ với người bạn mới mà chúng biết sẽ không thuộc vào xã hội chơi đùa của mình, liếc nhìn anh từng thoáng mau, luồng mắt lạnh lùng đầy sự tò mò. Một cậu tinh nghịch gọi:

- Ê, papa Cấn!1

Cấn đang đứng cạnh cây bàng ôn bài, quay lại rồi vội ngoảnh đi khi thấy cậu kia vừa cười cợt nhìn anh vừa trở Vịnh. Tiếng cười và vỗ tay ran; và, trong một cơn cục của kẻ hiền lành bị trêu chọc quá độ, nó xui làm những thách đó, Cấn, dánh quả quyết, bỗng đi thẳng tới người học trò mới, vỗ vai như một bạn cũ thân thiết, và hỏi:

- Anh trọ ở đâu?

Vịnh lễ phép đáp:

- Thưa anh, hiện giờ tôi vẫn ở tạm một hàng cơm. Tôi chưa kiếm được chỗ trọ.

- Thế anh về trọ cùng tôi cho vui nhé. Tôi ở ngoại ô.

Vịnh cảm động, không biết nói thế nào để cảm ơn, nắm mạnh tay bạn, bỏ ra, rồi lại nắm mạnh lần nữa. Cấn quay nhìn các bạn học, về đắc thảng và khiêu khích.

Tối hôm ấy, Vịnh xe hòm đến nhà Cấn. Cấn dắt bạn vào nói qua với bà chủ trọ. Vịnh chấp tay đứng nghe, thỉnh thoảng gật gật đầu. Đoạn hai anh dọn chỗ kê hòm. Nhà tranh thấp quá, Cấn trong lúc lúi húi dọn dẹp, húc đầu phải xà tre. Sau đến lượt Vịnh đụng đầu vào khung cửa.

Dọn xong, Vịnh ngồi chép bảng dùng thì giờ. Đọc đến những chữ mới lạ chưa từng thấy: Algèbre, Chimie, Zoologie1, anh thấy lòng sờ sờ, và có ý kính phục tất cả các bạn mới mà anh cho giỏi hơn mình nhiều. Khi ngừng đầu, anh chợt thấy Cấn đang ngồi vòng tay chăm chú nhìn mình, miệng hơi mỉm cười. Anh cúi mặt, ngượng nghịu. Nhưng Cấn hỏi anh, giọng nhỏ nhẹ, thân mật như trong câu chuyện tâm tình:

- Anh cưới vợ năm nào?

- Thưa anh, tôi cưới vợ ba năm rồi.

- Anh cứ thưa với gửi gì! Chỗ anh em đừng nên khách sáo. Cháu vẫn ngoan chứ?

- Cảm ơn anh, nó ngoan đáo để. Nhưng vừa đây nó lên sởi, có hơi nhác chơi.

Rồi trong một bầu thân mật, hai anh kể chuyện mình cho nhau nghe. Đó là chuyện những chàng trai nhà quê, mà sự học đã nhiều lần đứt đi nối lại bởi những có giản dị và hết sức bất ngờ: một mùa lúa được hay mất, một đám tang, cuộc hồi hương đột ngột của người anh cả Vịnh vừa làm giàu ở một tỉnh xa miền mỏ, sự cạnh tranh giữa cha Cấn và bác hàng xóm hĩnh vì có con 'học trường Điplôm, sắp thi ra tham biện'.

Cấn tiếp:

- Thầy tôi bảo mãi, lúc đầu tôi nhất quyết không đi. Lớn sù sụ rồi, anh em bạn học họ cười cho. Vả tôi cũng như anh, có vợ rồi đấy.

- Thế à! Thế là phải. Lớn lên phải lo gây dựng gia đình, nối dõi tông đường chứ. ở tỉnh có người già quá mà chưa thành gia thất; độ Tết trước, tôi gặp mấy cô người làng ở tỉnh xa về quê chơi, cô nào cũng cao ngông nghênh thế này mà chưa chồng con gì cả, trông dơ dáy quá.

- Ấy, tình thành họ khác thế đấy, hóa nên họ cười mình, cho mình là hủ. Chuyện có vợ, tôi giấu mãi; nhưng sau vì thằng bạn người làng nó nói toang, bọn kia chế tôi ê cả mặt. Lúc sáng, chắc anh không biết chúng cười gì nhĩ: đấy là bởi anh khai có vợ con rồi, chúng cho là sự lạ.

Vịnh chống cằm trên tay, im lặng. Không phải anh thẹn; anh chỉ thấy nao nao khổ sở, bởi cảm tưởng cô đơn thấm thía. Thực các bạn mới đã độc ác quá. Và vô lý nữa: anh cưới vợ và có con sớm, bà con trong làng đều mừng anh có phước.

Cần an ủi:

- Nhưng học trường tư thì phải chịu những lời chế nhạo như thế là thường. Học trò trường tư quý sứ lắm, có phải như chúng ta đâu. Độ học trường phủ, trong khi đợi giờ vào, chúng tôi đứng nghiêm trang nói chuyện, lúc thấy quan Đốc tới thì chấp tay cúi đầu chào: 'Bẩm quan'. Bọn này thì có! Làng thầy giáo được chùng nào hay chùng ấy... Nhưng thôi, cùng một cảnh, chúng ta thương yêu nhau, đùm bọc lấy nhau là đủ. Cũng bởi thế mà tôi mời anh về trọ cùng tôi.

Hai anh ăn ở với nhau thực là khăng khít, giống như những đôi bạn hiền trong chuyện thời xưa. Càng bị chế nhạo, hai anh càng xích lại gần nhau. Trước những lời độc ác của các bạn, hai anh nắm chặt tay nhau, và tìm thấy trên nụ cười cùng nở trên đôi miệng một niềm an ủi không cùng.

Một hôm, Cần được tin mừng. Một người làng, nhân đi chợ tỉnh, báo cho anh biết rằng vợ anh đã có mang. Anh thăm thì nói chuyện ấy với Vịnh. Vịnh nắm chặt tay bạn; hai anh càng thân nhau hơn bởi cảnh nhà giống nhau hơn. Vịnh già kinh nghiệm, dạy Cần rằng nên bảo 'chị ấy' ăn nhiều canh rau sam cho mát thai; nếu được canh rau sam nấu với cá rô càng tốt; rằng thỉnh thoảng 'chị ấy' nên xông lá dành hoa, để tránh tật nôn mửa mà đàn bà chữa hay bị.

Nhân một ngày chủ nhật về quê, Vịnh đem lên cho bạn mấy bơ gạo lùa, một thứ gạo riêng vùng anh trồng, đàn bà chữa ăn gọn bụng, anh bảo thế.

- Mẹ thằng Bình cũng nhờ ăn gạo ấy mà đẻ nó ra thực chóng, dễ như trở bàn tay, anh ạ.

Anh nói ba tiếng 'mẹ thằng Bình' rất nhanh, một cách ngộ nghĩnh lạ.

Có khi đang học bài, Vịnh nhìn vợ vẫn vào một góc nhà, miệng nhắm mắt một câu, rồi chợt anh ngừng học hỏi Cần:

- Anh định đặt tên cháu là gì đấy?

Cần cười không đáp, Vịnh tiếp, ra bộ sẵn sóc tới việc nhà bạn:

- Cứ theo năm đẻ mà đặt tên, anh ạ; như thế tiện, chẳng quên tuổi được... Có người lấy chữ ngũ phúc mà đặt tên con lần lượt, cũng là ý hay. Ở nhà quê cứ quen gọi Cu, Hòe, Lòn, nghe chướng tai quá nhĩ.

Tối hôm hăm bảy Tết, hai anh đang soạn để về quê, Cần thấy vợ bước vào. Cần hỏi, hơi gắt:

- Lên làm gì thế?

Vợ anh bụm môi nhìn loanh quanh, nhỏ toẹt được bãi nước trầu vào góc vách rồi mới đáp:

- Thầy bu bảo tôi lên tỉnh sắm ít hàng tết rồi về với nhà luôn thể.

Cần vẫn lúi húi soạn cặp, để mặc vợ đứng trơ, cái mủng sơn cò kè bên hông. Nhưng Vịnh nhã nhận mời:

- Chị ngồi nghỉ trên ghế. Có bụng mà đi đường xa chắc mệt lắm nhĩ.

Hai anh ăn cơm xong, vợ Cần bảo chồng, giọng nhỏ nhẹ, sợ hãi:

- Nhà đi phố sắm hàng tết với tôi, được không?

Nhưng Cần gắt:

- Ôi giào! Giờ lại muốn cặp tay nhau đi dạo phố như tây với đầm ấy à!

Vịnh thực thà bảo:

- Thời mới, cũng đừng nên nệ cổ quá, anh ạ. Mình đừng suồng sã lắm thì thôi, vợ chồng đi với nhau, nhưng đi xa nhau, cũng chẳng có gì là quá tự do. Vả lại để tôi cùng đi với anh chị.

Khi ba người ra đi, Cần lại gắt lượt nữa, bởi anh thấy vợ mang cò kè cái mủng bên hông. Anh quát:

- Mua có vài xu miến với mộc nhĩ, cũng mừng với mót! Vứt đi!

Vợ vội chạy vào cất mủng. Cần thì thầm với Vịnh:

- Tôi dặn anh điều này: anh em bạn nhớ gặp mà hỏi, thì anh bảo đó là người làng, chứ đừng nói vợ tôi, nhé.

Vịnh gật đầu, tuy bụng nghĩ: 'Làm thế thì còn đâu là tình nghĩa vợ chồng'.

Hai anh đi trước, vợ Cần theo sau, hai tay thủ dưới tà áo, bụng đã hơi ưỡn ra đằng trước. Thình thoảng Vịnh phải đứng lại chờ; chị ta toe miệng cười đến híp cả mắt, chạy tới, tay vẫn thủ dưới áo, khiến người ngoắt nguẩy đến hay. Qua trước cửa hàng nào, chị ta cũng trở mắt nhìn, thế là chân lại bước chậm lại. Chị ta hỏi:

- Cái gì xanh xanh hình bồ dục như quả dưa thể nhĩ?

Cần im lặng cúi mặt bước. Nhưng Vịnh, ra cách một bạn chồng nhã nhận, giảng cho nghe:

- Đấy là quả bóng, để con nít chơi. Nó bằng cao su, thổi thì phồng tương, tung lên giời nó bay là là, hay lắm... à, chị có thấy thằng người trắng trắng ngồi trong tủ kính đó không? Con búp bê đấy; chị sắm cho cháu chơi; bóp thì kêu chút chít như con chuột nhất ấy, cũng hay.

Vợ Cần cười, mắt long lanh thèm muốn:

- Để tiền mua miến với khoai hành, không bu tôi chửi chết.

Cần ngừng đầu giục:

- Thì mua đi rồi mà về, còn đợi tất cả phố người ta xem rõ mặt nữa à?

Chợt thấy một người bạn học bên kia đường, anh vờ chúm mũi vào cửa kính một hàng sách.

Sáng hôm sau, khi cùng vợ từ già Vịnh để lên xe về quê, Cần tặng bạn một bức ảnh. Vịnh vui mừng ngắm nghía. ảnh chụp một cặp tình nhân người Âu ngồi trên một mảnh trăng lưỡi liềm mình in lên nền trời mờ tím nạm sao lấp lánh. Bên dưới là cảnh đồng quê mùa đông thê lương, lốm đốm tuyết. Lật sau ảnh, Vịnh đọc thấy mấy hàng chữ, nét nắn nót:

'Tặng bạn thân giao Hồ Văn Vịnh,

Nhân dịp năm mới, vợ chồng tôi thành thực chúc anh cùng chị sống trong cảnh hạnh phúc thần tiên như cặp uyên ương trong ảnh'.

Vịnh cảm ơn bạn, rồi cất ảnh vào cặp. Là một người chồng tốt, anh định sẽ cho vợ xem ảnh và giảng cho nghe ý nghĩa cảnh vẽ trong đó. Vợ xem rồi, anh sẽ đem cất vào hòm, 'chứ không nó làm blem nước trâu vào ảnh mất', anh nghĩ vậy.

Nhân dịp lễ Phục sinh, Vịnh đưa Cần về làng chơi, để bạn biết quê hương mình, một nơi đã có tiếng non sông gấm vóc. Nhưng anh còn có một ý định thầm kín hơn: khoe vợ. Vợ Cần mà anh đã có dịp thấy mặt hôm hăm bảy tết, thực là xấu: má gò, cổ đen, môi vầu điếm cho miệng một vẻ chua ngoa. Có lẽ vì thế mà Cần không bằng lòng khi thấy vợ lên tỉnh. Vịnh tự phụ khi so vợ bạn với vợ mình; vợ anh trẻ, đẹp, có đôi mắt đen láy và hàm răng đen nhưng nhúc. Anh vâng lời cha mẹ lấy người đó, không đắn đo, không suy nghĩ; nhưng khi cưới về rồi, anh chợt nhận thấy ở vợ một nụ cười có duyên và một luồng mắt dễ thương lạ. Đàn bà răng đen, anh cho thực đẹp, chứ những cô thiếu nữ thành thị, mỗi khi cười để lộ hàm răng 'trắng hếu' ra, vô duyên quá. Vợ anh lúm đồng tiền ở một khóe môi, chỉ một khóe thôi, có một vẻ nũng nịu dễ yêu. Anh nhận thấy vậy, nhưng không dám khoe với ai, sợ người ta cười. Vợ anh lại ăn nói nhanh nhẩu, khi có bạn đến chơi, anh nhờ vợ đỡ lời cho nhiều, bởi anh hơi chậm chạp. Quả vậy, đôi bạn vừa tới cổng. Vịnh chưa kịp lên tiếng mừng con vàng đương sữa ầm ỹ, vợ anh đã chạy ra đuổi chó, đon đả chào chồng và chào khách, đoạn mời:

- Hai anh vào trong nhà.

Chị nói tiếng 'anh' một cách tron tru, dễ nghe quá. Trong những giờ rủ rỉ ban đêm, chị lại còn âu yếm xưng 'em' với chồng. Vịnh thì hay ngượng, chưa khi nào nói được một tiếng 'em' với vợ. Bước vào nhà, Cần thấy một người trẻ tuổi ngồi dựa ngửa trên ghế, hai chân chạng, lưng quàng ba đòn xuy tuy trời đã chớm sang hè. Vợ Vịnh giới thiệu:

- Đây là bác cháu... Thưa bác, đây là bạn học thầy cháu trên tỉnh về chơi.

Người đàn ông vẫn ngồi chạng, có cái vẻ bề thế hợm hĩnh của kẻ mới giàu. Ông ta bắt tay Cần, giật mạnh và rất lâu, rồi giơ tay, xòe rộng ngón, mời:

- Ngồi chơi.

Quay lại vợ Vịnh:

- Thím bảo chúng nó pha nước.

Rồi vừa hít từng hơi thuốc lá dài khiến thuốc đỏ lửng cháy vèo vèo, ông ta hỏi, giọng quan trọng của bậc che chở:

- Thế nào, lâu nay chú học ngoài tỉnh ra làm sao?

Vịnh chấp tay trả lời, thừa bả rất lễ phép. Ông anh gật gật liên hồi, nói mấy câu khuyên dạy chán ngắt rồi đi ra, sau khi đã xòe bàn tay cho Càn lướt nữa:

- Cậu cứ tự nhiên, nghe không, bạn chú nó, thì cũng như người nhà.

Vịnh để vợ ngồi tiếp bạn, xuống nhà dưới bế con. Đưa bé còn ngủ trong lòng bà nó nhưng anh bế xốc lên cho nó tỉnh dậy, rồi đưa lên nhà. Nó dở giấc, khóc ré lên. Vịnh nói nựng:

- ồ, ồ, tội nghiệp quá, nào thầy bế nào, con tôi nó như con chó ấy.

Anh duỗi tay nâng nó lên cao, đoạn rúc đầu vào bụng nó, tu miệng kêu liên thanh 'blu blu'. Thấy buồn buồn, hay hay, nó quên khóc, cười sằng sặc, trên mi còn đọng nước mắt. Tuy đùa với con, thỉnh thoảng anh liếc nhìn bên cạnh. Vợ anh tiếp bạn một cách niềm nở, miệng luôn luôn cười cho lúm đồng tiền một khóe môi và lộ hàm răng đen nhưng nhúc. Chị rót nước chè tàu, bóc thuốc lá mời. Chị bóc mất cả mặt trên phong thuốc; Vịnh định sẽ dạy cho vợ biết rằng chỉ bóc một góc thôi mới nhã, mới hợp lối tỉnh thành. Ra tỉnh mấy tháng ít ra anh cũng học được một điều khôn chứ! Chị nâng chén nước trong hai tay, mời khách rồi lại mời chồng. Càn khen đứa bé:

- Kháu quá nhỉ!

Chị đáp:

- ấy là một độ vì lên sỏi, cháu nhác chơi, chứ trước kia nó hay đáo đáo. Nó bập bẹ tập nói, ai giật lấy vật gì trong tay, nó đã biết chửi 'Cha! Cha!' rồi nó giơ tay nó quào vào mặt người ta.

Vịnh trao đứa bé cho Càn, nói:

- Con để bác bế tý.

Đưa bé xòe những ngón tay bột nặn ấy mặt Càn ra. Vịnh cười, nói rất to như để cho nó hiểu:

- Bác đấy mà! Bác đấy mà! Bác học trên tỉnh cùng lớp với thầy đấy mà!

Nhưng thằng bé không chịu cho người lạ mặt bế, oặt người giẫy nảy. Vợ Vịnh vội đỡ lấy con. Chị nói:

- Khi nào nó đến tuổi cấp sách đi học, thì thầy nó và bác đã ra khỏi trường chưa nhỉ?

Vịnh lảm bảm tính trên đốt ngón tay, và đáp:

- Nếu nó thông minh sớm thì không khéo cha con cùng học một trường đấy.

Vịnh lại bảo vợ:

- Chúng ta sắp có cháu rồi. Chị Càn có mang đã được ba tháng.

- Thế à? Thế thì vui nhỉ! Phúc đức quá! Nếu chị ấy đẻ con gái, thế nào anh chị cũng phải gả cho thằng Bình chúng tôi nhé.

Ba người cùng cười vui vẻ.

## Nỗi oan của bác đồ gàn

Một tình cờ đã tụ hội họ lại trong gian phòng. Tuy ở những đẳng cấp khác nhau, họ họp thành một xã hội nhỏ ô hợp và nhiều màu vẻ. Phần nhiều đều là những nhân vật danh tiếng, đặc trưng bởi một thói tật bất hủ hay một hình thù khác thường.

Gian phòng hơi nhỏ hẹp, dồn họ lại gần nhau. Thật là một xã hội đại đồng, nơi đó thằng cu Nhè dám tới gần ông trưởng giả béo mắt híp, và cô tiểu thư đài các không hề tỏ vẻ khó chịu vì sự kề cạnh một bác Nhiều Rượu phả hơi men xa mười thước.

Họ cùng chung một ông cha, anh chàng họa sĩ gầy nhom đeo kính cận ấy mà. Chuyên vẽ tranh vui cho một tuần báo hí hước, chàng đã tự tạo đoàn đào kép nọ, mà chàng bắt múa hay hát hồng theo ý riêng mình, để gây vui mỗi tuần cho công chúng. Công cuộc hoài thai thường mệt nhọc, ủ áp trong một cuộc nghiền ngẫm lâu dài soi mói đến từng tiểu tiết: cái mũi phải ra sao, con mắt phải thế nào. Nhưng cũng có khi, thằng người hay thằng ngợm vụt hiện một cách đột nhiên dưới ngọn bút ngông phiếm của nhà họa sĩ, làm cho chính chàng ngạc nhiên trước nhất và kêu lên: 'Ồ kia! Minh vừa đẻ thêm một đứa!'. Rồi chàng vội khai sinh cho nó, nghĩa là tự chuốc một cốc rượu ăn mừng để ngay tức thì đem đứa sơ sinh nhập ban tuồng mà chàng quản đốc.

Tên hề mới, bị vớt vào giữa cuộc nhân sinh lộn xộn và ô hợp, không tỏ vẻ gì ngờ ngạc hay khó chịu. Rất ngoan ngoãn, nó uốn mình theo ý muốn của chủ, ra đóng trò ngay mà rất tự nhiên!

Ngoan ngoãn, đó là cái Luật Lớn mà cũng là cái luật duy nhất của ban tuồng kỳ dị này. Không bao giờ cưỡng lời chủ, nhắc ngay cái chân mà ông ta muốn giơ, nói lời nói ông ta đã nhắc, dù biết rằng mình sẽ lố bịch, sẽ làm trò cười cho công chúng - thứ công chúng tàn tệ lấy chế nhạo làm thú vui - cứ như thế, đoàn đào kép sống yên ổn, trong trù mển của nhà họa sĩ mà sự giám sát buông lỏng dịu một tình cha nhân từ.

Vả lại, để bù công, họ được hưởng một tự do hoàn toàn trong lúc chủ vắng nhà. Khi anh gà sống đặt trên lò sưởi, rần rờ trong chất cảm thạch màu xám, vươn cao cổ cất tiếng gáy báo hiệu, những nhân vật kỳ quái của gian phòng, biết rằng chủ nhân đã đi ra, liền tự cho phép xê dịch và cất tiếng. Bắt đầu họ duỗi chân tay, vươn vai, uốn éo, đánh đuổi cơn tê cóng gây bởi một cuộc bất động quá kéo dài. Rồi sự nhón nháo nổi dần, họ bởi muôn tiếng lí nhí của bọn người tí hon ấy.

Thằng cha đồ tể rửa: 'Mẹ đéch! Làm ông mỗi rữ cả tay'. Hấn vung tay vút mạnh con dao bầu ra xa, đoạn ngồi xổm xuống đất, nghĩa là xuống nền trắng vuông giấy, tự cho phép nghỉ, vòng tay khoanh ôm hai đầu gối gập. Thỉnh thoảng hấn uốn ngửa người co tay ngang vai rồi duỗi thẳng đánh rắc cho giãn gân cốt. Nhà họa sĩ bỏ lờ dờ bức tranh, đầy đọa hấn đứng cả một ngày tròn, lưng cúi, cầm lăm lăm con dao một cách vô duyên bởi dưới dao không có gì cả, dù là một cái thớt. Hấn đã gò người đứng mãi trong dáng điệu bất tiện ấy, lo lắng tự hỏi không biết người ta sẽ bắt mình múa hát gì đây. ừ, dù hấn có phải làm một cử động buồn cười, nói một



câu ngớ ngẩn, thì cũng cho hắn nói, hắn làm đi, chứ lại nữ giam cầm hắn mãi trong một sự thấp thỏm sao mà quái ác!

Nhà họa sĩ có cái tật lông bông tai hại ấy: không bao giờ vẽ luôn nét bút một bức tranh, dù là một bức hí họa nhỏ đơn sơ. Chàng nhảy từ bức này sang bức khác, quệt lên đây một nếp nhăn áo, điểm vào kia bộ râu trê. Chàng đùa với việc làm.

Lão hàng thịt không phải là nạn nhân duy nhất chịu sự hành hạ của cái thói xấu ấy. Từ khi chàng cầm bút, đã biết bao nhiêu người cụt tay, mất mũi, chột mắt. Một bác thợ nề đã co chân thướt thợt tựa ông tướng tuồng, vẫn không tìm thấy cái bức thang dựa bước; ông thợ phủ kia đang ngồi hàng hai ngày trên chiếc ghế tưởng tượng, người gập, chân co như sắp nhảy, bần khoản tự hỏi vì một phép ma quái nào mình chưa ngã bở chừng phôi cái bụng béo bầy nhầy.

Trong một góc, thẳng cu Nhè đứng sụ sà sụ sật. Hai dòng nước mũi dài quá cầm cứ giã dài ra mãi gần tới rốn. Nó vội nhắm mắt hít mạnh; hai dòng mũi từ từ rút lên để lại thông dần xuống. Bà chủ hiệu cao lâu bên cạnh lấy làm khó chịu gắt:

- Thì mày vắt quách ra đất kia!

Nhưng nó không chịu. Nhà họa sĩ sẽ nói thế nào nếu hai dòng mũi cừ khô - bảo bối của nó mà công chúng đã quen thấy như quen thấy hai tai trên mặt người - vụt biến mất?

Gian phòng mỗi lúc thêm nhón nháo. Một cuộc săn đuổi bắt đầu, giữa một tốp công tử bột và hai cô tiểu thư thướt tha ưỡn ẹo. Rừng mỡ, chú Chệt béo phị trong bức tranh bên cạnh cũng lạch bạch chạy theo bọn thợ săn. Bị khung bức tranh giữ lại - bởi mỗi nhân vật chỉ có quyền hoạt động trong phạm vi vuông giấy của mình - chú tức tối húc bụng vào thành giấy, đôi mắt tuyệt vọng dõi theo hai cô gái ngon lành.

Nhiều Rượu, mũi cà chua đỏ hồng, tỏ vẻ lãnh đạm hoàn toàn, với tất cả sự nhón nháo quanh mình. Hắn ngồi từ bi tự tại đếm những chai rượu trên quầy hàng, lầm bầm: 'à, cái gì cũng có đôi cả, cả đến con mực nướng trên đĩa, ừ, mà cả cái đĩa nữa'. Đoạn kiên nhẫn, hắn bắt đầu đếm lại, không biết lần thứ mấy mươi.

Xa xa, một ông già ho sù sụ, nhìn loanh quanh mãi không dám nhỏ đờm trên nền giấy trắng tinh. Một con cá ngắc ngoài giấy đành ạch; nhà họa sĩ vẫn chưa chịu sinh phúc quệt lên bức tranh vài nét dập dờn tạo cái làn nước cần thiết cho sự sống của nó.

Gian phòng bỗng im bật. Ai vừa cất tiếng hát ồm ồm. A, thằng Ngợm. Hắn bị tất cả phòng ghét bỏ. Hắn cũng không xứng cái tên ngợm nữa. Chàng họa sĩ trong một cơn say hoặc nghịch ngợm, đã theo vết những nhà cubistes<sup>1</sup> tạo ra hắn bằng hai cái đĩa, ba ống sữa bò, ít bóng đèn điện. Từng ấy thứ, kèm vài vật dụng linh tinh nữa, vẽ chồng chất lên nhau trong một sự hỗn độn không thể tả, làm thành một hình kỳ quái, mà chàng họa sĩ tìm mãi ý nghĩa. Chàng lên kính, ghé mũi nhìn, rồi sau cùng kêu lên: 'Thằng người! ừ, mà thằng người hắn đi chứ!'. Bỗng nhiên được liệt vào hàng nhân loại, hắn lên mặt ra phết, không hề tự biết mình. Khi họa sĩ vắng nhà, hắn khuyển hai cánh tay lắc lê và đánh vít chống nạnh đồng đà đồng đánh đi đi lại lại như con đĩ, cái miệng làm bằng ống sữa bò cất tiếng hát ông ổng không thương được.

Mọi người bịt tai, bĩu mồm khinh bỉ.

Duy bác Lý nhà ta không để ý đến hắn. Bác còn bị một con ruồi ám ảnh. Chàng họa sĩ thực là độc địa, không bao giờ quên điểm cho bác hai cục dử to tướng phía trên chiếc mũi sư tử. Thế

là đàn ruồi hăm hờ bay đến bậu, ray rứt mãi, cho đến khi cục dử khô mới bỏ đi.

Bác Lý cố xua con ruồi quái ác. Nó bay lên, vu vu vẽ vòng trên trên hai mắt hấp háy của bác như để trêu chọc. Bác tức mình giơ tay phất ngang một cái thực mạnh. Con vật bay vụt đi; cái mũi sư tử của bác, mà chàng họa sĩ chỉ dính lỏng lẻo, bật văng rơi lỏng lẻo trên giấy. Bác Lý hoảng hốt chạy tìm quanh mãi. Tội nghiệp, đôi mắt kèm nhèm có thấy gì nữa đâu.

Mọi người xung quanh cười ầm.

Giữa sự vui vẻ chung, nổi lên một tiếng nhỏ thanh thanh dịu dàng:

- Ồ, ta không nên độc ác như thế. Bác Lý đáng thương hơn là đáng cười vậy.

Mọi người quay nhìn kẻ vừa nói. Hàn Bụng giễu y:

- Bác Đồ của tôi ời! Vẫn chưa hết cái thói gàn ư?

Bác Đồ Gàn giữ một im lặng khinh bỉ và kiêu hãnh. Bác tĩnh tọa trên phản mộc, hai tay thủ dưới áo. Y phục tề chỉnh, dáng điệu nghiêm trang. Lạc loài giữa cái xã hội nhỏ nhẻ, bác đã bị tặng nhiều danh hiệu kỳ quặc. Bắt đầu người ta gọi 'Bác Đồ', rồi 'Đồ Cổ', 'Đồ Gàn', 'Đồ Bát sách' dần trạnh sang 'Đồ Bát quái'. Tất cả những chế giễu ấy để bác lạnh lùng. Thâm cảm đạo Thánh hiền, bác giữ lòng trầm tĩnh, đi đường ngay, nói lời thẳng, lo tới sự tề chỉnh trong dáng điệu ngang với sự trong sạch của tâm hồn.

Thấy bác Lý vẫn loay hoay tìm mũi, bác mách:

- Nó ở đằng kia, nơi góc phía trái bác ấy.

Con ruồi sau một lát bay vòng vèo trong không khí, đến đỗ ngay trên đầu gối bác Đồ Gàn. Bác mắng:

- Xa ta ngay, hỡi con vật dơ bẩn!

Nó bò dần lên nách bác, rúc đầu hút vào chỗ nét áo dẫn dùm làm nhòe một đám mực chưa khô hẳn. Bác Đồ bèn than rằng:

- Ta để cho con vật hạ tiện bò trên mình, sao chẳng khỏi lây như nhớp vậy ôi!

Bác đưa năm ngón tay móng dài phe phẩy nhẹ nhàng trước ngực. Con ruồi bay lên, rồi lại đỗ ngay xuống, nó vẽ những đường ngoằn ngoèo bằng vòi và chân ướt trên tà áo trắng tinh.

Bác Đồ Gàn không ngăn được một tiếng kêu ngạc nhiên đau đớn. Hàn Bụng ngả người trên ghế mà cười; hấn cười rúc một tràng dài những tiếng nhỏ trong họng, làm rung rung cái bụng phệ và cả vuông giấy.

Bác Đồ sẽ nói thế nào đây khi chàng họa sĩ về? Than ôi, sự trong trắng, mối kiêu hãnh cuối cùng của bác giữa cái đời ô trọc này, đã bị một vết hoen ố. Bác tưởng như hồn bác cũng bị vậy bẩn. Lòng người hàn sĩ sao mà buồn, mà buồn rười rượi.

Nhưng mà không, bác không thể để ai chê trách được mình. Người ta đã giễu cợt bác nhiều; bác không hề đếm xỉa. Đời đã thế, âu đành 'độc thiện kỳ thân', ai thế nào mặc họ, ta hãy tự lo

lấy mình, nhắm mắt bưng tai thu tròn mình lại, cầu cái tốt cái hay cho riêng mình là đủ. Nhưng bác không thể nào chịu để người ta nghi ngờ sự thanh khiết của mình. Bác sẽ vi phạm cái Luật Lớn của ban tuồng. Bác sẽ nói. Bác sẽ kể căn do những vết hoen trên áo mình. Rồi sau đó, chàng họa sĩ muốn làm gì thì làm; lòng trút được điều thắc mắc, bác sẽ vui lòng cam chịu hình phạt tuy không xứng đáng.

Con ruồi lại rúc vách bên kia. Bác Đồ Gàn lại đưa tay phẩy phẩy. Nó tức mình bay lên đậu ngay vào miệng bác. Bác Đồ kinh hoảng nghe lạnh trên môi. Đồng thời mùi mực nhàn nhạt xông lên mũi. Bác định quát đuổi con vật dơ bẩn, nhưng hai hàm bông cứng như bị cùm. Than ôi, cái miệng đã bị mực gắn chặt, hãm bác trong một cảm lạng nghìn đời. Một nỗi thất vọng mệnh mang xâm chiếm lòng bác.

Có tiếng răng rắc của quả đấm xoay trong cửa. Chàng họa sĩ bước vào. Bọn người tí hon cuống quýt trở lại chỗ, bông nhiên công chờ. Đám công tử cổ nén thở tuy mệt đến đứt hơi. Chú Chết lạch bạch trở về sau quầy hàng, ngồi vắt chân chữ ngũ hút điếu ống về tự mãn. Thằng cu Nhè hít một lần cuối cho hai dòng nước mũi dài vừa ngang cằm. Hàn Bụng xốc lại bụng bày nhây để ngồi gọn trên ghế xích đu. Tên đồ tể chạy đi nhặt dao rồi trở về đứng gò lưng như thẳng chịu tội. Bác Lý sờ mũi một lần cuối để chắc rằng nó đã dính chặt vào mặt.

Duy bác Đồ Gàn vẫn ngồi im lặng. Trông bác thực đáng thương: miệng nhòe nhòe mực, áo vẽ rằn ri. Chàng họa sĩ sẽ nói sao đây? Có lẽ chàng sẽ nổi giận, sẽ chọc thủng bức tranh, sẽ cầu xé, vò nát, vứt vào sọt bẩn. Ôi, bác Đồ Gàn sẵn sàng đành chịu tất cả sấm sét của chủ nhân. Bác ngồi im lặng, cố lấy vẻ trầm tĩnh, cố làm ra can đảm. Nhưng trong khi ấy thì lòng bác nổi cơn giông tố, gây bởi sự công phẫn của nỗi oan tày đình và cảm lạng, nghìn đời cũng không còn mong giải tỏa.

## Người chồng

Buồng sở lục lộ, mọi người đang làm việc. Vài ba người vừa đo, vẽ, vạch trên giấy đồ bản trải rộng gần kín cả mặt bàn vừa trò chuyện râm ran. Từ buồng bên cạnh, thông Cần chạy sang góp chuyện. Chưa vào tới nơi Cần đã tách mép ra cười: anh ta nhăn nhó nhe những cái răng dài vàng ệch, môi trên mỏng thín vén cao để lộ lợi tím bầm. Cần là một miệng lưỡi giấu cọt, mà tất cả những lời nói đều trở sang một giọng đanh độc. Anh ta quen chằm biếm tất cả, làm cho tất cả trở nên lố bịch, gán một biệt hiệu cho mỗi người, và kiếm ra dịp công kích cả những hành vi nhỏ nhặt nhất của kẻ khác.

Anh vớ ống điếu cày, tới ngồi vắt vẻo trên một cái bàn, đập đập miệng điếu cho nảy bật cái mồi thuốc đã lụi. Anh tra mồi thuốc mới, đoạn tụt xuống cúi cúi nhìn quanh làm vẻ tìm tòi. Một người mỉm cười hỏi:

- Tìm gì đấy?

Và Cần đáp:

- Quái! Không có lấy một cái đóm!

Câu đùa đã nhằm chỉ khiến các thầy Thông hơi nhếch mép. Ai cũng biết anh ta muốn giễu thông Bân, người gầy nhom đến mức khô đét, 'có thể dùng làm cây đóm chằm thuốc được'.

Bân gầy ốm thực, gầy như người ta không thể nào gầy hơn, gầy đến nỗi xưa nay thợ nào may

áo cho anh cũng đều may quá rộng. Mặt anh gồ ghề những xương, hai con ngươi lồi nổi hòn đảo trong vòm mắt trũng, nhìn lơ lảo để sợ.

Bân bị giễu, mặt đỏ bừng, rồi tái đi, đôi môi bầm rung lập bập. Anh ta cảm đầu, giả cách làm việc. Vốn tính xung động, lòng Bân nóng sôi liền. Nhưng lại vì nhát, cũng như những lần trước, anh ta nín lặng, chịu nhịn. Đã bao lần như thế, dần dà nổi tức giận chuyển thành một niềm nhẫn nhục chua xót và đè nén.

Hút xong điếu thuốc, Cẩn ngửa mặt, phun mạnh khói thành một luồng rất thẳng lên phía trần nhà, hai mắt lim dim. Người ta biết những khi ấy anh ta đang soạn sẵn một mũi tên hài hước hoặc trêu chọc một nạn nhân nào đó đã chọn. Quả nhiên anh hất hàm hỏi thông Chu:

- Thế nào anh Chu, phu nhân đi nghỉ mát Sầm Sơn đã về chưa hở?

Chu cười lớn và đầu tiên: đó là cách khôn khéo nhất để nghênh tiếp một lời chế giễu. Mọi người cùng cười theo, vui vẻ. Thông Bân ngược nhìn Chu, cũng cười. Miệng anh há ra trong một cái cười lặng lẽ phô hàm răng thô. Anh nhìn người vừa bị giễu, lòng hơi vui thích. Cái nhục vừa chịu, anh thấy vui nhẹ hẳn đi trong lòng hay tự ái vặt của anh. Gần như anh đã tha thứ cho Cẩn bởi hẳn đã cho anh một dịp cười lại người khác như người ta đã cười anh. Bân không hiền lành; trái lại nữa. Nhưng anh nhát, và sẵn sàng về hòa bên mạnh thế để hy sinh nạn nhân.

Chu vui vẻ nói:

- Nhà tôi còn đợi hết mùa nực đã.

Vì lương ít ỏi, Chu không lập nổi gia đình; anh đã phải cho người vợ mới cưới về ở lại nhà cha mẹ ngoài nhà quê làng chài. Cẩn gọi đùa là 'cho đi nghỉ mát Sầm Sơn'.

Bỗng người tùy phái bước vào nói với thông Bân:

- Bẩm thầy cụ gọi.

Bân hơi luống cuống. Việc ông Chánh gọi anh là một việc hãn hữu. Anh là một kẻ giúp việc tối tăm, không có gì trội để làm cho chủ để ý. Anh vốn tính lừng khờ, thiên về sự lười biếng; nếu anh có làm hết bổn phận, là bởi sợ những trừng phạt. Tâm trạng anh luôn luôn bị một nỗi lo lắng mơ hồ kích thích.

Anh hỏi lại người tùy phái:

- Cụ gọi tôi thực à?

Anh xóc lại cổ áo, vuốt hai ống tay cho bớt nhăn dùng ngón tay chải qua tóc, rồi tắt tười bước, lòng phân vân cố đoán có việc gì.

Tới trước cửa buồng ông Chánh, anh ngừng lại một giây, đoạn gõ ba tiếng se se. Tiếng ở trong ném ra, hơi quạu: 'Cứ vào!'.

Anh bước vào, sẽ sàng đóng cửa lại, cúi chào rất thấp trong một cử động nhanh nhẹn, rồi rón rén bước tới. Ông Chánh vẫn ngồi viết. Không khí trong phòng mát quá, gây cảm giác lạnh rợn trên da mặt. Bàn ghế trơn tru sạch sẽ, chóing lộn dưới màu véc ni sẫm, không biết tại sao,

làm tăng trong anh niềm lo lắng. Anh khẽ ho một tiếng, tay chấp trước mình đứng đợi.

Ông Chánh vẫn cúi mặt; anh chỉ thấy hai làn lông mày rậm của ông. Anh tưởng tượng ra hai bụi lông mày rậm ấy là hai con mắt nghiêm khắc.

Tiếng quạt kéo đập gió đều đều đánh nhịp cho cái im lặng của gian phòng. Góc đằng kia, thằng bé ngồi kéo quạt, vẻ bình thản. Ý chừng mỗi tay, nó ngoắc vòng dây vào ngón chân cái mà kéo, người hơi ngửa ra sau để ngậm vớ vai. Bỗng dưng Bân đâm thềm thuồng địa vị của nó.

Ông Chánh ngừng đầu, 'a' một tiếng sế. Ông vớ tay lấy tập hồ sơ nơi góc bàn, trao cho anh một tờ giấy, hỏi:

- Thế này là nghĩa làm sao?

Anh đọc qua tờ công văn ngắn, và toát mồ hôi trán. Một cái sơ suất của anh đã bị tòa Công chính Huế vạch ra, người ta đòi cắt nghĩa.

Anh liền lấy bộ mặt thiếu não để gọi lòng thương. Anh nói áp úng:

- Vâng vâng... thưa ông... tôi quên.

Anh trứ lên không giảng giải được. Thấy anh lúng túng giữa những tiếng nhát gừng, ông Chánh, ý chừng đang lúc vui nên muốn tỏ ra rộng lượng, bèn bảo:

- Thôi, để đó tôi liệu. Anh đánh máy lại cho tôi cái bản dự tính giá làm, mà lần này nhớ đánh cho đúng, nghe chưa?

Anh đáp hai lần:

- Ủy xừ, ủy xừ1.

Anh cúi chào rồi lật đặt bước ra, vô cùng cảm kích vì thái độ khoan dung của ông chủ vốn nghiêm.

Tim anh đập mạnh, lúc này vì sợ, bây giờ vì mừng. Anh muốn kể cho anh em đồng sự nghe câu chuyện vừa rồi, hơi kiêu hãnh vì lòng tốt của ông Chánh đối với mình. Anh khơi mào để gọi chú ý của anh em:

- Hú vía! Mình phạm cái lỗi to quá mà may cụ không nói gì...

\*\*\*

Khi giờ tan buổi sắp đánh, các thầy Thông đã sẵn sàng cả để về. Họ đặt giấy tờ sổ sách lại ngay ngắn, cất dao, bút vào ngăn kéo, đoạn ngồi gõ nhịp, hoặc nói chuyện với nhau rầm rì.

Bân trở về nhà trên chiếc xe đạp khố. Hễ anh đạp một vòng, nó lại nhọn giọng kêu 'kít'.

Vợ anh ra mở cửa, hơi ngạc nhiên hỏi:

- Về sớm thế à?

- Sớm gì! Vẫn như mọi hôm.

Vì nhà không có đồng hồ, thường chị vợ phải lắng tai nghe chuông đồng hồ nhà thờ để biết giờ mà làm công việc. Bàn thêm:

- Cơm chưa thổi hẳn?

- Tôi vừa bắc nồi bây giờ. Gió to quá, nghe chuông nhà thờ tiếng được tiếng mất, chẳng biết trưa hay chiều nữa.

Bên không bằng lòng. Như khi khác, anh đã cần nhằn vợ, theo thói quen. Nhưng hôm nay anh còn xúc động vì sự tha thứ của ông chủ. Anh bèn lẳng lặng đi cất xe, cởi áo. Đoạn tự để lằn ỉnh trên giường như cách đã đỏi đến mệt lả, anh giục:

- Thôi, đi soạn cơm, mau!

Nằm một lát, cơn xúc động đã qua đi, anh lại nhớ tới bộ răng dài vàng ệch dưới lằn lợi tím cùng với câu nói châm chọc chế giễu của thông Cần. Bụng anh quặn lên chẳng rõ vì tức hay vì đỏi. Mỗi xung động thói thường lại làm đầu anh nóng ran. Tiếng bát đĩa lách cách dội vào chỉ khiến anh thêm tức bực. Bỗng nhiên anh trỗi dậy, đi đi lại lại.

Anh tới hút một điếu thuốc lào. Thấy hơi đắng nơi đầu lưỡi, anh vứt mạnh xe điếu, gọi vợ lên hỏi:

- Đưa nào trét cái gì ở đầu xe thế này? Mà trông cái bát điếu cái sạch chưa!

Vợ đáp.

- Sáng nay con ở nó mắc đi giặt chiếu. Để chiều rồi tôi bảo nó lau.

Người vợ đã quen với tính hạch sách của chồng. Vốn nhỏ nhen, Bên có thói hay kiểm chuyện ở những cứ cón con như vậy. Đôi giày chưa lau, cái mạng nhện nơi góc tường, một gói thuốc lào anh dặn mà vợ quên mua, đĩa món ăn không làm anh vừa ý, đều là những dịp cho anh nổi nóng.

Nghe vợ đáp, Bên quát:

- Thế mình ở nhà làm gì?

Anh nhỏ nước bọt luôn hai lần, cốt để biểu lộ cái khó chịu mình vừa bị ở vị giác.

Chị vợ đáp chậm rãi:

- Tôi đi chợ.

- Đi chợ cả buổi sáng! Cái thứ đàn bà chúng bay, đi đâu cũng la cà!

Dáng điệu Bên trở nên hùng hổ. Một chút nước bọt sùi ra, vương ở khóe miệng. Mắt anh trợn lên, trắng dã. Người ta không nhận lại được cái anh thư ký khộm rơm hỏi sáng nữa.

Sự thay đổi nơi chốn đã gây nên sự thay đổi tính tình. Trên sở Bàn nhân nhượng và nhút nhát bao nhiêu, thì ở nhà anh hung hăng, hà hiếp từng ấy. Cuộc biến chuyển trong tâm lý rất bất ngờ, rất đột ngột. Giữa những bức tường bàn giấy quét màu vàng sáng, anh thở một không khí lạ lẫm; nền gạch hoa trơn bóng quá ư sạch sẽ, mùi giấy thơm và mực nhạt, sự gần gũi một vài đồng nghiệp có tính châm biếm, nhất là lão thông Cần lợi tím và răng dài vàng ệch, nét mặt nghiêm khắc của ông chủ với đôi lông mày rậm rì, tiếng giày chủ thỉnh thoảng nện cộp cộp, tất cả từng ấy thứ góp nhau lại để gây trong anh một nỗi khó chịu, tuy mơ hồ nhưng liên miên, làm cho tất cả con người anh mềm nhũn, nhút nhát, sợ sệt, lo lắng. Nhưng khi bước chân về nhà, khi ngửi thấy mùi quen thuộc của những bức tường loang lổ hăng vôi và của nền đất ẩm, khi nhìn lại những đồ đạc tầm thường, dềnh dẹo trong phòng, vật sở hữu của anh, được sắp đặt trong cái trật tự do ý anh định, thì con người anh bỗng nở bùng; hơi thở nhẹ nhõm hẳn đi; anh thấy rằng mình là chủ, anh biết mình có thể làm tất cả mọi thứ, nói bất cứ gì, và có thể mở toang cửa cho những cơn tức giận, càng dữ dội bởi đã bị đè nén.

Vợ anh là một chị nhà quê hiền lành. Bỗng nhiên được nâng lên địa vị một cô Thông, chị có kiêu hãnh và lo giữ được xứng cái chức phận mới. Vốn hồn hậu, chị giữ rất bình tĩnh trước sự thịnh nộ của chồng, đến nỗi đôi khi Bàn tưởng vợ lạnh lùng.

Người đàn ông gầy khom kia, bị ức hiếp ở sở, ư ả ức hiếp lại vợ mình. Anh rất biết như vậy là hèn hạ, nhưng không ngăn được cơn xung động. Anh có một tính tình chuyên chế, và tìm thấy vui thích trong sự hành hạ vợ. Thái độ thụ động của vợ chỉ làm tăng cơn hung hăng của Bàn; chị ta càng im lặng, anh ta càng làm dữ, bởi biết chắc sẽ không bị trả miếng.

Con ở bưng cơm lên. Bàn kéo rất mạnh ghế - anh thường có những cử động phờng tuồng như vậy cốt để biểu thị sự tức giận của mình - đoạn ngồi vào bàn ăn. Liếc qua trong mâm, anh hỏi:

- Sao lại chỉ có một bát với một đôi đũa?

Con ở đáp:

- Bẩm cậu, mợ nói mệt không muốn ăn.

Bàn đột nhiên lo lắng. Anh nói:

- Vừa mới đứng sù sụ ra đây mà mệt gì! Mợ đâu?

- Bẩm, mợ nằm trong buồng.

Anh gọi to:

- Minh ra ăn cơm ngay! Để người ta còn nghỉ trưa nữa chứ!

Trong buồng im lặng.

Bàn bèn kéo ghế thật mạnh cho cào sệt trên đất, xăm xăm đi vào. Người vợ nằm co, tay gối đầu, mặt quay vào tường. Anh đứng chống nạnh, bảo:

- Có ra ăn mau không? Mệt làm sao?

Vợ đáp, giọng ngán ngùi của kẻ dối:

- Tôi hơi nhức đầu. Mình ăn đi.

Chồng đứng phân vân. Nộ khí đã tan đi đầu mất. Thái độ của người vợ vốn hồn hậu thật bất ngờ, làm cho anh bối rối.

Anh định bỏ ra ăn cơm. Nhưng cho như thế là chịu thua, anh bèn nói lớn:

- Ngồi dậy ngay! Ông đánh cho cái tát bây giờ.

Người vợ bỗng trỗi dậy. Vừa sửa lại khăn, chị vừa thở hồng hộc như cách vừa làm việc gì mệt nhọc. Rồi bỗng chị nổ bật:

- Mình hà hiếp tôi vừa vừa chứ. Tôi mệt tôi nằm việc gì mình dọa tát tôi? Tôi có phải con mèo con chó đâu mà mình muốn làm gì thì làm? Tôi chịu khổ đã hai năm trời rồi, tôi không thể chịu được nữa. Mình không ưng ở với tôi nữa, thì cho giấy tờ để tôi về với bố mẹ tôi. Chứ cứ nay mắng, mai chửi, ăn không ngon thì vứt bát vứt đĩa, ngủ không được thì quát tháo rầm nhà để cho người khác cũng không thể nhắm mắt, mình làm tình làm tội tôi quá một con ở! Khốn nạn thân tôi không trời ơi là trời!

Chị nói một thôi, làm Bân sững sờ. Đang chống nạnh, anh buông thõng tay, anh chỉ còn là một cái bong bóng xì hơi.

Chị Bân khươ chân lẩy guốc, đến ngồi trên một cái ghế nơi góc buồng, vợ quạt phát mạnh phành phạch; đoạn chị ngừng tay ngồi thở, thỉnh thoảng 'khịt khịt' từ lỗ mũi, tỏ vẻ tức giận đến cực điểm. Chị bặm chặt môi, mắt nhìn trần trần dưới đất. Có lẽ chính chị cũng hơi ngạc nhiên về sự bùng nổ vừa rồi.

Chị có hơi nhức đầu thật, nhưng đó là một cơn nhỏ. Người đàn bà có những trái chứng thật bất ngờ. Vốn tính thâm trầm, họ chịu nhận tất cả những hiếp đáp, những khổ nhục; nhưng bỗng một hôm, vào lúc không ngờ nhất, cũng không cần một hoàn cảnh đặc biệt nào kích thích, họ trả miếng lại cách dữ dội, tưởng như xưa nay họ vẫn hàng để tâm thu góp những oán hờn để chờ ngày kích phát.

Bân đứng đờ nhìn vợ. Mặt chị Bân đỏ hồng, ngực béo thở phập phồng. Người đàn ông thấy một cái gì mới thoáng qua tâm can.

Chị Bân vốn béo tốt; má chị phúng phính, cánh tay tròn lẳn, ngực và hông nở nang. Sức khỏe hồng hào của chị gây một mối ghen tị trong người chồng ốm yếu. Bân thường ho sù sụ, thỉnh thoảng bị một cơn ốm vặt xuống nằm liệt giường, thân thể gầy guộc đến nỗi cử động rời rạc như thể xương không ăn khớp với nhau nữa; anh vẫn tự thấy mình hèn kém đối với vợ; điều đó làm anh gần như tức bực và có khi anh mong vợ ốm yếu như mình. Anh thường ưà rửa cái béo tốt của vợ. Khi chị ta không làm nhanh như ý anh muốn, Bân mắng: 'Sù sụ một cục chả được cái tích sự gì!'; anh quen gọi chị là 'con lợn sề' và quen nói cần nhắc: 'Béo cho lắm mà ăn hại cơm, mà cười híp mắt, mà đồng đánh, mà đi theo trai!'

Nhưng hôm nay, người đàn bà bỗng có một diện mạo mới, chưa từng thấy. Sự giận dữ truyền cho chị Bân một vẻ uy nghi, dũng cảm. Mặt chị mở to, má còn hồng trong hơi nóng của nộ khí, môi dày và đỏ hơi bùi bùi, có vẻ vừa khinh bỉ, vừa khiêu khích. Người chồng thấy nẩy nở trong lòng một tình cảm mới gần như sự kính nể. Anh ta cảm thấy trước mình sẽ chịu phục tùng vợ, như bao lâu nay anh đã cam chịu phục tùng ông Chánh và bọn đồng nghiệp trên sở làm.



## Nhà xác

Cuối khu nhà thương tỉnh ở góc rào phía tây có một ngôi nhà nhỏ. Cổng để mở ngày đêm, cửa há hoác cho nhìn thẳng vào trong. Trong nhà trơn trụi, không có gì, trừ một cái bệ hình chữ nhật nằm dọc chính giữa nền. Tường quét vôi vàng, ban đêm ánh đèn điện gây nên một bầu không khí hồng dịu như trong một tổ yêu đương của cặp vợ chồng mới.

Nhưng màu hồng dịu ấm cúng đó chỉ là một lời lừa độc, bởi giữa những bức tường, chất chứa một niềm lạnh lẽo bi ai, và lẫn quất hơi âm rùng rợn. Bởi nhà đó là nhà xác. Đó là nơi quan của bao nhiêu thi thể tàn tật, đã bị bệnh não cấu xé, ray rứt từng miếng thịt hay cào đục cả bộ phổi lá gan, trạm nghỉ của những linh hồn vừa được giải thoát sau một cuộc đằn vặt đau đớn và nhiều khi dầy dụa.

Xa trong kia là nhà điều trị bệnh hoa liễu. Nhà xác chiếm một góc biệt lập, nhưng cứ chiều chiều, bọn gái đi đang chữa bệnh lần ra đứng ngó nơi cổng hậu ngay cạnh đấy. áo cộc tay để lộ da thịt béo tròn, môi dày vẫn tô đỏ chót, họ đùa chọc khách qua đường và mua những thứ quà rẻ, khoai chuối, chè xanh. Người ta kể rằng đêm đêm họ thường trèo tường lên ra, bán dâm cho một số đàn ông nhiều thèm muốn hơn là nhiều xu.

Năm 193... lòng mang nhiều tuyệt vọng cay đắng, tôi thường lảng vảng chốn này. Bởi một hấp lực ma quái âm u, tôi ưa lui tới nhà xác, để được đắm trong không khí thân thuộc của sự chết, và nghe phảng phất hơi lạnh rợn tia từ những thân thể cứng đờ.

Xác chết phần nhiều vô thừa nhận. Tụ hội nơi đây, một lần cuối, những kẻ ăn mày ghẻ lở, mù già lang thang cảnh sát bắt được nằm co quắp dưới sương khuya, đưa du đặng nhẩy tàu trốn vé bị đập đầu vỡ óc, thằng bé con chết đuối vớt ngoài sông đào đục ngầu chảy ven tỉnh. Cái chết với họ đã là một sự giải thoát. Trên mặt hom hem, nét méu của đau đớn còn ghi lại. Đôi người giữ trên môi một cái cười gằn dữ tợn. Có kẻ trưng một bộ mặt dọa dẫm, miệng nhô cách khiêu khích. Phần nhiều trông thiếu não, với những chân tay que củi, những manh quần áo rách tươm để lộ ngực toàn những xương sườn.

Đôi khi, sau một chuyến tàu tới, người ta khiêng vào một kẻ bị nạn, chân bị nghiền nát bét chỉ còn là một cục nhầy nhựa đỏ và trắng, sọ vỡ để thoát chất óc lèo nhèo.

Duy có một lần, tôi trông thấy trên bệ một khuôn mặt trẻ con bình tĩnh. Thằng bé nằm như ngủ, da mặt trắng trẻo, thon và khô ngô. Nó mặc một cái áo dài đen, một cái quần khá trắng. Lông mi rất dài và rất đen tỏa bóng xuống mắt. Tôi lấy làm lạ vì không có kẻ thân nào túc trực cạnh nó. Cạnh bệ, thấy còn để một cái mũ, và một tay nải nhỏ màu nâu, đọi giời thiêu hủy. Thằng bé là con nhà ai, và vì cơ sự nào đã rơi rụng chốn này? Mang tay nải lang thang, có phải nó đi tìm mẹ? Hay vì nó ở với một ông chú khắc nghiệt, nó đã bỏ ra đi?

Tôi đến gần, và bỗng giật mình. Một mắt của nó, mắt bên trái, hé mở lờ mờ nhìn tôi. Lúc này, vì đứng xa và ngang tầm đầu thằng bé, tôi không nhận thấy điều đó. Đột nhiên nhìn thấy con mắt mở, tôi tưởng như, cảm biết tôi đến gần, nó đã giương một con mắt chết để nhìn tôi. Con mắt nhìn tôi lặng lẽ, rất buồn rầu bởi bóng hàng mi dài và rậm. Người ta chỉ thấy một lát mỏng của

con người đen. Thằng bé nhìn tôi, môi cong ngậy thơ hơi bùi bùi. Trong chốc lát, tôi tưởng nó sẽ mở miệng nói với tôi những lời chắc hẳn buồn vô hạn. Con mắt đục nhất lẽ đời nhìn tôi.

Tôi xáp gần hơn nữa, nhẹ đưa tay vuốt làn mi thằng bé. Con mắt như ửng thuận, nhắm lại, nhưng rồi chỉ vài ba giây sau, hàng mi lại nhướn dần, nhướn dần rất nhẹ, và con mắt lại lẽ đời nhìn tôi, rất buồn rầu...

Thường mỗi sáng, nhận giấy báo, một người lính đem hai người phạm dẫn một cái xe bò vào cổng nhà xác. Họ lấy đi quan tài do nhà thương phát, bỏ cái xác vô thừa nhận vào, rồi chờ trên xe cải tiến về phía nghĩa địa Tập phúc. Họ làm công việc ấy cách vô tình nên tàn nhẫn. Người chết bị xang đưa nhồi lắ, chắc hẳn có khi quy gối hay cụp đầu mà tụt hẳn về một phía bởi quan tài nghiêng dữ quá: rồi tiếp tới cuộc hình phạt dài khi cái xe bánh gỗ vừa lăn vừa nhảy lộc cộc trên con đường đá gồ ghề...

Ngày đầu, người lính ngạc nhiên nhìn tôi. Rồi chúng tôi bắt quen nhau, như hai người khách bắt quen vì năng gặp nhau cùng trong một tửu điểm. Và một hôm, trong khi trông coi phạm làm việc, tay cầm chiếc roi nhỏ, bác kể cho tôi một chuyện ghê gớm, mà tôi thuật lại dưới đây.

\*\*\*

'Bữa ấy, tôi nhận phần việc đi chôn một mụ ăn mày, chết hồi đêm tại nhà thương. Theo thói thường, tôi đứng xa xa, để mặc cho hai tên phạm đi lấy xác nhập quan. Mới khoảng chín giờ sáng mà trời bức tối lạ. Mây kéo đen một góc trời. Tôi biết trước cơn giông sắp tới.

Tôi bèn giục hai tên phạm đẩy xe chạy: tôi rảo bước theo sau. Đi chưa được nửa đường, mưa đổ xuống; một trận mưa rất dữ dội, chỉ một lát sau, con đường đã thành dòng suối đổ ngẫu. Chúng tôi vẫn cố chạy: nhưng sau, mưa to quá vuốt mặt không kịp, tôi bảo dừng lại trú cạnh một cây bàng lớn. Tuy bị nước rỏ từ cành lá xuống nón xuống vai lộ bộ, chúng tôi cho còn dễ chịu hơn là tắm mưa ngoài kia. Nhưng mụ chủ cái quán dựng sau cây bàng đã đứng chỗ mồm hét mà đuổi chúng tôi quày quạy. Tôi không chịu đi. Mụ không biết làm sao, bèn chắp hai tay vái lia lia, xin chúng tôi đi đi cho, đừng để xác chết ám trước cửa hàng mụ. Nghĩ thương tình, tôi lại bảo hai tên phạm đẩy xe chạy một mạch cho đến nhà hội Tập phúc, rồi chúng tôi trú dưới mái hiên. Quan tài làm bằng gỗ xấu lại đóng cẩu thả: gặp nước mưa, ván cong lên, khe hở hoác ra. Nước chảy từ ván ròng ròng, một thứ nước vàng đục. Trong hai tên phạm có một đứa trông thật dữ tợn, chúng tôi quen gọi là thằng Hùm, hoặc Hùm Xám. Hắn nói đùa:

- Coi, mớ con mẹ chảy ra đó. Hứng lấy thấp đèn được.

Mưa ngớt dần. Tên phạm thứ hai bỗng nói:

- Có ai rên ở đâu đây.

Thằng Hùm bô bô:

- Con mẹ chứ ai nữa!

Hắn nói chơi để dọa, không ngờ lại là chuyện thực. Chúng tôi nhận qua tiếng rên rĩ đưa từ trong áo quan ra, yếu ớt và đứt đoạn. Chắc hẳn người chết gặp nước lạnh giội đã sống lại. Tôi còn chưa biết làm thế nào thì thằng Hùm nói oang oang:

- Bắt chúng ông xe trở lại nhà thương thì chúng ông chả chơi!

Suy nghĩ một chốc, tôi cũng cho không nên chờ mụ ăn mỳ trở về: mụ sống lại cũng chỉ được vài giờ là cùng. Nhưng tiếng rên rĩ cũng làm rối óc tôi.

Tiếng rên dứt. Tôi thăm mong trong bụng: 'Lạy trời nó chết!'. Nhưng chỉ một giây sau, lại nghe tiếng mụ cào ván.

Thằng Hùm nhặt một cái cọc tre, dùng hàm răng sắt của hấn tước cho hơi nhọn một đầu rồi lèn đoạn nhọn cố thọc vào một khe hở của quan tài. Đoạn hấn đè ngang cái cọc nẩy tằm ván lên. Hấn mở thành một khe hở khá rộng, ghé mắt nhìn. Bỗng hấn hắt ngửa đầu ra sau. Chúng tôi kinh ngạc thấy ba đầu ngón tay nhẵn nheo run run rờ rẫm chuôi ra ngoài quan tài. Thằng Hùm vội rút cái cọc. Khe hở khép lại, mép gỗ cắn lấy ngón tay người nằm trong. Ba ngón tay run rẩy rất khế, rồi dần dần đổ xuống yên lặng trong khi tiếng rên rĩ lại nổi lên.

Tôi không giữ được bình tĩnh nữa. Tôi vội hét thằng Hùm:

- Dun tay người ta xuống!

Hấn cầm cái cọc tre thọc thọc vào ba ngón tay.

Tôi lại hét, gần như hoảng hốt:

- Thôi, đem chôn! Đem chôn ngay!

Hai tên phạm khiêng quan tài ra nghĩa địa, tuy trời vẫn còn mưa. Chúng chạy nhanh, nhồi lấc chiếc áo quan rất dữ, làm cho nước lợc bọc trong ấy.

Chúng đào hố rất khổ công. Xéng vừa xúc được một cục đất thì nước lại tràn ngay vào chỗ trũng mới. Đào xong, chỉ thấy trước mặt một vũng nước vàng đục lộn cợn váng. Hai tên phạm vớt bừa quan tài xuống đó, đoạn cúi xuống cố sức dim. Nước tuôn vào trong quan tài do những kẽ hở, kêu lóc bóc lóc bóc. Khi nước vào đã nhiều, quan tài chìm xuống, những bong bóng không khí trào lên vỡ búng búng. Tôi giúp hai tên phạm đổ đất lên trên.

Khi về, thằng Hùm nói:

- Lắng tai mà nghe khi ta dim áo quan; có tiếng con mẹ uống nước ừng ực.

Cõ lẽ hấn nói thật; nhưng tôi cố không tin, bởi điều đó ghê rợn quá!

## Những nỗi lòng

Chúng tôi ba đứa, cùng theo học năm thứ ba Thành chung trong tỉnh. Hai năm sống giữa thành thị đã nhanh chóng gạt bỏ của chúng tôi, sản xuất bởi những trường phủ huyện, cái dáng nhà quê ngơ ngác. Ba cái đầu húi móng lừa, lấm tẩm điểm sọc tròn bây giờ đã chải rẽ tinh tươm và xức dầu thơm rẽ tiền. Thứ quần ống cao và hẹp bằng vải thô của chị hoặc mẹ dẹt cặm cùi thâu đêm trong khung cửi sài cũng đã qua thời; nó để lòi cẳng chân khẳng khiu không lịch sự; với lại khi ngồi, ống quần chặt bị đầu gối ấn mạnh u lên một cục khó coi. Bây giờ chúng tôi diện quần chúc bầu trắng buông dài tận gót, thỉnh thoảng đưa thợ giặt là hấn hỏi. Có anh ghi chép của Lamartine, Musset (1) từng đoạn văn dài của sổ tay, lại còn thử dịch để

mài giữa ngòi bút chuẩn bị viết thư tình. Có anh trau dồi khoa chiêm biếm trào lộng bằng cách đem tất cả mọi thứ, mọi người ra làm đầu đề giấu cọt. Những tiếng lóng bắt đầu nhập tịch ngôn ngữ của chúng tôi. Mỗi chiều thứ bảy, ba đứa dắt nhau dạo nghênh ngang ngoài phố. Các nữ sinh trong tỉnh đều được thuộc mặt, thuộc tên, thuộc đến cả số nhà.

---

## 1. Những nhà thơ cổ điển lãng mạn Pháp.

---

'Nhị Kiều' ở cạnh nhà chúng tôi trọ; đó là hai chị em. Cô chị, có lẽ đến ba mươi, răng đen, má gầy, quần áo màu thâm ẩm đạm; cô em chừng mười sáu, mười bảy, lẳn béo nhưng da xanh, đôi môi dày bòn bợt, ăn mặc cũng toàn đen. Mặt hai người cùng ủ ê một nỗi buồn, không phải thứ buồn mơ mộng và kiêu cách của những cô gái làm dáng, mà thứ buồn xù xịu, lặng câm, cách biệt, dễ gây ác cảm và làm cho già xấu. Miệng họ mím bùm bùm như sắp mếu, mắt nhìn xuống đất. Họ sống trong bóng mờ của căn nhà thấp bé và ẩm ướt, nom xanh xao ẻo lả như những cây mềm thiếu ánh sáng, thiếu khí trời. Họ ít ra ngoài; việc chợ búa do một vú già trông nom. Cô chị hay đứng tựa cửa chỉ để mở hé. Cô em có thói quen quán hai bàn tay trong hai mép tà áo dài, như sợ lạnh; có lẽ đó chỉ là cử chỉ của một kẻ e dè.

Từ trên gác trọ, cái gác khỏ mà mái thấp tè hành hạ đầu người ở, chúng tôi thường trông thấy hai chị em, khi họ làm việc ở sân sau. Chắc hẳn vì trong nhà tối quá, họ dọn xa quay ra sân sau. Họ chuyên nghề đánh suốt đánh ống, và hình như chỉ sống bằng nghề đó. Tiếng rè rè của chiếc xa quay thô sơ tưởng như tiếng rền dài của niêm u uất ủ trong bóng mờ ẩm căn nhà. Khi chiếc ống đã đầy, họ ngừng tay, xoắn múi chỉ, đoạn hơi nghiêng mình, họ với tay ném ống vào hộp sắt tây lớn. Nếu ném trật ra ngoài, họ tuyệt nhiên không tỏ một tí về gì bực bội, cũng không có một cử chỉ nhỏ nóng nảy; họ chỉ uể oải đứng lên, vượt phía sau cái quần vải hoặc lụa thâm theo thói quen, đi nhặt ống bỏ vào hộp, đoạn trở lại ngòi, và tiếng rè rè lại tiếp tục.

Vừa dọn tới trọ ít hôm, chúng tôi đã có ác cảm với hai người con gái lảng giềng câm lặng ấy. Một mối ác cảm đột nhiên, vô lý đến bất công, nhưng một ác cảm thực có và sâu xa. Tuổi mười bảy chúng tôi, tràn trề nhựa sống, không thể chịu đựng được vẻ buồn bã gằn như lì lợm của hai người con gái già trước tuổi ấy. Suy cho cùng, biết đâu nguyên nhân thâm kín nhất chẳng là vì chúng tôi bị chạm tự ái; họ hầu như không hề biết, không hề đếm xỉa đến sự có mặt trên đời của ba anh chàng trai trẻ chúng tôi, xé ngay trên đầu họ. Từ lúc nào không biết và cũng chẳng cần ai bảo ai, ba chúng tôi đâm ghét họ, gằn như nổi giận với họ.

Nhập trường được chừng nửa tháng, một anh học trò tới trọ chung với chúng tôi. Đó là cháu họ xa gọi bà chủ trọ bằng thím; y vừa bắt đầu năm thứ hai, trước y theo học ở một tỉnh xa.

Chúng tôi nhìn y dọn đến, vẻ hơi lạnh lùng, nhưng thực ra tò mò. Y còn nhà quê quá; áo lương ngắn cũn cỡn, ống hẹp chịt lấy cổ tay để lòi gằn nửa gang ống áo cánh. Dọn xong y cứ ngồi chồm hồm, tần mẩn soạn thứ tự lại trong chiếc rương con sơn đỏ, đặt ngay ngắn cái thước cạnh cái bút chì, dẹp lọ dầu Nhị Thiên Đường vào góc ngăn, lấy móng tay cào cào vết hoen trên chiếc ảnh 'bà đầm' dán giữa mặt trong nắp rương.

Cậu Nguyễn lên giọng đàn anh hỏi:

- Này, tên gì đấy?

Y nhỏ nhẻ đáp:

- Thưa anh, em tên là Nguyễn Văn Bồng.

Nguyễn giờ ngay lối đùa nghịch:

- A, bồng, bồng (1), Nguyễn Văn Bồng. Tang bồng phỉ chí. Nghe đây, toa (2) mới đến ở, chắc chưa hiểu luật lệ ở đây. Tụi moa (3) hạn cho một tháng, toa phải làm quen và chinh phục cho được 'nhị Kiều'.

- 
1. Tốt, tốt (tiếng Pháp).
  2. Cậu.
  3. Tớ.

---

Ba chúng tôi cười âm. Tôi nói:

- Một cũng đủ, hai có lẽ hơi nhiều. Đẳng nhỏ ấy thôi.

Thực tiếp vào:

- Đúng thế, chứ đẳng lớn có thể làm chị cả chúng mình được, nước non gì nữa.

Bồng giương mắt nhìn chúng tôi, ngỡ ngác.

Nguyễn bảo:

- Toa không hiểu? Bọn mình không phải điên đâu, lạ Phật. Không hiểu thì moa giảng cho nghe.

Anh nắm cánh tay Bồng dắt đến cạnh cửa sổ, chỉ xuống sân sau nhà 'nhị Kiều', bảo:

- Nhìn.

Bồng cúi nhìn, vẫn chưa có vẻ hiểu ra. Anh ta quay về phía Nguyễn mà cười một cách ngờ nghệch. Khi đứng thẳng dậy, thế nào lại húc đầu ngay vào xà nhà. Anh ta bèn đến ngồi trên rương, quay mặt vào phía tường, đưa ống tay áo lên quệt ngang mắt.

Nhưng rồi chúng tôi để anh ta yên. Bồng sống riêng biệt, học lằm nhằm, ăn nhỏ nhẻ và ít, cử động sẽ sàng như sợ chạm phải đồ vật, lạng lẽ nhìn chúng tôi đùa nghịch bằng con mắt gằn như kính phục. Anh ta tự thu nhỏ mình, ở bàn ăn dậy lúc nào không ai biết, lên giường ngủ lúc nào không ai hay. Thế rồi chúng tôi không để ý đến anh ta nữa, coi như không có hoặc chỉ như cái bóng chấp chờn.

Chỉ có một hôm, khá lâu sau, Nguyễn sực nhớ lại chuyện đùa nghịch cũ:

- Thế nào, Nguyễn Văn Bồng? Cái hạn hết đã lâu rồi.

Bồng nhìn Nguyễn với vẻ ngỡ ngàng. Nguyễn tiếp:

- Đám 'nhị Kiều' ấy. Cuộc chinh phục tiến hành đến đâu rồi?

Chúng tôi thấy Bồng hơi tái mặt; mi mắt anh đập mau. Bồng nói giọng nhát gừng:

- Các anh... cứ chế... Em chẳng biết.

Rồi cậu ta khoanh một cánh tay trên bàn, gục giầu mặt trong đó. Nhưng biết rằng dù rúc mặt như vậy cũng chẳng né tránh được sự trêu chọc của ba chúng tôi, anh ta vùng bỏ chạy xuống gác.

Chiều hôm ấy, khi đi đến trường chúng tôi bàn tán về cái thái độ lạ lùng của anh ta.

Nguyễn nói:

- Rõ ràng thái độ một anh si tình.

Thực muốn tỏ giỏi khoa tâm lý vì vừa đọc một vài cuốn tiểu thuyết Tây gì đó, chêm vào:

- Một anh amoureux transi (1).

Tôi cũng phải nói câu gì để tỏ không thua kém Thực về mặt hiểu biết lòng người:

- Ai dám chắc mối tình, nếu có thực, đã không hề được đáp ứng? Các cậu có chú ý thấy dạo này cô 'Kiều' em thỉnh thoảng đã biết ngược mắt nhìn trộm lên phía cửa sổ chúng mình không?

Nguyễn chợt nghĩ ra:

- ừ nhỉ. Mình thì cũng đã bắt gặp vài lần thằng cha Bồng ngồi trên này vẫn vờ nhìn xuống, mắt đúng là có vẻ mơ màng. Khéo anh chị đã có tình ý với nhau rồi mà chúng mình không biết. Gớm thật!

Thực đặt bài toán:

- Giả thiết một mối tình transi (2) cộng một mối tình transi cuối cùng nó égal (3) cái gì hả các cậu?

-----

1. Anh si tình 'tê công' (e dè, câm lặng) (tiếng Pháp).
2. Tê công (tiếng Pháp).
3. Bằng (tiếng Pháp).

-----

Nguyễn liền tuyên bố, giọng không để cho ai cãi lại:

- Egal một tấn hài kịch! Chúng mình sẽ được dịp cười. Thử thí nghiệm xem sao nhé.

Và ba chúng tôi chụm đầu vào nhau bàn kế.

Ngay xẩm tối hôm ấy, chúng tôi gõ cửa nhà 'nhị Kiều'. Cô chị ra mở, thấy chúng tôi thì vừa ngỡ ngàng vừa luống cuống đến sững sờ. Thực nói:

- Xin chào chị. Chúng tôi có việc muốn gặp cô em.

Cô chị liền rào bước vào phía nhà trong, lần đầu tiên chúng tôi thấy chị bước nhanh đến thế, như trốn chạy. Tiếng chị từ phía đó vọng ra:

- Năm ơi! Năm! Có người hỏi.

Lần đầu tiên chúng tôi biết tên cô em, cái tên nhũn nhặn và buồn xịu như người.

Năm bước ra. Nhác thấy ba đưa chúng tôi, cô đứng sững, tựa hồ có một sức mạnh vô hình nào đã chặn ngang ngực cô giữ lại. Hai bàn tay cô quấn chặt vào hai mép tà áo dài thâm. Chúng tôi phải tiến gần thêm nữa. Nguyễn lên tiếng:

- Thừa cô, chúng tôi sang đây để làm một nhiệm vụ mà một người bạn đã ủy thác cho. Một người bạn thân: anh Bồng, cô biết đấy, người cùng trọ với chúng tôi.

Năm không đáp gì, đôi mắt to trở nhìn, nom như hơi lồi.

Thực tiếp vào, nói bằng giọng chậm rãi những lời hoa mỹ anh đã soạn sẵn:

- Bạn chúng tôi đã sống những ngày sâu thẳm, quằn quại trong một cái bệnh vừa êm dịu vừa ác hại: cái bệnh tương tư! (Chúng tôi cố nhin cười). Không cần phải nói, cô cũng đã đoán biết bạn đau khổ vì ai... Sau cùng không nén được nổi lòng, anh bạn nhờ chúng tôi trao cho cô bức thư này.

Thực rút từ túi áo một chiếc phong bì xinh xắn trên có mấy chữ: 'Gửi em yêu'.

Vẫn cuộn chặt hai bàn tay trong tà áo, cô gái trở mắt nhìn lần lượt vào mặt chúng tôi như dò hỏi. Chắc hẳn cô đoán đây chỉ là một trò đùa, bởi tấn kịch chúng tôi đóng rõ ràng là có phần thô vụng. Ai lại đột ngột kéo đi cả ba thằng như vậy nhằm chuyển một bức thư thổ lộ mối tình yêu kín đáo! Cô nhìn vào bức thư Thực vẫn chìa trước mặt cô trong một cử chỉ rất sân khấu, và cô áp úng:

- Không... Không phải của tôi đâu...

Nguyễn liền tấn công thêm:

- Cô nữ hắt hủi một tấm lòng thành thực như của anh bạn chúng tôi sao?... Cô không nhận, có nghĩa là cô đang tâm giết chết một con người!

Vế thứ hai của câu nói, Thực cố lấy một giọng trầm trầm run run, vừa nghiêm nghị vừa trang trọng.

Không ngờ câu nói văn vẻ kiêu cách lại gây hiệu lực đến thế. Chúng tôi thấy nét mặt cô gái lúc này như giãn căng, mắt càng mở to chứa đầy phân vân lo lắng đến gần như sợ hãi, ngực thở phập phồng. Cô rút một tay ra khỏi tà áo, đột ngột giật lấy bức thư rồi nhìn lướt cả ba gương

mặt chúng tôi một lần nữa, cô bùm môi như muốn khóc, cầm bức thư bỏ chạy vào phía nhà trong.

Chúng tôi nhảy ba bước ra đường để phá lên cười đến vỡ phở.

\*\*\*

Mãi lâu sau, khi tôi đã rời ghế nhà trường và bước vào đời, mới đến trong tôi niềm hối hận day dứt. Nhưng từ đó, tôi nghĩ đến câu chuyện rất nhiều.

Tôi thường tự hỏi sự đau đớn và xấu hổ của người con gái khốn khổ đã lên tới mức nào khi mở thư đọc, cô chỉ vền vền thấy ba chữ: 'Không thương được!' to tướng - ba chữ viết bằng ba nét bút khác nhau, bởi ba chúng tôi đứa nào cũng muốn dự phần vào cuộc đùa nghịch, coi như một trò chơi sáng tạo.

Bấy giờ, tôi lấy cuộc đùa nghịch ấy làm thường, làm tự nhiên, hợp lẽ nữa. Hình như tôi tự xây cho mình cái lý luận rằng Bồng và Năm xứng đáng sự giễu cợt, người này bởi không đẹp và vô duyên, người kia bởi ngớ ngẩn, quê mùa, và cả hai bởi họ quá hiền lành, bởi họ yếu hèn, bởi họ vô nghĩa lý.

Chúng tôi đã giày xéo lòng họ bao nhiêu! Biết đâu chúng tôi đã không bóp chết một mối tình duyên chớm nụ, càng thanh cao đẹp đẽ bởi càng cam lặng? Họ đã trao cho nhau chưa những luồng mắt thú nhận? Những tình cảm nào đã nở hoa trong lòng họ, chắc hẳn chất chứa yêu thương? Bởi, giờ đây tôi mới biết những kẻ yếu ớt, e lệ, sống lặng im, nhỏ nhẹ, lại thường là những kẻ sống bên trong cái đời sống tâm linh phong phú và tinh tế nhất.

Từng ấy câu hỏi, hồi bấy giờ không hề đến với óc tôi. Ồ, giá mà lúc ấy tôi có chứng cứ rõ rệt hơn về tình ý của họ, chắc hẳn tôi sẽ gán thêm cho họ một tiếng 'lố bịch' mà thôi. Sống ngay cạnh họ, tôi đã u mê, vì đã lãnh đạm, vì đã khinh thị.

Và lan man, tôi nghĩ đến sự vị kỷ của lòng người.

Người ta sống co quắp, cuộn tròn mình như một chiếc lá khô. Mỗi người đều tưởng mình là một vũ trụ, là tất cả vũ trụ. Ta tưởng nỗi đau khổ hiện đang giày vò ta là nỗi đau khổ to lớn nhất trần gian; khi lòng rạo niềm vui sướng, ta tin rằng nhân loại cùng rung với ta một cung điệu, ai nấy đều vui sướng chan hòa. Cái trạng thái tâm lý thứ hai này không hề là một nét vị tha như ta có thể lầm tưởng, mà nó vốn bắt nguồn từ một thứ tự kỷ trung tâm không hơn không kém.

Ta sống mù quáng, vây bọc bởi những bí mật. Người thiếu nữ cúi mặt làm lúi đi ngoài phố kia đang nuôi một tâm sự đau đớn nào? Ông già còng tôi thường thấy lần bước nặng nhọc ngang cửa, người hầu như gập làm đôi, hai tay chắp trên lưng, mồm nhai móm mém, lão nghiền ngẫm điều chi về cảnh ngộ của lão? Anh viên chức đặc điền trước nhà, bác thợ may hàng xóm, chị bán cháo bánh canh thường ngày cung cấp cho tôi món quà sáng thơm ngon ngày ngày, họ sống ra sao, lo nghĩ những gì, họ yêu ai và ghét những ai? Tại sao cô em gái tôi thương yêu nhất đời lặng lẽ khóc hai lần giữa ngày mồng một Tết? Tôi không hề biết, không hề biết!

Tâm hồn tôi trở nên lo lắng. Tôi sống chăm chú, vênh tai và giương mắt như con nai rừng rậm, tôi muốn cho linh giác thẳng căng, để mà thấu cảm, một cách lệ làng tế nhị, sự thâm kín ủ trong những nỗi lòng.



## Thằng Xin

Bác chài, đứng chạng trên sạp thuyền, mình hơi lùn, ngực căng vòng rúm đỏ, gác thúng cá lên một đầu gối rồi trút cá xuống chiếc lào (1). Chủ thuyền, ông nhà nghề, gọi người mua cá:

- Mụ Phiên đâu rồi, đến nhận thê, cà (2).

Những con cá trích, vẩy bạc loang loáng biếc, trượt từ thúng xuống lào lạch đạch. Tay bác chài giật giật nhanh và rất nhẹ, cá lướt từ từ không ép chặt lên nhau trong lào, khiến lợi người bán. Một bác khác quỳ trên sạp, hai tay nổi gân đờ xuống cạp lào. Mụ Phiên kêu:

- Đừng đê, đừng đê, bẹp lào của tôi mất. Làm thê thì đong một lào thật ra chỉ được một nửa.

Ông nhà nghề, vốn người làng bên, đáp bằng giọng oang oang của những bộ ngực nở đã quen hò hét giữa sóng gió:

-----

1. Thúng đong cá.

2. Kia.

-----

- Nói vậy! Thê thì kể đi chài chẳng mấy lúc mà giàu to, ru!

Bác đong cá vớt thúng, đưa tay khỏa cá trong lào cho bằng mặt, đoan hò, giọng kéo dài:

- Thê... e... e... e...

Ông nhà nghề rút trong bó đũa, nắm ở tay một chiếc, giơ cho người mua. Nhưng mụ Phiên kêu giã này:

- Không, không nhận, đong hao thê không được.

Bác chài quỳ rạp mình thò tay bốc dưới khoang ba bốn con cá bỏ vào lào rồi vừa xoa bàn tay trên mặt lào cá vừa nói:

- Đong ngang cạp lào rồi, còn muốn đầy có ngọn nữa cà ru?

Mụ Phiên vẫn hét, mồm quét trầu há đỏ lòm:

- Không cà ru cà rót gì hết, bỏ vô vài mươi con nữa, không thì tôi không lấy.

Mụ bỗng quay lại đét vào lưng một thằng mình trần đến thất lưng ngồi chồm hồm như con chó

tiền rươi phía sau mụ:

- Xin, bỏ ra không chết!

Thằng Xin vút nhanh vào lòng mấy con cá hấn vừa thò tay lấy cắp, đoạn giơ bàn tay còn nhầy nhựa vẩy cá, gắt lớn để chối:

- Ai lấy gì đâu?

Ông nhà nghề nói:

- Chào, cái quân hôi cá! Ăn cắp như nhem!

Đoạn thừa cơ mụ Phiên đang bận trí về mấy con cá bị hôi, ông gi chiếc đũa vào tay mụ, miệng bảo:

- Trút cá đi.

Bác chài nhanh nhẹn nhắc lào cá trút xuống chiếc xuống của người mua ghé cạnh thuyền lưới. Mụ Phiên vô tình nắm lấy thẻ, khi sực nhớ, quay lại kêu ầm:

- Lào sau, phải đong cho đôi để bù vô.

Hai bác chài đứng trong khoang thuyền, dùng cào xúc cá vào rổ, chuyển dần lên; chân họ dính những vẩy đến tận đầu gối. Nước cá bắn lên má, họ nghiêng đầu giơ cánh tay xát bả vai vào má cho đỡ ngứa xót.

Thằng Xin vẫn ngồi rình, lại thò tay bốc một nắm cá trong rổ. Ông nhà nghề trông thấy, tóm cổ hấn, khiến hấn rụt đầu lại. Ông ta diu hấn tới mạn thuyền, hấn cưỡng lại rất hăng. Ông bèn ầy mạnh, hấn lặn tòm xuống sông. Một giây sau, hấn nhô đầu lên, hỉ từ mũi ra hai luồng nước bạc súa, giơ tay bấu lấy tai thuyền. Ông nhà nghề rút một cái cọc chèo, dọt lên tay hấn. Hấn chửi một tiếng thô tục, vung tay vút mấy con cá đã hôi được vào mặt ông ta, rồi vội hụp xuống lặn một hơi vào bờ.

Về đến nhà, thằng Xin cứ để nguyên quần áo ướt mềm, ngồi cúi đầu chống tay. Mẹ hấn, mụ Xin, đang ngồi làm vàng mã, liếc nhìn nhưng không dám hỏi. Chợt thằng Xin kêu:

- Mẹ!

Mụ hỏi:

- Gì thế?

- Mẹ kiếm trâu cau sang nói với ông Thiệu cho tôi một chân trai dưới thuyền lưới. Rày tôi không đi hôi cá nữa.

Mụ Xin nhìn con, lo ngại. Thằng Xin ngồi thẩn lẩn luông mắt đen tối dán xuống đất. Hấn gọi lại trong trí mụ hình ảnh cha hấn. Cũng đôi mắt lăm lăm đỏ ngàu, cũng vẻ mặt cau rầu, cũng đôi môi dày hấn học mím chặt của người chồng xưa, một người đàn ông quá khổ cực vì làm ăn vất vả và đông con, đã quay lại làm khổ mụ suốt hai mươi năm trườn. Mụ Xin đã sống nhẫn nhục trong sự hành hạ của chồng cho đến một hôm, một bạn chài tới báo bác Xin đã bị cá

mập nuốt. Tấn thăm kịch thực giản dị và ghê gớm: bác Xin lặn xuống gỡ lưới, hồi lâu, bỗng một bong bóng rất lớn nổi lên vỡ bùng trên mặt nước: thế rồi hết. Mẹ khóc lóc thảm thiết, và trong lòng thương nhớ vẫn giữ kỷ niệm bi đát của người quá cố, một kẻ tàn nhẫn phũ phàng, nhưng cũng là nơi nương tựa của mẹ. Thăng Xin nhắc:

- Mẹ nhá!

Từ mấy hôm nay, thăng Xin nảy ý định đi chài. Mẹ hắn, từ sau cái chết thê thảm của chồng, giữ trong lòng nỗi khủng khiếp huyền bí về biển cả, vẫn khuyên dỗ để giữ đứa con trai một lại. Mẹ nói:

- Thôi đừng đi lưới. Cứ ở nhà cũng chán vạ nghề, vác muối thuê...

- ở nhà mà chết đói à? Mẹ bố hắn đếch!

Thăng Xin gất lên rồi nhìn mẹ bằng luồng mắt lăm lăm. Hắn vẫn không bao giờ tha thứ cho mẹ cái tội nghèo. Mỗi khi ăn không đủ no, hắn đá phất niêu cơm rỗng, vừa chửi đổng vừa nhìn mẹ hắn và mấy đứa em gái đông lít nhít bằng cái nhìn thăm thía. Mùa đông, những đêm quá rét, không ngủ được, hắn xé toạc cả những chăn bì vứt tung tóe, lấy chổi hoặc giạt tranh mái nhà đốt ngồi sưởi.

Mùa rét sắp đến, những thằng Đĩ Côn, Năm Xòe, đồng tuổi thăng Xin, hoặc kém hơn - trong làng có tục tảo hôn - lần lượt lấy vợ. Lòng thăng Xin càng nung nấu trong sôi nổi giãy vò của khí huyết.

\*\*\*

Thăng Xin nuôi tha thiết cái ý định góp nhóm để làm giàu. Có tiền thì không ai ức hiếp được mình. Có tiền lại cưới được vợ. Bỏ nghề hôi cá khôn nạn, hắn đi trai dưới thuyền lưới ông Thiệu. Hắn vui lòng hầu hạ bạn chài, thổi cơm, tát nước, đêm khuya lò dò trong xóm ran tiếng chó để gọi người đi biển. Hắn cũng sắm, như những bạn chài khác, một cái hòm mộc vuông để mang theo vật dụng và lương thực khi ra khơi; hắn góp nhóm tiền phần của mỗi chiều lưới - phần trai ít ỏi lắm, chỉ bằng nửa phần tiền bạn thôi - thêm vào đó khoản bán mực hay cá hắn đã câu được. Mỗi lần về nhà hắn lại mở hòm ra đếm tiền, tỉ mỉ khâu thành từng chuỗi, dưới mắt ham muốn nhưng nhẫn nhục của mẹ hắn. Hắn tính chỉ trong dăm tháng, hắn có thể có tới vài chục quan tiền, đủ cưới vợ, và hắn rửa lên một tiếng bằng lòng. Hắn định sẽ bàn với mẹ để đi dạm con Chắt bên xóm Đoài, mà hắn đã để ý đến đôi má béo hồng...

Một hôm, thăng Xin trích ra một số tiền nhỏ đi chợ huyện. Đã biết làm đóm, hắn sắm một cái gương nhỏ hình bồ dục, một cái lược sừng tiền rươi để khỏi phải dùng thứ lược cài bằng dây thép. Hắn lại liêu mua thêm cái khăn mặt đỏ để cột lên đầu, giữ tóc. Như thế chắc hắn sẽ có vẻ bảnh trai lắm. Chiều, thăng Xin trở về. Khi muốn cất những vật mới mua vào hòm, hắn bỗng giạt thót: chìa khóa không có trong túi nữa. Hắn gọi thất thanh:

- Mẹ ơi! Mẹ!

Mẹ Xin đang nấu cơm dưới bếp, chạy lên. Hắn nói không ra hơi:

- Mất mất rồi, mẹ ạ... Mất rồi!

- Mất gì kia chứ?

- Cái chìa khóa.

Mụ Xin sợ con nổi cơn điên, xằng xái tìm, nói luôn miệng:

- Tìm lại trong túi coi. Hay là hấn rơi xuống đất? Không chừng để quên trong áo mi thay khi ra đi.

Thằng Xin nhảy xổ đến thọc tay vào túi chiếc áo còn giắt trên vách. Mắt hấn lộ vẻ thất vọng. Mụ Xin cúi nhìn khắp trên nền đất, luôn miệng nhắc:

- Cứ tìm, thế nào cũng thấy. Không mất đi đâu được. Cứ tìm cho khắp.

Bụng thoáng một ý lo sợ, thằng Xin chạy tới nhắc hòm lên. Hấn thấy nhẹ hơn mọi hôm, bèn lắc hòm rất mạnh và rất lâu rồi kêu lên, giọng tuyệt vọng:

- Chết rồi, ai ăn cắp hết tiền của tôi rồi.

Mụ Xin cũng tới nhắc hòm xem nặng nhẹ. Giữa lúc đó, thằng Xin đã chạy đi lấy con dao rựa lên, xô mẹ ra tàn nhẫn, đoạn phăm phăm cạy nắp hòm. Mảnh gỗ bật tung, mở hoác. Nhìn vào góc hòm trống rỗng, thằng Xin có một giây im lặng ngỡ ngác, rồi bỗng cơn điên của hấn nổ bùng. Sau một tiếng nguyên rửa độc địa, hấn hét lên, lưỡi lúu lại:

- Đưa nào ăn cắp tiền đây, bỏ ra không thì bố hấn cũng chết! Mẹ hấn cũng chết! Tao giết chết cả nhà!

Bất thần, luồng mắt đỏ ngầu của hấn chụp lấy mụ mẹ. Mụ rúm người lại, mặt tái mét. Mụ biết hấn có ý nghi cho mình. Mụ bỗng nhớ ra:

- à, khi nãy có thằng Năm vô đây.

Thằng Xin vẫn nhìn mụ lăm lăm.

- Ai, thằng Năm Chột à?

- Hấn đó. Lúc ấy tao ở dưới bếp đi lên thì thấy hấn đi ra cổng. Hấn vô lúc nào tao không biết.

Một tia chớp lóe trong trí thằng Xin. Hấn nhớ khi đi ngang cổng nhà thằng Năm, hồi sáng, có nghe một tiếng 'keng' của vật gì rơi. Hấn vừa nhìn xuống đất, vừa soát túi, thấy chuỗi tiền vẫn y nguyên, hấn yên lòng bỏ đi, không nghĩ đến chìa khóa. Khi ngẩng đầu hấn thấy thằng Năm đứng tựa cổng, chăm chú nhìn chỗ hấn vừa dừng lại bằng con mắt chột. Thằng Năm gập luồng mắt hấn thì vội quay mặt đi, giả tảng đùa với con chó mực.

Thằng Xin đứng lặng suy nghĩ, ngực thở từng hơi mạnh. Chợt hấn phăm phăm đi ra. Mụ Xin vội nhảy tới nắm lấy tay cầm dao của hấn. Hấn đập mụ ngã lẩn. Không ngoái lại, hấn vác dao lao ra cổng, rẽ quặt về phía nhà thằng Năm Chột. Mụ Xin đau quá nằm bất động trên đất. Gần như ngờ ngạc đi, mụ vẫn cố dõi theo bước chân thằng con chạy thành thịch.

Có tiếng cổng nửa bị đẩy cào đất lác rạc, tiếng con chó Mực sủa, tiếp theo liền tiếng rít đau đón ghê tai của nó. Rồi một cuộc trao lời huyền não, thằng Xin hét, chửi, dọa, thằng Năm, hét, chối, chửi lại. Bỗng một tiếng kêu: 'Ua chao ôi!' của thằng Năm rít lên. Rồi im lặng.

Mụ Xin nhắm mắt, tưởng ngất đi. Khi mở mắt, mụ thấy thằng Xin chạy về, ôm trên bụng những chuỗi tiền đồng. Tay kia vẫn cầm con dao rựa; con dao loang máu đỏ thắm. Hấn nói lảm bảm: 'Cho chừa cái thói ăn cắp.'

- Mi... Mi...

Mụ Xin run lên lập cập, không nói được nên lời. Thằng Xin vứt dao xuống nền nhà, máu văng ra, điểm mấy giọt tròn đỏ thẫm trên đất. Hấn bỏ những chuỗi tiền qua khe hở cửa hòm, vừa bỏ vừa đếm. Đoạn hấn ngồi trên mặt hòm, tay chống đầu gối, yên lặng nhìn con dao. Mụ Xin vẫn ngồi quy, về mặt ngu độn.

Bên hàng xóm, tiếng xô xao nổi lên, theo tiếng lô la của mụ Lập, mẹ thằng Năm. Hồi sau, một toán người rùng rùng chạy tới, đi trước hết là mụ Lập, miệng vừa khóc vừa thét: 'Hấn giết con tôi, ua làng nước ôi!', hai tay đỡ ngang mình thằng Năm mê man, mắt nhắm, tay phải buông thõng, bàn tay cụt hấn! Máu phun ra như vòi từ cổ tay, nhưng mụ Lập, theo thói nhà quê hay 'phân bua' cứ đứng trước mặt mụ Xin kể lể:

- Hàng xóm coi đây này, thằng Xin hấn giết chết con tôi rồi! Hấn giết chết con tôi rồi! Ua Xin ôi là Xin ôi! Ai lật hộ con dao cho một tí để tôi trình làng.

Các bác đàn ông hét nhau mời ông Lý và kiếm giẻ, kiếm thuốc lào để cầm máu. Căn nhà nhỏ huyên náo lên.

Duy thằng Xin vẫn ngồi lặng yên. Hấn ngồi đề lên hòm tiền như sợ bị mất cắp lượt nữa.

## Về làng

Cách rất thái bình, ba người đàn bà ngồi thành hàng dọc bắt chấy cho nhau. Con Thơi ngồi bên ngạch cửa, bằng những cử động nhỏ và lạ của ngón tay, vạch mái tóc ả Đỏ, chị dâu nó. Người chị dâu, ngồi chồm hồm trên một cái ghế đôn, đến lượt mình quào quào trên đầu mẹ chồng. Mụ Chuồng ngồi bệt trên đất, hai chân duỗi bắt chéo, hơi dựa ngửa để vịn cùi tay lên đùi con dâu. Mắt lim dim, mụ mím miệng cắn cắn một cái gì, làm cho thịt má phía trên quai hàm nổi lên.

Mỗi khi ai bắt được con chấy, người ấy bèn cặp nó giữa hai đầu ngón tay, vuốt dọc sợi tóc, rồi đặt lên bàn tay người bấy lâu đã cho nó ở cư. Người này nhìn một chút xem con bọ có béo không, trước khi đập bàn tay lên miệng cho nó bật lên lưới. Lưới lo le vài cái để đặt đúng con chấy giữa hai hàm răng, rồi người ta nghe một tiếng 'cộp' nhỏ.

Chợt có tiếng ai nói ngoài cổng: 'Đây rồi'.

Mụ Chuồng đứng thẳng dậy nói:

- Ai như nhà Đỏ Chuồng ấy.

Một người đàn ông trẻ mặc sơ mi và quần Âu đi vào, dặt tay một cô gái áo hồng dài lê thê, quần nhiều trắng, dép cao gót. Mấy đứa trẻ chạy theo, kháo nhau: 'Bà dầm à, bay?'.

Ba người đàn bà đứng sững mà nhìn.

Mụ Chuồng đã nhận ra con trai của mình, nhưng thấy con đi với người lạ ăn mặc sang trọng thì chưa dám nhận. Mụ hỏi:

- Nhà Chuồng đó phải không?

Người con trai cau mày, đáp:

- Chả tôi thì còn ai!

Đoạn anh quay lại cô gái tân thời:

- Vào đây em, Tuyết, cứ đòi về quê mãi, đã thấy quê chưa?

Tuyết sẽ gật đầu chào mụ Chuồng, rồi vừa đi vào vừa hỏi nhỏ:

- Bà via đây phải không? Hai người kia là ai? Em Chương đây hả?

Mụ Chuồng và hai con vẫn đứng nhìn, cách khiếm nhã. Chương bèn bảo:

- Thôi, xuống bắc siêu nước, mau. Rồi múc một thau nước lên đây.

Quay lại, anh trừng mắt nhìn vợ, ả Đò bỏ xuống bếp. Mụ Chuồng không biết làm gì, đuổi mấy đứa con nít ra, đóng cổng rồi cũng đi theo ả.

Chương đưa Tuyết vào nhà. Lo lắng dò sự phản ứng của nhân tình, anh hỏi:

- Thế nào, có khó chịu lắm không?

Tuyết ngừng nhìn quanh:

- Dễ coi đấy chứ. Cũng sạch sẽ, ngăn nắp.

Chương tỏ vẻ vui sướng. Anh nói:

- Thế nhưng không ở được lâu đâu. Tự giam mãi, đây chết buồn mất.

Tuyết đi rửa tay.

Mụ Chuồng ló mặt sau tấm vải nâu che cửa buồng gọi:

- Nhà Chuồng! Vô hỏi.

Chương đi vào, đưa mẹ xuống bếp để nhân tình khỏi nghe câu chuyện mình sắp nói. Anh gắt mẹ:

- Cái mồm thì cứ bô bô. Chuồng! Chuồng! Là cái quái gì? Cái tên mẹ đặt cho tôi hay ho quý báu lắm đấy mà mẹ tưởng tôi giữ mãi làm của hương hỏa?

Mụ Chuồng đáp chậm và dài giọng:

- Thì ai có biết!

Người con trai gắt nữa:

- Không biết thì câm đi. Từ giờ tôi tên là Chương, ai quên tôi cắt miệng.

Chương là một đứa đẻ rơi. Mẹ mẹ đang cho lợn ăn bỗng thấy quặn đau, ngồi quỳ cạnh chuồng. Thằng bé lọt lòng giữa mùi phân và những tiếng ừ ừ, người ta đặt ngay cho nó, cách thực là giản dị, cái tên thằng Chuồng. Vả như thế, càng dễ tránh sự dòm ngó không hay của ma quỷ. Mẹ mẹ đã đẻ bốn lần không nuôi được, lần này phải đặt cho nó một tên thực xấu, đến ma quỷ cũng lảng xa.

Cha Chương làm nghề đánh cá, vừa đủ cung cấp cho sự sống của gia đình nếu mùa lưới được. Lên sáu, Chương phải đi 'hồi', nghĩa là khi có thuyền vào bán cá thì bơi ra bám lên ngồi thu lu một xô, rồi trong lúc không ai ngờ, thò tay đánh cắp vài con. Người ta bắt được, xô cho lăn tòm xuống sông: nó lại lóp ngóp bơi vào bám lấy thuyền. Khi cha bị cảm chết, Chương vừa mười tám tuổi và đã cưới vợ được ba năm. Anh bỏ ra Mông Dương làm mỏ. Vừa gặp thời vận, lại khôn ngoan, lanh lợi, anh dấy nghiệp rất mau, từ phu lên cai, rồi nhảy ra làm thầu khoán, gầy được số vốn vài vạn. Tên Chuồng xấu xí không còn ăn nhịp với cái xã hội giàu sang anh vừa bước chân vào. Khéo léo anh đổi sang tên Chương.

- Tôi cắt miệng. Chứ đừng có tưởng! - Chương nhắc lại.

Mẹ mẹ bị cự ngồi yên, miệng bùi bùi, Chương hơi hổi, bắt sang chuyện khác. Anh rút từ túi quần ra một tệp giấy bạc:

- Nay mẹ cầm lấy đây mười đồng, bảo con Thơi chạy ra chợ mua cái gì về thổi cơm ăn. Bảo nó nấu cho sạch sẽ ngon lành một chút.

Mẹ Chuồng nhận tiền, đổi sang vẻ mặt hí hửng. Mẹ nhớ lại ý định của mẹ khi gọi con vào buồng, ý định mà nãy giờ, bị cự, mẹ đã quên đi. Mẹ chỉ tay về phía nhà trên, hỏi khẽ:

- Chớ ai ngoài ấy?

Chương im lặng một giây. Rồi như để đánh tan sự do dự, anh nói bật ra, giọng to gần như khiêu khích:

- Vợ tôi đó, chứ ai nữa!

Mẹ Chuồng hơi sa sầm mặt, tuy đã ngờ tới điều đó ngay từ khi hai người vừa bước chân vào nhà. Chương vội tiếp, dùng kế kim tiền ngừa sự trái ý của mẹ:

- Thôi mẹ đi mau lên, đói bụng rồi. Để hôm nào tôi cho mẹ dăm chục.

Đoạn anh đi lên nhà trên.

Thấy con dâu và con gái ngồi ngoài chỗ vại nước rửa, mẹ Chuồng đi ra. Mẹ nói:

- Thật rồi, bay nà, hấn lấy vợ đằng ngoài. Cái con ấy là vợ hấn đó.

Con Thơi ngừng nhìn chưa tỏ về gì. ả Đò thì cúi mặt, lẩn mẩn dùng ngón chân cái bẩy đất lên. ả im lặng, không khóc, mắt chỉ hơi buồn chút thôi. Chồng ả bỏ đi làm ăn biệt tăm thế là đã bảy tám năm: ả vẫn ở vậy, làm đủ bổn phận người con dâu trong gia đình và cam chịu cảnh cô đơn, lâu ngày thành thói quen nhẩn nhục.

Mụ Chuồng giao tiền cho con Thơi đi chợ. Mụ dặn mua lòng lợn, miến, cua, những thức ăn sang đối với nhà mụ. Con Thơi đi rồi, mụ hỏi ả Đò:

- Giữ làm cách nào nạ?

Hồi lâu, ả Đò mới đáp, giọng hơi chua chát:

- Làm cách nào? Anh ấy đi làm có tiền, thì anh ấy lấy vợ đẹp, vợ sang. Tôi thì đáng cái chân xách dép cho người ta thôi.

Chợt trên nhà có tiếng Chương gọi:

- Thơi ơi! Thơi!

Mụ Chuồng gọi vọng lên:

- Con Thơi đi chợ rồi.

Mụ bảo con dâu:

- Nhà mi lên một tí, coi hấn nhủ chi.

ả Đò đáp xẵng:

- Tôi chả.

ý chừng sợ bật khóc, ả bỏ vào bếp. Mụ Chuồng đành lên vậy. Mụ hỏi Chương:

- Nhủ chi đó?

- à, tưởng con Thơi còn ở nhà thì mượn thay cho thau nước.

Mụ Chuồng đi thay nước, bưng lên, đoạn đến ngồi bệt trên gạch cửa cách tự nhiên.

Trong khi Chương rửa mặt, Tuyết mở ví ra soi gương điểm trang lại. Mụ Chuồng chăm chăm nhìn cô ta một cách tò mò mê mải. Mụ thấy cô ta tấp tấp nhẹ cái nhúm bông lên mặt, phiết lên đó những vạt phấn trắng. Rồi cô ta thoa đều, nghiêng mặt bên này, bên kia, ngược ngấm thoa cổ, săn sóc đến cả vành tai. Đoạn cô ta làm má hồng, kẻ lông mày, dẹt miệng ra mà tô môi son. Mụ nhìn những trò kỳ dị ấy, lòng gần như rợn sợ. Cái người lịch sự, răng trắng nhớn, quần áo xanh đỏ kia muốn xen vào gia đình của mụ? Mụ có hấn làm con dâu? Làng nước sẽ cười mụ thối đầu! 'Con dâu như thế để hấn à? Liệu có gánh nước được không? Nấu nồi cơm chưa chắc đã chín!' Mụ nghĩ thầm.

Chương thay quần tây đẹp vào, tới gần nhân tình âu yếm hỏi: 'Xong chưa?'. Tuyết gật. Hai người sửa soạn ra đi.



Mụ Chuồng hỏi trống không:

- Định đi mô giờ đó?

Chương đáp:

- Đạo xem làng một chút. Ghé ra chợ, lên chùa rồi về ngay. Mẹ bảo con Thôi làm cơm nhanh nhanh.

Mụ Chuồng nghĩ: 'Dắt hẳn đi nhong nhong giữa làng để bêu xấu tao à?' Bìu bĩu môi mụ nói:

- Thôi, đi về mệt, nằm nghỉ một tí rồi mà ăn cơm.

Chương nhất quyết ra đi:

- Chúng tôi về ngay mà.

Chương đem vợ mới về làng do một ý hợm: cho thiên hạ biết cái thằng Chuồng mắt toét đi hôi cá thừa xưa bây giờ giàu sang hơn cả mấy ông trọc phú trong làng đến bực nào. Một ý hợm có chen láo xược: anh kể như không có vợ ở nhà, người vợ quê mùa xấu xí bố mẹ đã cưới cho và đã sống cạnh anh ba năm.

Chương và Tuyết đi rồi, mụ Chuồng vẫn ngồi nói một mình:

- Chẳng biết hẳn cho ăn phải bùa phải bả chi mà đeo đẳng lấy hẳn.

Vốn nòi nhà quê cần cù, mụ thù ghét bọn tinh thành đãi các nhớn nhợ. Việc con mụ về làng cặp theo một cô tân thời làm mụ hổ thẹn: hàng xóm sẽ nghĩ như mụ rằng đó chỉ là một con đĩ rộng dài, sống để phung phí ăn chơi và để được hầu hạ.

ả Đò đang cho lợn ăn; ả ngoáy mạnh bàn tay trong chậu, trộn đều cám và bèo, dáng nhanh nhẹn, tháo vát. ả vẫn làm đủ công việc, vẫn chăm chỉ, tuy về buồn có thoáng ở hai môi mím và mí mắt trập.

Mụ Chuồng cũng chẳng hề có ý tưởng so sánh ả Đò với Tuyết nữa; ả Đò trộ hẳn lên. Mụ đi ra, đứng cạnh con dâu, tay chống cột chuồng. Mụ càng thương mến ả Đò hơn bởi hai người cùng chịu một nỗi đau buồn. Mụ nói vẫn vợ để dắt tới chuyện Chương và Tuyết:

- Hai đứa đi ra chợ rồi.

Người con dâu không đáp, vẫn cúi nhìn đàn lợn ăn hộc tốc, nhui mồm trong chậu. Mụ tiếp, lờ lợm hoa hòe nữa:

- Thứ đàn bà ấy thì tốt đẹp chi. Hẳn như con bướm liệng vành, chán rồi là bỏ.

Giọng mụ đổi sang quả quyết:

- Hẳn đã bỏ bùa thì ta giã bùa. Thẹn với làng nước lắm. Mi cứ nín lặng, rồi lấy cái yếm vừa mới thay ra ấy...

ả Đò ngắt lời:

-Tôi chả!

Mụ Chuồng hơi gắt:

- Con ni dở hơi lắm. Thế cứ chịu để hắn cướp mất chồng à? Để tao nhủ con Thơi đi bứt ít lá mừng tơi về hấp cơm rồi đùm trong cái yếm của mi, rồi nấu canh cho nhà Chuồng hắn ăn, là tỉnh mê liền.

ả Đồ coi ý ưng thuận. Nhưng ả vẫn nói nho nhỏ trong miệng 'Tôi chả...' như thể ả nghĩ như thể là hạ mình.

Vừa lúc Chương và Tuyết về. Chương hỏi:

- Sắp có cơm chưa?

Mụ Chuồng đáp:

-Đang nấu. Em hắn cũng vừa về.

- Bảo nó nhanh lên chứ.

Mụ Chuồng và ả Đồ bỏ xuống bếp làm cơm.

Chương nói với Tuyết:

- à, sáng nay xuống tàu mà quên hỏi nhà ga xem đúng mấy giờ thì tàu tốc hành ra Bắc ngang qua đây.

Mụ Chuồng dừng lại hỏi:

- Sao? Lại ra liền à?

- Sáng mai chúng tôi đi sớm.

- ở lại chơi ít ngày đã. Chả mấy khi về.

- Ngoài ấy đang bao nhiêu công việc bề bộn, phải ra.

Mụ Chuồng không nài thêm. Mụ tắt tả chạy xuống bếp báo với con dâu:

- Mai hắn ra Bắc rồi. Mau, mau, đi kiếm ít lá mừng tơi về tau làm cho.

ả Đồ nhờ Thơi đi bứt lá. Mụ Chuồng nói:

- Hắn đi lật đật quá, thì không kịp coi thuốc đã hiệu nghiệm ra sao. Nhưng hiệu nghiệm thì ra ngoài ấy hắn sẽ bỏ con ni ra. Mi đi thay yếm đi. Nhớ đừng cho ai biết.

ả Đồ vội vàng vào buồng cởi ở mình ra cái yếm bản sắp dùng để ấp hơi mồ hôi của ả vào nhúm mừng tơi dành cho chồng ăn giải bùa.

